

Chateaubriand

DUYÊN PHẬN
LỖ LÀNG



Duyên Phận Lỡ Làng

Chateaubriand

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Table of Contents

[Tác Giả](#)
[Phần Đầu](#)
[Lời Tường Thuật Những Người Thợ Săn](#)
[Những Người Nông Phu](#)
[Tấn Bi Kịch](#)
[Tang Sự](#)
[Réné](#)
[Phần Kết](#)
[Chú thích :](#)

Tác Giả



François René, Tử tước của Chateaubriand (1768 - 1848) là một nhà văn, chính trị gia và nhà ngoại giao người Pháp. Ông được coi là người sáng lập ra trào lưu lãng mạn trong văn học Pháp.

Sinh tại Saint Malo, là con út trong gia đình 10 con, Chateaubriand lớn lên trong thành ở Combourg, Bretagne. Bố ông, René de Chateaubriand (1718-1786), là một cự thuyền trưởng chuyển sang buôn bán tàu và nô lệ. Mẹ ông là Apolline de Bedée. Cha của Chateaubriand là một người trầm tính và ít nói, do vậy Chateaubriand lớn trong một gia đình cô đơn, ít có bạn bè, ông chỉ có thể làm bạn với con đường dài ở vùng đồng quê Bretagne cùng người chị gái.

Chateaubriand học ở Dol, Rennes và Dinan. Có một quãng thời gian ông không định hướng được nghề nghiệp của mình là muốn trở thành thủy thủ hay một thầy tu, nhưng đến năm 17 tuổi, Chateaubriand quyết định gia nhập quân đội và nhận nhiệm vụ làm trung úy hải quân cho quân đội Pháp ở Navarre. Trong vòng hai năm, ông đã được thăng lên chức thuyền trưởng. Chateaubriand tới thăm Paris năm 1788, nơi mà ông có dịp tiếp xúc với những văn hào hàng đầu của Pháp thời đó như Jean François de La Harpe, André Chénier, Louis Marcelin de Fontanes. Khi Cách Mạng Pháp bùng nổ, Chateaubriand ban đầu chấp nhận ở lại, nhưng khi tình hình ở Paris trở nên căng thẳng, ông đã du hành tới Bắc Mỹ năm 1791. Kinh nghiệm chuyến đi đã đem lại cho ông tác phẩm Les Natchez (viết từ giai đoạn 1793 và 1799, xuất bản năm 1826), Atala (1801) và René (1802). Lối miêu tả thiên nhiên sáng sủa và lôi cuốn về vùng đất phía nam Hoa Kỳ của ông là một cách viết tân thời khi đó và là tiền đề cho sự phát triển của phong trào lãng mạn ở Pháp. Sau đó các nhà học giả nghi ngờ tuyên bố của Chateaubriand rằng ông đã được quyền phỏng vấn George Washington.

Chateaubriand trở lại Pháp năm 1792 và gia nhập quân đội Hoàng Gia Émigrés tại Coblenz dưới sự lãnh đạo của Louis Joseph de Bourbon, Hoàng Tử của Condé. Dưới sức ép gia đình, ông chấp nhận kết hôn với một phụ nữ quý tộc ở Saint Malo tên là Céleste Buisson de la Vigne, người mà trước đó Chateaubriand chưa bao giờ gặp, sau này Chateaubriand không tin tưởng vào vợ và gặp nhiều vấn đề trong tình cảm, tuy vậy thì cặp đôi này lại không bao giờ ly hôn. Sự

nghiệp quân sự của Chateaubriand chấm dứt khi ông bị thương trong trận Thionville, một trận chiến lớn giữa lực lượng Hoàng Gia và quân đội Cách Mạng Pháp. Chateaubriand được đưa tới Jersey và bị đẩy tới Anh, bỏ lại người vợ phía sau.

Chateaubriand phải trải qua một cuộc sống vô cùng đói khổ ở London, ông phải sống qua ngày bằng việc đi xin dạy tiếng Pháp và dịch thuật. Tuy vậy, trong thời gian ở Suffolk, ông yêu một phụ nữ trẻ người Anh, Charlotte Ives, nhưng cuộc tình lãng mạn không kéo được lâu khi Chateaubriand bị ép phải thừa nhận đã kết hôn. Trong thời gian ở Anh, Chateaubriand trở nên hiểu biết nhiều hơn về văn học Anh. Tác phẩm *Paradise Lost* của John Milton (mà sau này ông dịch sang tiếng Pháp) đã có ảnh hưởng to lớn tới văn học của Chateaubriand.

Cuộc lưu đày đã buộc Chateaubriand tìm hiểu về nguyên nhân của Cách Mạng Pháp, một cuộc cách mạng đã làm hy sinh mạng sống của nhiều thành viên trong gia đình ông; điều này là nguồn cảm hứng cho tác phẩm *Essai sur les Révolutions* (1797). Bước chuyển lớn trong cuộc đời Chateaubriand là ông đã lấy lại niềm tin vào Giáo Hội Công Giáo vào năm 1798.

Chateaubriand tận dụng lệnh ân xá để trở lại Pháp tháng 5 1800, ông biên tập tạp chí *Mercure de France*. Năm 1802, ông giành được danh tiếng với tác phẩm *Génie du christianisme*, một sự tạ lỗi cho niềm tin Thiên Chúa đã đóng góp cho sự phục sinh tín ngưỡng thời hậu Cách Mạng. Tác phẩm cũng nhận được cảm tình của Napoléon Bonaparte, người đang rất muốn chiến thắng Giáo Hội vào thời điểm đó.

Chateaubriand được Napoléon bổ nhiệm chức công sứ Tòa Thánh, ông được chỉ định đi cùng Joseph Fesch tới Roma. Nhưng hai người nhanh chóng bất đồng và Chateaubriand sau đó được bổ nhiệm làm công sứ ở Valais (Thụy Sĩ). Ông quyết định từ chức do phần nộ sau khi Napoléon yêu cầu xử tử Công Tước của Enghien năm 1804. Chateaubriand phải chấp nhận cuộc sống mưu sinh bằng văn chương. Ông lên kế hoạch viết một bản sử thi bằng văn xuôi, *Les Martyrs*, trong thời kỳ xảy ra sự ngược đãi tín đồ Cơ Đốc ở Rome. Năm 1806, Chateaubriand thăm Hy Lạp, Tiểu Á, Palestine, Ai Cập và Tây Ban Nha để nghiên cứu cho cuốn sách. Những ghi chép của ông trong những chuyến đi sau đó được hợp thành tác phẩm *Itinéraire de Paris à Jérusalem* (*Itinerary from Paris to Jerusalem*), xuất bản năm 1811. Chuyến đi tới Tây Ban Nha lại là nguồn cảm hứng cho tiểu thuyết ngắn *Les aventures du dernier Abencérage*, xuất hiện năm 1826. Khi trở về Pháp Chateaubriand cho xuất bản những bài chỉ trích gay gắt về Napoléon, so sánh ông với Nero và tiên đoán sự nổi lên của một Tacitus mới. Hoàng đế Napoléon cuối cùng đã trục xuất Chateaubriand khỏi Paris.

Chateaubriand quyết định tới sống ở Châtenay Malabry, cách trung tâm Paris 11 km (7 dặm) về phía Nam. Tại đây, ông đã hoàn thành cuốn *Les Martyrs*, ra mắt năm 1809 và bắt đầu viết các bản thảo hồi ký. Ông được bổ nhiệm vào Viện Hàn Lâm Pháp năm 1811. Tuy nhiên, do bài phát biểu chỉ trích cuộc Cách Mạng Pháp nên Chateaubriand không thể giữ được chức cho đến sự phục hưng của nhà Bourbon. Các bạn thân văn chương thời này có Madame de Staël, Joseph Joubert và Pierre Simon Ballanche.

Sau sự sụp đổ của Đế Nhất Đế Chế, Chateaubriand tập hợp với nhà Bourbon. Vào ngày 30 tháng 3 năm 1814, ông viết một cuốn sách chỉ trích Napoléon, với tiêu đề *De Buonaparte et des Bourbons*, trong đó hàng nghìn bản copy đã được xuất bản. Sau đó Chateaubriand theo Louis XVIII trong chuyến lưu đày tới Ghent trong thời gian Vương Triều 100 ngày (tháng 3 - tháng 7 năm 1815) và được đề cử làm đại sứ tới Thụy Điển.

Sau thất bại của Pháp, Chateaubriand, người tuyên bố cảm thấy kinh hoàng trước việc xử tử Công Tước d'Enghien, đã bỏ phiếu đồng ý việc xử tử Thống Chế Ney tại Nghị Viện tháng 12 năm 1815.

Năm 1830, sau Cách Mạng Tháng Bảy, Chateaubriand từ chối thề trung thành với Louis Philippe I, vị vua mới của nhà Bourbon Orléans. Kết thúc sự nghiệp chính trị, Chateaubriand viết cuốn *Mémoires d'outre-tombe* (xuất bản 1848 - 1850 sau khi mất).

• Tác phẩm

Essai sur les révolutions (1797), *Atala* (1801) *René* (1802), *Génie du christianisme* (1802), *Les Martyrs* (1809), *Itinéraire de Paris à Jérusalem* (1811), *Mémoires sur la vie et la mort du*

duc de Berry (1820), Les Natchez (1826), Les Aventures du dernier Abencérage (1826), Voyage en Amérique (1827), Études historiques (1831), La Vie de Rancé (1844), Mémoires d'Outre-Tombe (1848 – 1850).

Phần Đầu

Thuở xưa, nước Pháp đã từng phen làm chủ một dãy lãnh thổ mệnh mông bát ngát ở phía bắc Châu Mỹ chạy dài từ Labrador tới Florides và từ các vùng bờ bãi của Đại Tây Dương tới những hồ nước hẻo lánh thuộc miền cao nguyên Gia Nã Đại.

Bắt nguồn từ khu vực núi non nói trên, bốn Đại trường giang đã phân xẻ dãy đất bao la thành nhiều mảnh: Giòng sông Saint Laurent hun hút biến dạng về hướng đông, hội nhập vào lòng vịnh mang cùng tên gọi giống Tây giang cuộn cuộn; tuôn đổ vạn ngàn con nước tới những vùng biển cả xa lạ, giòng Bourbon hối hả chạy từ Nam sang Bắc rót vào tiểu vịnh Hudson và giòng Meschacebé^[1] lao mình từ Bắc xuống Nam, tiến tới vịnh Mễ Tây Cơ.

Chính con sông cuối cùng này với một giòng nước dài hơn ngàn dặm đã tưới bón cho một vùng đất mỹ miều tươi tốt, nơi đã được dân Hiệp Chúng Quốc mệnh danh là miền Tân địa đàng và cũng là địa khu mà người Pháp đã dành cho một tên gọi thật là êm ái - Louisiane - Cả ngàn con sông nhánh của giòng Meschacebé, như Missouri Illinois, Ankara, Ohio, Wabache, Tenase, đã làm cho miền đất này thêm màu mỡ, phì nhiêu, nhờ vào hằng hà sa số những con nước mang đầy chất phù sa. Về mùa đông, khi tất cả các giòng sông bị tràn ngập bởi cơn Đại hồng thủy, khi những trận bão đã đổ ngã từng khoảng rừng lớn, thì những đám cây bị nhổ bật tung rễ lên, đã hội tụ lại tại các vùng suối nguồn. Chẳng bao lâu sau những đám cây đó đã bị bùn đất kết chặt lại, đã bị những nhóm dây leo ràng buộc vào nhau và đã bị hàng hàng lớp lớp những loại cây nhỏ bắt rễ đâm chồi, vươn lên ở khắp đó đây, tạo cho đám cây đất hỗn độn thêm phần bết chắc. Thế rồi, do những đợt sóng ngẫu bốt, chiếc bè bằng cây đất hỗn độn ấy đã trôi dạt về phía giòng sông Meschacebé. Con sông dài liền cuốn hút lấy, đẩy đưa chúng về hướng vịnh Mễ Tây Cơ, bỏ rơi chúng ở hai bên bờ cát, nhờ vậy đã tự tăng triển thêm được khá nhiều những vùng hà khẩu của giòng sông. Cách khoảng từng chập một, giòng trường giang đã thét gầm lên mỗi khi băng ngang qua bên dưới những chân núi và trải lan con nước tràn bờ, vây quanh các hàng cột của những khu rừng cây và những hình khối tháp tại các vùng nghĩa địa của thổ dân. Đó chính là giòng sông Nil của vùng hoang địa. Nhưng, về điểm tuyệt bao giờ cũng là một hòa hợp của cái đẹp huy hoàng, lồng vào trong lòng cảnh trí của thiên nhiên: Trong khi giòng cuồng lưu ở giữa trường giang băng băng cuốn lôi những tàn tích của những cây thông, những cây sồi về hướng biển cả, thì người ta đã nhìn thấy những chiếc tiểu đảo chất chứa đầy cây nhũ hương và cây sủng bập bênh nổi trôi theo hai giòng nước ở sát đôi bờ trường giang, nơi mà màu sắc hồng hoàng đã vươn lên như những ngọn tiểu kỳ. Những con rắn màu lục, những con diệp màu xanh lơ, những con hồng hạc màu hồng, những chú cá xấu nhỏ bé đã trở thành khách lãng du trên con tàu hoa, và trú khu đó, đã trương căng những cánh buồm rực rỡ vàng tươi trước gió để rồi tạm ghé lại ẩn trú trong tiểu vịnh của giòng sông.

Hai bên bờ trường giang Meschacebé đã phô diễn lớp lớp cảnh trí vô cùng kỳ ảo! Về phía tây, những cánh đồng cỏ rộng lớn dần ra tới mãi phía xa xa khuất hẳn khỏi tầm mắt. Những làn sóng màu xanh lục, gợn gợn chuyển mình, dường như đã vươn lặn đến tận nền xanh lơ của bầu trời cao và mất hút tại nơi đó. Trong những cánh đồng cỏ bát ngát vô biên này, người ta đã nhìn nhiều đàn trâu hoang dã, từ ba tới bốn ngàn con cất bước lang thang vô định khắp đó đây. Thỉnh thoảng, một chú bò rừng, nặng nề vì năm tháng chổng chất, rẽ sóng bơi về hướng những tiểu đảo ở trên giòng Meschacebé để nằm nghỉ giữa đám lá cỏ xanh cao. Với chiếc trán trang trí bởi đôi rừng, với bộ râu cổ kính dính đầy bùn đất, chú bò già đã đem lại cho quý vị một hình ảnh vị thần sông đang tung ném tầm mắt vui thỏa về hướng những lượn sóng hùng vĩ và cảnh hoang đại mệnh mông ở hai ven bờ nước.

Đó là cảnh trí của dải bờ phía Tây, nhưng về phía đối diện thì đã thay đổi hẳn và đã hòa hợp với cảnh trí thứ nhất, tạo thành một vẻ đối nghịch ưa nhìn. Nằm lơ lửng ở phía trên giòng thủy lưu, những đám cây muôn hình vạn trạng, đầy đủ mọi màu sắc, tràn ngập những hương vị, đã tụ hội lại ở trên những viên đá tảng ở trên những dãy núi cao, hoặc tản mác ở trong lòng những thung lũng, trà trộn vào nhau, cùng tăng triển theo nhau, vươn mình vào không phận, với

những chiều cao làm mỗi mắt kẻ ngắm nhìn. Những dây nho dai, những dây tử oai, những dây mướp đắng, quán quít từ phía dưới gốc cây leo lên các nhánh gác bỏ lan ra phía đầu cành, phóng mình từ cây Phong sang phía cây Hàng thiên mộc, từ cây Hàng thiên mộc tới cây Thục quỳ, tạo thành hàng ngàn hang hốc, hàng ngàn chiếc cửa tò vò và hàng ngàn dãy hành lang hun hút. Thường thường những loại dây leo đã bị lạc hướng trong lúc chuyển mình từ cây nọ sang cây kia và đã phải băng ngang qua những nhánh sông, để rồi dựng nên những chiếc cầu hoa trên các khu vực đó. Ở giữa vùng lá cành rậm rạp nói trên, cây Mộc lan đã vươn cao đỉnh ngọn hình chóp nón, lặng lẽ bất động, chum phủ bởi những đóa hoa to lớn trắng toát, loại cây này đã vượt hẳn lên trên các loại cây rừng và chỉ có một đối thủ duy nhất, đó là loại cây thốt nốt đang nhẹ nhàng đu đưa những chiếc quạt xanh lục ở kế cận.

Hàng hà sa số các loại sinh vật đã được bàn tay tạo hóa đặt vào vùng ẩn trú đó để ban truyền sức sống và sự linh diệu tại nơi đây. Ở phía đầu các thông lộ, người ta đã trông thấy những con gấu say sưa ngây ngất vì nho đang lão đảo thất thiếu cất bước trên những cành cây tiểu du. Những con tuần lộc ngâm mình giữa một hồ nước. Những con sóc đen rồn đùa trong đám lá um tùm. Những chú chim Thằng-nhại, những chú chim bồ câu Virginie có tầm vóc như loài chim tước liệng xuống những bãi cỏ non, au đổ bởi những trái dâu tây. Những con vẹt lông xanh lục đầu vàng khè, những chú chim gõ kiến lông ửng đỏ, những chú hồng điều sắc lửa nhảy nhót di chuyển trên đỉnh những cây trắc bá, những chú chim sâu duyên dáng, tại những cành hoa lài vùng Florides, những loại rắn bay treo mình lơ lửng trên những vòm lá cây rừng, găm rít lên và đu đưa thân mình giống như những loại dây leo.

Nếu tất cả mọi vật ở trong phạm vi đồng cỏ đã câm nín, ngơ ngẩn, thì ngược lại tất cả mọi vật tại nơi đây đã rầm rì, chuyển động. Những nhát mổ vào thân cây sồi, những tiếng sột soạt do thú vật đi lại, gặm cỏ, hay cắn nhai những hạt trái cây giữa hai hàm răng, tiếng ào ào của sóng nước, tiếng lao xao yếu ớt, tiếng rống âm ỉ, tiếng rừ rừ diu nhẹ, đã làm cho các khu vực hoang vu tràn ngập một loại hòa âm man dã và êm ái. Nhưng, khi một cơn gió kéo tới, thì miền hiu quạnh này trở nên vô cùng linh hoạt, gió lay động những vật thể phấp phới, gió hòa trộn những khối trắng xóa, xanh lơ, xanh lục, hồng đào, làm cho tất cả các loại màu sắc lẫn lộn vào nhau, làm cho tất cả những tiếng rầm rì kết hợp lại thành một. Thế là, từ trong rừng sâu vọng ra một thứ tiếng kỳ ảo, thể là muôn vật ở trước mắt chúng ta biến thành một loại hình ảnh la lung khiến cho tôi đã cố gắng hết sức mà vẫn không thể diễn tả nổi những hiện tượng - Có mà như không có - đang biểu lộ ra ở trong một vùng hoang sơ của tạo hóa.

Sau khi giòng sông Meschacebé bị khám phá bởi P. Marquette, và con người bạc phận La Salle^[2], những người Pháp đầu tiên tới lập nghiệp tại vùng Biloxi^[3] và tại vùng Nouvelle Orléans, đã từng kết thân với giống người Natchez^[4], một dân tộc bản xứ từng có một uy lực đáng sợ ở trong khu vực đó. Một khu vực địa cư đã liên tục xảy ra những tranh chấp và đổ kỵ đâm máu. Trong đám dân bản xứ man dã ấy, có một ông già, tên là Chactas^[5], ông ta nhờ vào mức độ tuổi tác, óc minh triết và kiến thức về các vấn đề liên hệ tới cuộc sống, cho nên đã được tất cả vùng sa mạc hoang vu, yêu chuộng và tôn kính như một bậc kỳ lão. Cũng như mọi người, ông đã phải mua đứt độ bằng bất hạnh. Không phải chỉ riêng có rừng núi tại Tân thế giới đã đông đầy nỗi bất hạnh của ông, vì chừng ông ta đã từng phải chịu đựng cả những nỗi bất hạnh ngay ở các vùng bờ bãi của Pháp quốc nữa. Ông đã đi bị dày dạn tại Marseille bởi sự tàn nhẫn bất công. Được thả tự do và được trình diện với vua Louis XIV, ông đã tháp tùng theo những con người nổi tiếng của thế kỷ, tham dự những đại hội tại Versailles, xem những vở bi kịch của Racine, nghe những bài điệu văn của Bossuet, nói tóm lại con người man dã đó đã từng phen chiêm ngưỡng cái xã hội đang đạt tới một mức độ rực rỡ, chói lọi.

Từ bao năm qua, Chactas đã quay trở về nơi quê hương của ông ta, để an hưởng những chuỗi ngày nghỉ ngơi, yên tĩnh. Song le, trời cao vẫn còn bắt ông ta gánh chịu một giá hơi mắc, đối với ân huệ đó: - Ông già đã trở thành mù lòa. Một cô bé gái đã phải tháp tùng theo ông, khi ông trèo lên những ngọn đồi thuộc vùng trường giang Meschacebé, giống như Antigone đã từng dìu dắt những bước chân của Oedipe trên khu vực Cythéron, hoặc giống như Malvina đã hướng dẫn Ossian trèo lên những hòn đá tảng ở Morven^[6] vậy!

Mặc dầu đã phải chịu đựng khá nhiều những bất công do người Pháp đem tới cho ông,

Chactas vẫn ưa thích dân tộc Pháp, ông luôn luôn nhớ tới Fenelon, một nhân vật đã coi ông như khách quý, vì vậy, ông luôn ao ước được hoàn trả cho những đồng bào của con người đức độ ấy một việc làm xứng đáng. Ông đã gặp được dịp thuận tiện. Vào năm 1625, một người Pháp tên là René bị những cơn đam mê và những nỗi bất hạnh đẩy đưa đến vùng Louisiane. Anh ta tiến ngược theo giòng Meschacebé, đi vào khu vực của dân Natchez và yêu cầu họ thâu nhận anh làm một chiến sĩ thuộc bộ tộc. Chactas thăm vấn anh ta và đã nhất quyết nhận anh ta làm con nuôi của ông, lấy cho anh ta một cô vợ, người bản xứ, tên gọi là Céluta. Một thời gian sau ngày làm lễ cưới, bộ tộc man dã đó chuẩn bị chuyển đi săn hải ly.

Mặc dù đã bị mù lòa nhưng do lòng tôn kính của dân tộc bản xứ đối với ông ta, Chactas vẫn được bầu vào hội đồng kỳ lão để lãnh đạo chuyển đi. Những cuộc khẩn nguyện và những tuần chay tịnh khởi sự: Các thuật sĩ giải đoán những giấc mộng寐, người ta cầu khẩn chư vị tôn thần, làm lễ dâng hiến lá Dã yên thảo, đốt màng lưới nai, quan sát những đốm sáng óng ánh ở trong ngọn lửa để khám phá ý muốn của các đẳng linh thần. Cuối cùng, người ta ra đi, sau khi đã ăn hết thịt con chó được dùng làm vật hiến cúng. Nương theo những giòng nước ngược, những con thuyền độc mộc tiến ngược lên phía nguồn sông Meschacebé và gia nhập vào giòng nước của sông Ohio. Trời vào thu, những nét hùng vĩ của sa mạc, thuộc vùng Kentucky, đã phô bày ra trước cặp mắt ngỡ ngàng của chàng trai Pháp quốc. Một đêm, dưới ánh trăng khuya, khi mà tất cả đám dân Natchez đã say ngủ ở trong lòng thuyền và những con thuyền bản xứ đã đang căng trương các cánh buồm bằng loại da thú, ruổi giòng trước đà gió hiu hiu thổi, thì René ngồi một mình với Chactas, anh ta đã yêu cầu ông già kể lại câu chuyện về cuộc sống phiêu lưu trôi nổi của ông. Ông già đồng ý thỏa mãn lời thỉnh cầu đó và cùng ra ngồi với anh ta ở phía lái thuyền, ông mở đầu bằng lời sau:

Lời Tường Thuật Những Người Thợ Săn

«Con ơi, sự kết thân giữa hai ta đúng là một định mệnh kỳ lạ. Ta đã xem con như một người văn minh tình nguyện tham dự vào cuộc sống man dã. Con thì xem ta như một người man dã đã bị Thượng đế (Ta không hiểu rõ mục đích) muốn văn minh hóa. Người này và người kia đã bước vào nghiệp dĩ của đời sống, từ hai vị thế đối nghịch nhau, con đã dùng chân ở nơi chốn của ta, còn ta thì đã ngồi ở chỗ của con. Như vậy, chúng ta đã phải có những đối tượng, qua cách nhìn hoàn toàn khác biệt nhau. Ai, con hay ta, đã thu lượm được nhiều hơn, hoặc đã bị mất mát nhiều hơn trong sự chuyển đổi vị trí này? Đó là điều mà những người thiên tài đã từng hiểu rằng, kể dù chỉ có đôi minh triết cũng đã khôn ngoan hơn tất cả những con người tầm thường hội tụ lại.

«Vào tuần trăng sắp tới, của mùa hoa^[7], là đã được bảy lần mười cơn mưa tuyết và ba cơn mưa tuyết nửa^[8], kể từ khi mẹ ta sinh ta ra đời ở bên bờ giòng sông Meschacebé. Trước đó ít lâu, người Tây Ban Nha đã tới lập nghiệp ở vịnh Pensacola, nhưng vẫn chưa có một người da trắng nào cư ngụ tại Louisiane cả. Ta vừa mới đếm được mười bảy lần lá rụng thì đã phải cùng với cha ta, người chiến sĩ của bộ tộc Outalissi, lên đường chống lại với bộ tộc Muscogulges^[9], một bộ tộc hùng mạnh tại miền Florides. Chúng ta kết hợp với người Tây Ban Nha, đồng minh của chúng ta và trận chiến diễn ra tại một giòng nhánh của con sông Maubile^[10]. Thần Areskouï^[11] và chư vị thần linh không tạo điều kiện thuận lợi cho phe ta. Dịch quân toàn thắng, cha ta tử trận, trong lúc chiến đấu bảo vệ cho người ta bị thương hai lần. Ôi trời xanh kia ơi! Có sao không đem ngay tôi tới xứ sở của linh hồn^[12] để tôi tránh khỏi những nỗi bất hạnh đã chờ đón tôi ở trên nẻo thế gian này! Thần linh đã phán quyết khác hẳn: Ta đã được những người bại tửu mang tới thị trấn Saint-Augustin^[13].

«Ở trong thị trấn, do người Tây Ban Nha mới lập ra đó, ta đã không may bị bắt ép phải đi tới vùng hầm mỏ tại Mexico, đúng vào lúc ấy, một ông già người xứ Castille tên là Lopez đã bị xúc động bởi trạng huống trẻ trung và tình tự hồn nhiên của ta, cho nên đã cung dưỡng cho ta một nơi ẩn trú và giới thiệu ta với cô em gái. Ông đã chung sống với cô em gái đó và không lập gia đình.

«Cả hai đều dành cho ta những tình cảm thật thân ái, triu mến. Họ nuôi dưỡng ta một cách rất chu đáo, họ cung dưỡng cho ta một nền giáo huấn về tất cả mọi phương diện. Nhưng, sau khi trải qua ba mươi tuần trăng sinh sống tại Saint Augustin, ta chán ngấy cuộc đời ở thành thị. Ta đã trở nên hao mòn tiêu tụy trông thấy: Có lúc, ta đứng bất động hàng giờ để ngắm nhìn những vòm lá cây rừng ở mãi phía xa xa. Có lúc, người ta đã thấy ta ngồi tại ven bờ sông, buồn bã ngắm nhìn giòng nước tuôn chảy, để bới tìm những cánh rừng, nơi mà lớp lớp triền sông đang bị ta trông ngắm, đã băng qua và tâm hồn ta thì hoàn toàn đơn chiếc.

«Không thể từ kháng nổi với tình tự ham muốn được quay trở về miền sa mạc hoang vu, một buổi sáng, ta đã khoác lên người bộ quần áo man dã, một tay cầm cung tên, một tay cầm những loại y phục kiểu Âu châu - tới gặp Lopez - Ta sụp xuống dưới chân con người đại lượng đã từng che chở cho ta vừa khóc như mưa, vừa trao trả tất cả những bộ y phục kiểu Âu châu của ta cho người. Ta đã tự gán cho ta những danh tự khả ố nhất, ta đã tự cáo ta là một kẻ vong ân bội nghĩa: «Nhưng, hỡi người cha của con ơi! Rốt cuộc, cha đã thấy đó, con sẽ bị chết nếu như con không được quay trở về với nếp sống của dân tộc bản xứ».

«Bị ngỡ ngàng, ông già Lopez định xoay chuyển chủ ý của ta. Ông đã trình bày cho ta thấy những nỗi nguy hiểm mà ta sẽ gặp phải, khi ta bị lọt vào tay của bộ tộc Muscogulges một lần nữa. Nhưng, khi ông nhận thấy ý chí quyết tâm bất di bất dịch của ta, thì ông vừa rơi lệ; vừa ôm chặt lấy ta vào trong vòng tay, rồi kêu lớn lên rằng: «Hãy đi đi! Hỡi con người của thiên nhiên! Hãy quay về với nếp sống tự do của nhân loại, vì Lopez này chẳng bao giờ muốn chiếm giữ lấy con cả. Và, nếu như, ta còn trẻ, ta cũng sẽ theo con vào vùng sa mạc (nơi ta đã từng có nhiều kỷ niệm êm đềm)! Ta sẽ trao trả con vào tận vòng tay của mẹ con. Một khi con đã ở trong vùng

rừng cây của con, thỉnh thoảng, nếu như con có nghĩ tới tên già người Tây Ban Nha đã từng cung dưỡng cho con một nơi ẩn trú, thì con hãy nhớ đem tình thương yêu, trải mở sang phía những người đồng loại, qua kinh nghiệm tiên khởi mà con phải làm theo tim óc của con người, đó là tất cả sự kính vì của con đã dành cho ta vậy!». Lopez chấm dứt bằng lời khấn nguyện đáng tối cao của những người theo Thiên Chúa giáo, một tôn giáo mà ta đã từng phen chối từ thờ phụng và chúng ta già biệt nhau qua những cơn thổn thức.

“Sự bội bạc của ta đã bị trừng phạt ngay tức thời. Vì thiếu kinh nghiệm, cho nên ta đã bị lạc lối ở giữa rừng cây và đã bị một toán dân hỗn hợp của hai bộ tộc Muscogulges và Siminoles^[14] bắt giữ. Đúng như điều mà Loprz đã tiên đoán. Qua bộ quần áo và những chiếc lông trang sức ở trên đầu, họ lầm tưởng ta là dân Natchez. Họ trói ta, nhưng, lỏng lẻo, vì lớp tuổi thanh xuân của ta. Simaghan chỉ huy trưởng của đám người này muốn biết tên ta, ta đáp: “Ta tên là Chactas, con trai của Outalissi, con trai của Miscou, người đã từng tước đoạt hơn trăm mái tóc của những vị anh hùng thuộc bộ tộc Muscogulges” Simaehan nói với ta rằng: “Chactas, con trai của Outalissi, con trai của Miscou, hãy vui vẻ đi, anh lên dàn hỏa thiêu tại một ngôi làng lớn”. Ta đáp: “Đó là một điều rất tốt” và ta cất tiếng hát bài ca, ca ngợi cái chết của bộ tộc ta.

“Vào những ngày đầu tiên, tất cả tù nhân như ta đều không thể tự ngăn cấm mình, ngắm nhìn kẻ thù của mình được. Bộ tộc Muscogulges và nhất là phe đồng minh của họ là bộ tộc Siminoles hiện đang sống trong trạng huống vui vẻ, mê say, thỏa thích. Dáng dấp của họ nhẹ nhàng, cách đối xử của họ cởi mở thanh thản, họ nói nhiều và nói liên tục. Ngôn ngữ của họ thánh thót và dễ nghe. Ngay cả tuổi tác cũng không làm cho các vị kỳ lão mất đi vẻ hồn nhiên vui vẻ. Giống như những con chim già nua, sinh sống ở trong rừng cây của chúng ta, vẫn còn đang cất cao tiếng hót cần cỗi, hòa theo với những tiếng hót tươi trẻ của bầy chim non hậu duệ.

“Đám phụ nữ đi theo với đoàn chiến sĩ, đã tỏ ý thương hại triu mến và hiếu kỳ nhã nhặn, đối với lớp tuổi thanh xuân của ta. Họ hỏi thăm về người mẹ của ta, về những ngày đầu đời của ta. Họ muốn tìm hiểu xem rằng người ta có treo chiếc nôi nệm rêu của ta lên trên những cành cây phong đầy hoa nở hay không. Rằng, những cơn gió nhẹ hiu hiu có đẩy đưa chiếc nôi của ta nằm ở kề bên tổ của lũ chim non hay không. Tiếp đó, là cả ngàn câu hỏi về tình trạng của con tim ta: Họ hỏi rằng, ta có thấy một con nai trắng ở trong những cơn mộng mị của ta hay không. Và rằng, những đám cây ở trong vùng thung lũng thăm kín có khuyến bảo ta về tình thương yêu hay không. Ta đã đáp lời các bà mẹ, các cô gái và các người vợ của bọn đàn ông một cách thật ngây dại. Ta nói với họ rằng: “Các người là những ân sủng của ngày dài và màn đêm đã yêu thương các người như đám sương khuya. Nhân loại đã sinh ra từ trong lòng của các người để rồi đong đưa ở trên vú, và ở trên miệng các người. Các người đã hiểu biết hằng hà sa số những lời ảo mị có thể làm nguôi dịu mọi nỗi thương đau. Đó là những lời mà tôi nói về người đã sinh tôi ra đời. Người thường nói với tôi rằng, những trinh nữ, chính là những đóa hoa huyền bí mà người ta đã tìm thấy trong miền heo hút, cô liêu!”

“Những lời tán dương này, đã gây được nhiều tình tự vui thỏa đối với giới nữ. Thế là, ta đã được họ cung dưỡng cho đầy đủ mọi thứ tặng phẩm. Họ mang tới cho ta loại kem dừa, loại đường của cây phong, bánh bột ngô, thịt đùi gấu, da hải ly, những loại vỏ sò, vỏ hến để trang sức cho ta và những loại nệm rêu để cho ta nằm. Họ hát, họ cười với ta để rồi họ nức nở nghẹn ngào sa lệ khi nghĩ tới lúc ta sẽ bị hỏa thiêu.

“Một bữa tối, khi toán người Muscogulges cắm trại ở bên bìa một rừng cây, trong lúc ta đang ngồi gần cạnh đồng lửa chiến với những tay thợ săn được giao nhiệm vụ canh giữ ta. Bất thành linh, ta nghe thấy tiếng sột soạt của áo quần va chạm vào lá cỏ và một người nữ nửa kín nửa hở tiến đến ngồi xuống ở phía bên cạnh ta. Những giọt lệ lăn đổ trên hàng mi của nàng. Trong ánh lửa chập chờn, chiếc tượng hình chuộc tội (hình đức Chúa Ki Tô chịu đóng đinh trên thập tự giá) bằng vàng óng ánh, ở trong lồng ngực nàng. Sắc đẹp của nàng vào mức trung bình, nhưng qua nét mặt nàng, ta khó thể phân biệt nổi đâu là đức độ, và đâu là vẻ đa cảm, do đó dáng dấp của nàng đã có một từ lực, khiến ta không thể chống cự nổi. Với các điều kiện trên, kết hợp với vẻ ưu nhã thật đáng mến tạo cho con người nàng có một sức nhạy cảm tuyệt mức, cộng thêm với sâu muộn trầm tư, toát ra, qua cái nhìn, qua nụ cười đầy thiên tính của nàng.

“Ta ngỡ rằng, đó là, cô gái trinh nữ dành cho những mối tình cuối, cô gái trinh nữ mà người ta đã gởi cho các tù nhân chiến tranh, giúp họ được vui vẻ vào lúc sắp gần đất xa trời. Trong tình trạng ngỡ ngàng, bối rối này, ta ấp úng nói với nàng, qua vẻ hốt hoảng, bất an, song le, tình tự đó, không phải phát xuất từ sự hãi sợ chiếc dàn hỏa thiêu mà ra: “- Hỡi nàng trinh nữ ơi! Nàng thật xứng đáng với những mối tình đầu và nàng không phải đã được sinh ra để dành cho những mối tình cuối. Những chuyển vận của một con tim sắp sửa ngưng đập sẽ trả đáp một cách sai lạc đối với những chuyển vận của con tim ở trong người nàng. Làm thế nào để có thể hòa trộn cái sống với cái chết cho được? Nàng sẽ chỉ làm cho ta thêm nuối tiếc ngày dài. Một người khác sẽ là kẻ hạnh phúc hơn ta và sẽ có biết bao nhiêu những ấp ủ, quần quít, đã từng kết hợp dây leo với cây sồi.

“Cô gái lập tức nói với ta rằng: “- Tôi không phải là người trinh nữ của những mối tình cuối. Anh có phải là tín đồ Thiên Chúa giáo, hay không?”. Ta đáp, ta không muốn phản bội chư vị thần linh ở mái tranh nghèo của ta. Qua những lời lẽ đó cô gái bản xứ phát họa ra một cử chỉ bất như ý. Nàng nói với ta rằng: “- Tôi ái ngại cho anh vì anh không phải là con người ưa thích tàn độc. Mẹ tôi là một tín đồ Thiên Chúa giáo, tôi tên là Atala, con gái của Simaghan, nhân vật đeo chuỗi hạt vàng chỉ huy trưởng toán chiến sĩ này, chúng tôi đang quay trở về Apalachua, nơi anh sẽ bị thiêu sống.” Trong lúc nói những lời này Atala đứng dậy và rời ra xa”.

Tới đây, Chactas trở nên gượng gạo, tự ngưng nghĩ câu chuyện lại. Những kỷ niệm xa xưa dồn nén đầy đầy ở trong tâm hồn ông ta. Cặp mắt ông ta nhòa nhạt đi bởi những giòng nước mắt đang chứa chan, ngập đầy đôi má nhẵn nheo, cần cỗi: - Giống như hai nguồn suối đang được ẩn giấu trong mãi đáy tầng thăm thẳm của lòng đất đã tiết tỏa ra bởi chính những giòng nước, mà nó mặc nhiên thấm hút qua những khe đá.

“Con của ta ơi! Cuối cùng, ông nói tiếp, con thấy rằng Chactas mới kém minh triết biết mấy, mặc dù, hẳn ta đã được nổi tiếng là kẻ khôn ngoan. Hỡi ơi! Con yêu dấu của ta ơi, con người không thể thấy xa hơn nữa, vì thế, con người vẫn còn phải than khóc hoài! Khá nhiều ngày trôi qua, cô con gái của viên tù trưởng đã đến nói chuyện với ta mỗi tối. Con say ngủ đã rời bỏ đôi mắt ta và Atala đã ngự trị ở trong tim óc ta chẳng khác chi kỷ niệm về nơi chôn rau cắt rốn của cha ông ta vậy.

“Đến ngày thứ mười bảy của chuyến đi, vào thời gian mà loài phù du rời khỏi những giòng nước, chúng ta tiến tới vùng đồng cỏ vĩ đại Alachua. Một vùng đồng cỏ bao gồm những dãy đồi trùng trùng điệp điệp, đồi nọ tiếp nối đồi kia, chứa chất, hàng hàng lớp lớp rừng cây sơn, cây chanh, cây mộc lan và cây sồi, vươn cao lên tận những đợt mây xanh. Viên chỉ huy trưởng thốt ra một tiếng kêu, báo hiệu “đã tới” và đoàn người dừng lại, cắm trại ở dưới chân những ngọn đồi. Họ giam giữ ta tại một khoảng cách khá xa bên cạnh những chiếc giếng nước, từng đã nổi tiếng trong miền Florides. Ta bị trói vào gốc một thân cây lớn. Người chiến sĩ có phận sự canh giữ ta tỏ vẻ bồn chồn, nóng nẩy. Ta vừa mới trải qua một khoảng thời gian ở tại địa điểm này, Atala đã xuất hiện dưới những tàng cây tô-hợp-hương kề cận giòng suối.

“Hỡi người thợ săn, nàng nói với vị anh hùng của bộ tộc Muscogulges, nếu như anh muốn đi đuổi loài mang, thì ta sẽ canh gác tù nhân giúp cho anh”. Người chiến sĩ đã nhảy chồm lên một cách sung sướng qua lời đề nghị của cô con gái viên tù trưởng. Thế rồi, anh ta phóng mình lên đỉnh ngọn đồi và bước dài về phía dải bình nguyên bát ngát.

“Lạ lùng thay, tình tự mâu thuẫn của trái tim nhân loại. Trong lòng ta thì thật là thèm muốn được nói với con người mà ta thương quý như mặt trời, những điều bí ẩn từng gói kín ở tâm khảm, thế nhưng giờ đây ta lại bối rối, ngưng ngưng, ta tin rằng ta thích bị ném ngay vào miệng lũ cá sấu tại nơi suối nước, còn hơn là phải đứng một mình với nàng trong tình trạng như vậy. Cô gái vùng sa mạc cũng bị choáng ngợp như tên tù nhân của cô. Cả hai người chúng ta cùng giữ vẻ trầm lặng. Thần ái tình đã tước đoạt hết những lời nói của chúng ta. Cuối cùng, Atala tạo được một cố gắng, nàng nói: “- Này hỡi người chiến sĩ, anh hiện đang bị cầm giữ thật lỏng lẻo, anh có thể trốn thoát khá dễ dàng”. Với những lời lẽ đó, tình tự bạo dạn đã quay trở về với ta, ta đáp: “- Bị cầm giữ lỏng lẻo, ôi, nàng...!”. Ta chưa biết phải chấm dứt câu đó ra sao. Atala ngập ngừng một lát, rồi nói tiếp: “- Anh hãy mau mau tẩu thoát đi!”. Và nàng tháo gỡ ta khỏi thân cây, Ta vơ lấy chiếc dây thừng trao vào trong lòng bàn tay của người con gái thuộc

bộ tộc xa la ấy, ép buộc cô ta dùng những ngón tay nõn nà trói cột ta lại: “Hãy trói tôi lại! Hãy trói tôi lại!”, ta kêu lên. “- Anh là một kẻ đại đột. Atala nói bằng một giọng cảm động, khốn thay, anh đã không hiểu rằng anh sẽ bị hỏa thiêu? Anh còn hy vọng điều gì nữa đây? Anh nên nghĩ rằng tôi chính là con gái của một viên tù trưởng đáng sợ?”. “- Có một thời gian, ta đáp lại lời nàng trong tình trạng mất lệ chứa chan, tôi cũng đã được nằm ở trong mảnh da hải ly, đeo trên vai người mẹ. Cha tôi cũng đã từng có một căn lều đẹp đẽ và một bầy dê thường tới uống những giòng nước của vạn ngàn nguồn suối. Nhưng giờ đây tôi đang lang thang như một kẻ vô tổ quốc. Mai đây, khi tôi không còn nữa, tôi sẽ chẳng có một người bạn nào tìm tới phủ đắp vài mớ cỏ lên thân xác của tôi để che chở cho tấm thân tàn, trước bầy ruồi nhặng. Thân xác của một kẻ bất hạnh xa lạ sẽ chẳng còn được một ai lưu ý tới nữa!”.

“Những lời lẽ ấy đã làm cho Atala thương cảm, đau xót. Nước mắt nàng rơi lã chã như suối thác.” - A, ta hăng hái tiếp nối, nếu như tim của nàng đồng thanh với tim của tôi! Thì, sa mạc kia chẳng phải là một vùng tự do đó sao? Rừng rậm trùng trùng điệp điệp kia chẳng phải là một vùng ẩn trú kín đáo bí mật của chúng ta đó sao? Phải làm cách nào để tạo được hạnh phúc như biết bao nhiêu sự vật đối với trẻ thơ ở trong các ngôi lều cỏ! Hỡi cô gái đẹp xinh giống như giấc mơ đầu đời chồng vợ! Hỡi người tình yêu dấu của tôi ơi! nàng có dám theo sát bước chân của tôi hay không?”. Khi ta vừa dứt lời. Atala đã đáp lại bằng một thanh âm êm dịu: “- Hỡi người bạn trẻ của tôi ơi! Anh đã học được cách ăn nói của giòng người da trắng, những câu nói dễ bề dối gạt một thiếu nữ địa phương.” “- Sao, ta kêu lớn lên, nàng gọi tôi là người bạn trẻ hả, chao ôi! sung sướng thay cho một tên nô lệ khốn khổ...”. “- Vậy hả! Nàng cúi về phía ta và nói, tên nô lệ khốn khổ...”. “Ta hăng hái nói, vậy thì, hãy ban cho tôi một nụ hôn để tôi được vững tin thêm nơi tình nàng”. Atala đáp ứng lời cầu xin của ta. Thế là, giống như một chú nai con đang đeo dính ở trên những đóa hoa bím bím hồng tươi, những đóa hoa đông đưa ở trên sườn núi đang bị nó ngậm giữ bởi chiếc lưới tình tế, ta cũng đã đeo dính lên đôi môi của người tình mà ta yêu dấu.

“Hỡi ôi, con thân mến của ta ơi! Nỗi thương đau thường luôn kèm sát với niềm vui thỏa “Có ai tin được rằng vào lúc mà Atala vừa cung dưỡng cho ta sự đoan chắc về mối tình đầu của nàng, thì chính nàng lại là người đã hủy diệt ngay tất cả niềm hy vọng của ta? Hỡi tên già tóc trắng Chactas hỡi, người đã ngạc nhiên biết là chừng nào, khi mà cô con gái viên tù trưởng đã thốt ra những lời lẽ đó.” - Hỡi người tù nhân đẹp mã, em đã sẵn sàng nhượng bộ trước ham muốn của anh, nhưng mối đam mê này sẽ đưa dẫn chúng ta tới đâu? Tôn giáo của em sẽ luôn luôn là một duyên cớ tách biệt em và anh... Ôi mẹ ơi! Phải làm sao, hỡi người? Nói tới đây, bất thành linh, nàng đã tự chế và nín nhịn lại, ta không hiểu vì sao cái định mệnh bí ẩn ấy đã suýt nữa thì vượt thoát ra khỏi cặp môi của nàng”. Những lời lẽ của nàng đã chìm ta vào trong một tình trạng tuyệt vọng - Thế thì, ta kêu lên, tôi cũng sẽ tàn độc như nàng. Tôi không trốn chạy đâu. Nàng sẽ trông thấy tôi ở trong khung lửa đỏ. Nàng sẽ nghe rõ từng tiếng da thịt của tôi, cháy sèo sèo, và nàng sẽ được vui thỏa?” Atala nắm chặt hai bàn tay của ta ở trong lòng hai bàn tay của nàng. “- Hỡi thần tượng trẻ trung khốn khổ của em ơi! nàng kêu lên, anh đã làm cho em thương tâm quá mức rồi! Anh còn muốn làm cho em phải khóc hết nước mắt nữa sao? Thật đáng tiếc nếu như em không thể bỏ trốn cùng với anh! Sự bất hạnh đã đeo đuổi người từ lúc người còn trong bụng mẹ, ôi, Atala ơi! Vì sao người không ném mình ngay vào miệng lũ cá sấu tại nơi suối nước cho rồi!”.

“Cũng đúng vào lúc ấy, mặt trời sắp ngã về Tây, những tiếng kêu của loài cá sấu khởi sự vang vọng tới. Atala nói với ta rằng: “- Chúng mình hãy rời khỏi nơi đây cho mau!”. Ta liền dẫn cô con gái của Simaghan xuống phía chân đồi, nơi đã được hình thành như những chiếc vịnh màu xanh lục kéo dài triền đồi vào mạn đồng cỏ. Cảnh trí của miền sa mạc thật là bình lặng và hùng tráng. Bầy cò kêu la ở trên khu tổ ấm. Rừng cây vang âm, tiếng hót đơn điệu của loài cun cút, tiếng rít của lũ vẹt cái, tiếng gầm rống của đám bò rừng và những tiếng hí của bầy ngựa cái hoang dã.

“Chuyến du hành của chúng ta hầu như câm lặng. Ta đi ở bên cạnh Atala, nàng cầm một đầu sợi dây thừng do ta nài ép nàng nắm giữ. Một vài lần, chúng ta khóc lóc nhỏ lệ, một vài lần chúng ta đã gắng gượng tươi cười. Mắt lúc thì nhìn lên bầu trời, lúc thì nhìn xuống mặt đất. Tai chăm, chú lắng nghe tiếng chim hót ca. Chuyển vận thì hướng thẳng về phía mặt trời lặn. Tay

chặt trong tay, ngực lần lượt phập phồng, lần lượt bình ổn. Những danh tự Chactas và Atala đã được dịu dàng, nhắc đi nhắc lại cách khoảng đều đặn.. Ôi, chuyến du hành đầu tiên của cuộc đời tình ái! Phải chăng, kỷ niệm về người đã quá mãnh liệt, đến nỗi, sau biết bao nhiêu năm dài bất hạnh, người vẫn còn khuấy động ở trong tâm não của tên già Chactas.

«Kỳ lạ thay, những con người bị đẩy động bởi nỗi đam mê! Ta đã buông bỏ ông già đại lượng Lopez, ta đã tự dẫn thân vào mọi nỗi hiểm nghèo để dành lấy tự do,- thế nhưng chỉ trong một khoảng khắc cái nhìn của một người đàn bà đã làm thay đổi hết ý chí của ta, quyết định của ta, suy tư của ta. Ta đã quên hết cả xứ sở của ta, mẹ ta, căn lều của ta và cái chết tàn khốc đang chờ chực ta. Ta đã thờ ơ lãnh đạm với những gì, không phải là Atala. Không còn một sức mạnh nào có thể nâng ta lên tới tầm mức suy luận của thế hệ người lớn, thành linh, ta đã bị rút ngược về tình trạng ấu thơ và không còn thi hành nổi một hành động nào hầu tránh né khỏi nỗi thương đau đang ngóng đợi ta, dường như ta đã đòi hỏi thiên hạ lo lắng cả tới giấc ngủ của ta và miếng ăn của ta nữa.

Vậy là cuộc trốn chạy trở thành hoài công vô ích, vì sau khi chúng ta đi được một đoạn đường ở trong vùng đồng cỏ, thì một lần nữa Atala lại quỳ phục xuống dưới đầu gối của ta, nài nỉ ta hãy rời bỏ nàng. Ta đã quyết liệt cho nàng biết rằng, ta sẽ độc hành trở về khu trại của bộ tộc nàng, nếu như nàng từ chối không chịu trói ta vào gốc cây như cũ. Nàng bắt buộc phải thỏa mãn yêu sách của ta, với hi vọng là sẽ thuyết phục được ta vào một lần khác.

«Sau ngày hôm đó là ngày mà mệnh số của đời ta sẽ được định đoạt, đoàn người dừng lại ở trong một thung lũng, không xa thị trấn Cuscowilla^[15], thủ đô của bộ tộc Siminoles. Bộ tộc bản xứ này kết hợp với bộ tộc Creeks. Cô gái xứ thốt nốt đã tìm đến bên bà ta vào lúc nửa đêm. Nàng dẫn ta tới một vùng rừng thông bát ngát và lại khẩn nài ta hãy dẫn thân vào cuộc trốn chạy. Không trả đáp lời nàng, ta nắm chặt bàn tay nàng trong tay ta và ép buộc cô gái khát tình nhẹ dạ đó thả bước lang thang ở bên trong rừng cây ướp đầy hương vị của loại thông, pha thoang thoang mùi hổ phách, bốc ra từ hơi thở của bầy cá sấu nằm rải rác bên dưới những rặng me mọc sát ven sông. Vầng trăng lóng lánh ở giữa nền trời xanh không gợn một chút vẩn đục, ánh sáng màu ngọc trai sầm sầm của chị hằng tỏa chiếu xuống những chòm ngọn bất ổn định nơi rừng cây. Người ta không nghe thấy được một tiếng gì khác, ngoài hòa âm thăm thẳm đang ngự trị ở trong rừng sâu, một thứ tiếng mà ta không hiểu nổi là loại tiếng gì: - Người ta bảo đó là tiếng của linh hồn tịch mịch ở khắp sa mạc hoang vu đang thở than.

«Chúng ta đã trông thấy thấp thoáng qua rặng cây một người tuổi trẻ tay cầm bó đuốc, giống hệt như vị thần linh của mùa xuân, đang băng trải qua những khu rừng để làm cho tạo vật thêm phần sinh động. Đó chính là một tình nhân đang chạy đi tra vấn phần số định mệnh tại nơi căn lều của người yêu.

«Nếu như, nàng trinh nữ thối tắt ngay ngọn đuốc sáng tức là nàng đã chuẩn nhận những lời thỉnh cầu dâng hiến. Nếu như, nàng chỉ làm oằn cong ngọn lửa, không chịu dập tắt, có nghĩa là nàng đã chối từ một người chồng.

«Trong lúc lướt mình giữa bóng đêm, người chiến sĩ cất giọng nữa vời, ngâm nga lời lẽ sau đây:

«- Ta sẽ đưa những bước chân ngày dài lên các chóp đỉnh núi cao để kiếm tìm nàng Bồ Cầu Trắng^[16] đơn côi của ta ở giữa đám cây sồi trong rừng già.

«Ta đã ràng buộc lên cổ nàng một chiếc vòng Sa cừ, tại đó, có ba nhân hạt đỏ dành cho tình yêu của ta, có ba nhân hạt tím dành cho nỗi lo lắng của ta, có ba nhân hạt xanh lơ dành cho mỗi hi vọng của ta.

«Mila^[17] có cặp mắt của một con chồn trắng, có mái tóc nhẹ nhàng của một đồng lúa. Miệng nàng là một vò sa cừ hồng tươi, trang trí bởi những viên ngọc trai. Đôi vú giống như hai con dê non không đốm vết, được sinh ra cùng một ngày, bởi cùng một bà mẹ.

«Có thể rằng, Mila sẽ dập tắt cây đuốc này! Có thể là, miệng nàng sẽ rót đổ xuống đó, một vùng bóng tối đầy khoái hoạt! Ta sẽ làm cho vú của nàng nảy nở phong phú thêm lên. Hi vọng của tổ quốc quê hương sẽ đeo ở trên đôi vú dồi dào sinh lực của nàng và ta sẽ ngậm hút ống điều hoa giải ở phía trên chiếc nôi của con ta.

«A, hãy để mặc cho ta đưa những bước chân ngày dài lên các chóp đỉnh núi cao hầu kiếm tìm nàng Bồ câu trắng đơn côi của ta ở giữa đám cây sồi trong rừng già!»

«Cứ như vậy giọng hát của chàng trai trẻ đã có những âm điệu đưa đẩy tình tự xáo động tới tận đáy tầng tâm khảm của ta và đã làm cho vẻ mặt của Atala biến đổi hẳn đi. Tay nàng và tay ta cùng run rẩy trong nhau. Nhưng chúng ta đã lãng quên ngay cảnh tượng đó, bởi một cánh tượng không kém phần nguy hiểm đối với chúng ta.

«Chúng ta đi ngang qua gần bên phần mộ một đứa trẻ được dùng làm ranh giới của hai sắc tộc. Người ta đã chôn cất nó ở bên lề đường, theo tục lệ, để cho các phụ nữ trẻ trung trong lúc tiến ra phía suối nước có thể thu nhận vào lòng dạ của họ linh hồn ngây thơ trong trắng của đứa nhỏ, để rồi, sẽ đem nó trở lại với tổ quốc quê hương. Trong lúc ấy, người ta nhìn thay ở nơi này những cặp vợ chồng mới cưới đang ao ước hương vị ngọt ngào của cuộc đời phụ mẫu, đã tới kiếm tìm, bằng cách hé mở đôi môi của họ ra, hầu tiếp nhận lấy linh hồn của chú nhỏ, mà họ đã tin rằng linh hồn ấy đang lang thang bay nhảy ở trên những đóa hoa. Sau đó, người mẹ chính thức của chú bé đã tới, đặt một chiếc mầm ngô và những đóa hoa huệ lên nấm mộ. Bà ta dùng sữa của bà tưới lên mặt đất rồi ngồi xuống thắm cỏ ẩm ướt và kể lể với đứa con của bà bằng một giọng thắm thiết:

«Hỡi đứa con sơ sinh của ta ơi! tại sao, ta lại phải khóc con ở trong tấm nôi bằng đất này? Khi con chim nhỏ đã lớn khôn, nó sẽ đi kiếm lấy mồi ăn và nó sẽ tìm được khá nhiều trái hạt đắng cay ở trong miền sa mạc. Ít ra con chưa từng biết tới những đóa hoa thơm. Ít ra trái tim của con chưa hề bị trưng bày ra trước làn hơi thở vô vấp, ngẫu nhiên của loài người. Nụ hoa đã tàn héo ngay ở trong màng bọc và mang theo tất cả hương thơm của nó, nào có khác chi con, hỡi con của ta ơi! Con đã mang theo tất cả tình tự ngây thơ của con. Sung sướng thay những kẻ được chết ngay khi còn ở trong nôi vì những kẻ ấy chỉ biết được những nụ hôn và những nụ cười của người mẹ hiền.

«Đã bị chế ngự bởi chính con tim của chúng ta, cho nên chúng ta rã rời, ủ dột qua những hình ảnh về tình yêu đương và tình mẫu tử, những hình ảnh ấy, dường như, đã theo đuổi, đã quần quít vào cái đêm đăm đỗi đơn côi đó. Ta đã ôm vác Atala vào tận rừng thẳm bằng đôi cánh tay của ta và đã nói với nàng những điều mà giờ đây ta vô phương thốt ra khỏi đôi môi của ta được. Con thân mến của ta ơi! Con gió nồm nam đã mất hết sức nóng khi vượt ngang qua những đỉnh núi băng tuyết. Những kỷ niệm về tình yêu trong con tim của một người già nua cằn cỗi giống như ánh sáng của ngày dài đã phản dội lại bởi vầng trăng êm dịu, vào lúc mà vầng dương đã lặn khuất và tình tự cảm lạnh đã dàn trải lên trên những căn lều của giống dân man dã.

«Ai có thể cứu nổi Atala? Ai có thể ngăn chở cho nàng khỏi bị khuất phục trước hoá công? Còn cái gì khác, ngoài phép lạ, chính thể, phép lạ ấy đã hiện lên! Cô gái con của Simaghan đã cầu cứu tới Thượng đế của các tín đồ Thiên chúa giáo. Nàng vội vã quỳ xuống đất, và thốt ra một lời kinh cầu nguyện thành khẩn, hướng về mẹ nàng và về đức Thánh mẫu đồng trinh. Này René ơi! Chính vào thời gian ấy, ta đã cảm nhận được một ý niệm kỳ diệu về tôn giáo này, một thứ tôn giáo đã có thể đông đầy cả vạn ngàn tảng vật dành cho những kẻ bất hạnh ở ngay trong các khu rừng thẳm, ở ngay giữa mọi thiếu thốn của cuộc sống. Một thứ tôn giáo duy nhất khả dĩ có thể tranh thắng vào trường hợp phải đương đầu với sức mạnh của những cơn dục tình như thác lũ, ngay lúc mà những cơn dục tính đó có đầy đủ ưu thế: nào là sự bí ẩn của rừng cây, nào là sự thiếu vắng con người, nào là tình tự khả tín của bóng đêm. Chao ôi! đôi với ta lúc ấy, nàng tỏ vẻ dạng một linh thần, người thiếu nữ mộc mạc, man dã đó, cô bé Atala ngây thơ, đại đột đó, đã quỳ gối trước một cây thông đổ ngã, coi đó như là vị thế ở dưới chân một bàn thờ để hiến dâng lên đức Thượng đế của nàng những lời thỉnh nguyện dành cho người tình thần tượng! Đôi mắt nàng ngước nhìn lên phía vầng trăng, đôi má nàng lóng lánh bởi những giọt lệ của lòng tín mộ và của tình yêu thương thật đúng là một vẻ đẹp bất tử đời đời. Nhiều lần ta ngỡ rằng đã trông thấy trong ánh sáng của trăng khuya, đã nghe thấy ở giữa vòm lá cành chur vị thần linh do Thượng đế của những tín đồ Thiên chúa giáo đã gửi xuống vùng đá tảng hẻo lánh vào lúc mà Ngài định triệu hồi nàng trở về. Vì vậy ta đã lo âu, vì e ngại rằng nàng chỉ còn rất ít thời gian lưu ngụ ở trên trái đất này.

«Trong lúc ấy, nàng tuân đồ biết bao nhiêu giòng lệ thấm, trông nàng thật là khốn khổ làm sao! Khiến cho ngay chính ta cũng đã có ý định chấp nhận cả sự việc rời xa nàng, khi mà, tiếng kêu của tử thần đã cất tiếng lên vang dội khắp rừng khuya. Bốn người đàn ông, vũ khí trong tay, hối hả tiến về phía ta: «Việc trốn chạy của chúng ta đã bị phát giác, người chỉ huy cuộc chiến đã ra lệnh đuổi theo chúng ta.»

«Atala, chẳng khác chi một vì vương hậu, qua dáng điệu ngạo nghễ của nàng, nàng khinh khỉnh không thèm nói một lời với toán chiến sĩ, nàng chỉ ném một cái nhìn uy nghiêm về phía họ, rồi cất bước tiến đến bên cạnh Simaghan.

«Nàng không làm gì khác được. Người ta đã gia tăng gấp đôi số người canh gác ta. Người ta đã lấy thêm dây để trói buộc ta. Người ta đã phân rẽ ta xa cách hẳn người tình. Năm đêm trôi qua và chúng ta đã nhìn thấy làng Apalachucla^[18], nằm ở kế bên bờ sông Chata Uche^[19]. Lập tức, họ choàng kín người ta bằng những vòng hoa, họ sơn mặt ta thành màu xanh da trời và màu son đỏ thắm, họ đeo ngọc trai lên mũi, lên tay ta và họ đưa cho ta một chiếc chichikoué^[20]»

«Được trang điểm thành vật hiến sinn, như vậy, ta tiến vào làng, giữa những tiếng hò reo vang dậy của đám người. Thế là, mệnh số của đời ta đã đến lúc được định đoạt khi mà tiếng tù và thành linh vang vọng tới và đó chính là hiệu lệnh triệu tập họp của Mico, nhân vật lãnh đạo quốc gia.

«Chiếc lều dùng làm nghị trường đã được dựng ở trên một gò đất không cách làng Apalachucla bao xa. Ba vòng cột kiến trúc thật thanh nhã đã hình thành chiếc viên đình này. Những chiếc cột lều được làm bằng loại gỗ trắc bá đã được bào nhẵn và chạm trổ tinh vi. Những chiếc cột lần lượt gia tăng thêm tầm mức cao dần và lần hồi bị giảm thiểu về mức độ số lượng, căn cứ theo khoảng cách đã được trồng lên ở gần kế trung tâm của căn lều, nơi có một chiếc cột khác thường nổi bật hơn cả. Ở nơi đầu chiếc cột trụ này đã phát khởi ra những giải vô cây, những giải này chuyển từ đỉnh cột nọ sang đỉnh cột kia, chùm phủ quanh ngôi lều, tạo thành một tấm màn che ánh sáng của ngày dài.

«Hội đồng đã quy tụ đầy đủ. Năm mươi vị kỳ lão khoác áo da hải ly ngồi theo vị trí cấp bậc, mặt quay về phía cửa lều. Nhân vật lãnh đạo quốc gia ngồi ở giữa hàng kỳ lão, tay cầm một chiếc ống điều hòa giải^[21], phân nửa ống điều nhuộm màu chiến. Bên phải năm mươi vị kỳ lão là năm mươi bà mệnh phụ phu nhân, ăn vận áo dài làm bằng lông chim thiên nga. Những viên chỉ huy trưởng chiến binh tay cầm rìu, đầu đội chùm lông dài, hai cánh tay và ngực sơn màu máu, ngồi ở bên trái.

«Phía dưới chân chiếc cột trụ tại trung tâm ngôi lều, nhóm một đồng lửa nghị trường. Người thuật sĩ thứ nhất, trong số tám người phụ trách giữ đèn thờ, mặc quần áo dài trên đầu đội một con chim cú nhồi rơm, đang rót hương được cô-pam-mờ vào ngọn lửa, rồi, dâng hiến một lễ cúng lên thái dương thần. Ba hàng người gồm những vị kỳ lão, những vị mệnh phụ, những viên chỉ huy trưởng chiến binh cộng với các tư tế, các đám khói hương liệu nghi ngút hành sử cúng lễ, đều nhằm tạo cho quang cảnh hội nghị thêm phần oai nghiêm.

«Ta đã bị trói đứng ở giữa nghị trường. Cuộc hành lễ chấm dứt, Mico lên tiếng trình bày một cách đơn giản, lý do mà ông ta đã phải triệu tập hội đồng. Ông ta ném một chuỗi hạt xanh xuống mặt sàn phòng hội để minh chứng cho những gì ông nói.

«Thế là một vị kỳ lão thuộc bộ tộc Phượng Hoàng, đứng dậy và nói như sau:

«Thưa cha già Mico, thưa quý vị kỳ lão, quý vị mệnh phụ, quý vị chỉ huy các chiến binh của bốn sắc tộc Phượng Hoàng, Hải ly, rắn và rùa. Theo tôi, chúng ta không nên thay đổi phong tục tập quán của tổ tiên chúng ta, chúng ta phải hỏa thiêu tù nhân và chúng ta không thể mềm lòng kiên cường của chúng ta. Một tập tục của dân da trắng do họ đề đạt ra với chúng ta chỉ có thể là một mối nguy hại cho chúng ta mà thôi. Vậy mong quý vị hãy dành cho tôi một chuỗi hạt màu đỏ về nội dung những lời lẽ của tôi. Tôi đã nói hết»

«Và ông ta ném một chuỗi hạt màu đỏ xuống mặt sàn phòng hội.

«Một bà mệnh phụ đứng dậy, nói:

«Thưa cha già giòng Phurong Hoàng, ngài đã có trí khôn của một con cáo và một sự thận trọng trì trệ của một con rùa. Tôi muốn làm sáng tỏ thêm sợi dây thân hữu với ngài, để chúng ta sẽ cùng nhau vun trồng cho cây Hòa Bình. Nhưng, chúng ta hãy nên thay đổi một vài tập tục của cha ông chúng ta, những tập tục xét đã gây nên cảnh tang tóc thê lương. Chúng ta sẽ có thêm những tên nô lệ để cày vỡ ruộng đồng của chúng ta và chúng ta sẽ không còn phải nghe thấy những tiếng kêu của những tên tù nhân, những tiếng kêu đã làm cho các bà mẹ xúc động tới tận đáy tầng tâm khảm. Tôi đã nói hết.»

«Chẳng khác chi, người ta đã nhìn thấy những đợt sóng của biển cả bị bể vỡ trong một cơn giông tố. Chẳng khác chi những chiếc lá vàng khô của mùa thu đã bị những cơn lốc cuốn mãi lên cao. Chẳng khác chi những cây sậy bên sông Meschachehé đã bị gập mình lại và ruỗi cao lên trong một cơn nước lũ bất ngờ. Chẳng khác chi một bầu nai cất tiếng kêu ở trong đáy rừng thẳm - Hội nghị đã rầm rì, đã sôi nổi, như vậy - Các vị kỳ lão, các viên chỉ huy trưởng chiến binh, các vị mệnh phụ, đã lần lượt nói hoặc đã đồng thanh nói. Những cảm xúc va chạm, chống đối nhau, những ý kiến cách biệt, phân rẽ nhau, do đó, hội nghị đã phải giải tán, nhưng, cuối cùng, phương thức cổ xưa được đem áp dụng, và ta bị tuyên xử, lên dần hỏa thiêu.

«Một trường hợp đặc biệt đã làm trì hoãn ngày thọ hình của ta. Đó là dịp lễ cầu hồn hay là dịp làm cỗ cúng vong linh đã tới. Theo tập tục, người ta không hạ sát những người bị bắt giữ trong thời gian hành lễ. Họ giao phó ta vào tay các nhân vật nổi tiếng là những người canh gác nghiêm mật nhất và chắc chắn, các vị kỳ lão đã quyết định đưa cô gái con của Simaghan đi thật xa, cho nên ta không trông thấy nàng một lần nào nữa.

«Trong khi đó, các sắc dân ở trong phạm vi hơn ba trăm dặm vuông đang lần lượt kéo nhau tới tham dự lễ cầu hồn. Người ta đã xây dựng những căn lều dài dằng dặc ở trên một vùng thẳng cánh hẻo lánh. Vào ngày đã định; mỗi gia đình đều khai quật các di hài của ông cha họ từ những khu phần mộ riêng biệt đem những bộ xương khô về treo ở trên các bức vách trong căn phòng cộng đồng của tổ tiên theo thứ tự và theo tông tộc. Gió (thường là một cơn bão đã nổi lên); rừng; thác thi nhau gầm thét ở phía bên ngoài trong khi các vị bộ lão; đại diện các sắc tộc khác nhau; đã cùng ký kết một bản hiệp ước hòa bình và liên kết trước những đám xương khô của ông cha họ.

«Người ta tán dương những trò chơi đầy vẻ nghi thức thi đua bắn đạn, đánh bóng; ném những đồ vật làm bằng xương. Hai cô trinh nữ tìm bẻ một chiếc gậy liễu, Những núm vú của họ giáp sát vào nhau; tay họ múa lượn ở trên cây gậy do họ nâng lên khỏi đầu. Đôi chân đẹp đẽ, trần trụi của họ quện lại với nhau, miệng của họ chạm vào nhau, những làn hơi thở dịu dàng của họ hòa trộn với nhau, họ cúi đầu xuống, khiến cho hai mái tóc lẫn lộn vào nhau. Họ nhìn các bà mẹ của họ và mặt họ ửng đỏ lên:

Thế là người ta vỗ tay hoan hô khen ngợi. Giới thuật sĩ đã có dịp kể lại câu chuyện về cuộc chiến giữa Thổ lớn chống lại ác thần Matchimanitou. Anh ta thuật rằng: người đàn ông đầu tiên và Atahensic, người đàn bà đầu tiên, vì quá vội vã rời bỏ thiên đình, vì thế, đã bị mất hết tình tự chất phát, hiền lành, khiến cho trái đất đã đỏ ngầu lên vì máu của huynh đệ anh em. Jouskeka bắt hiểu, vô đạo đã sát hại Tahouistsaron chính trực, công minh. Cơn hồng thủy đã hạ xuống nhờ lệnh truyền của đấng tối linh thần, một mình Massou đã sống sót ở bên trong chiếc thuyền vỏ cây và loài quạ được sai xuống để khám phá ra trái đất. Anh ta còn nói rằng: người đẹp Anclacé, người đã thoát ra khỏi khu vực âm ty, nhờ tiếng hát du dương, êm ái của chồng nàng.

«Sau khi tham dự những trò chơi và lắng nghe những bản thánh ca đó, người ta liền bắt tay chuẩn bị một chuyến mai táng tập thể và vĩnh cửu cho các bậc tiên nhân đã quá cố.

«Ở ven bờ sông Chata-Uche, người ta trông thấy một cây đa trơ trọi, đơn độc, nơi đã được công chúng tôn thờ kính ngưỡng. Những cô trinh nữ thường hằng tới đó để giặt giũ những chiếc áo dài bằng vỏ cây và phơi những chiếc áo ấy ở trên những cành nhánh của cây đa cổ thụ trước các đợt gió của vùng sa mạc hoang vu. Chính tại đây, người ta đã đào một phần mộ thật là vĩ đại. Người ta khởi hành từ đầu căn phòng tang tóc, thê lương, vừa đi vừa hát những bài bi ca dành cho những người đã chết. Mỗi một cá nhân trong gia đình đã mang theo một phần di thể thiêng liêng. Người ta tiến tới khu mộ phần, người ta mang di cốt xuống dưới hố, người ta

xếp đặt di cốt thành từng lớp, người ta phân cách di cốt này với di cốt khác bằng những mảnh da gấu hay da hải ly, thế rồi, u đất của phần mộ tập thể nổi cao dần lên và người ta đã trồng lên năm đất vĩ đại đó loại cây đỗ lệ và an giắc.

«Con thân yêu của ta ơi, thật là đáng hận thay cho con người! Vì, cũng với những người bản xứ đã từng tham dự những tập tục nặng tình cảm xúc ấy, cũng là những người phụ nữ đã từng phen chứng tỏ rất mực quan hoài tới ta và rất mực triu mến ta, thì giờ đây họ đã đòi hỏi phải đem ta ra xử khổ hình, qua những tiếng la lối ầm ỹ. Và toàn thể các sắc tộc đó đã chậm rãi bước chân để có dịp khoan khoái chiêm ngưỡng một thanh niên trai tráng đang bị khổ đau bởi những nỗi dầy vò khủng khiếp.

«Trong một khu vực thung lũng ở cách phía Bắc ngôi làng vài đoạn đường, nơi có một cánh rừng trắc bá diệp và tùng bách, được gọi tên là: rừng máu. Tại nơi này người ta đã tìm thấy một ngôi điện đài đổ nát, một ngôi điện đài mà người ta không biết rõ gốc gác và cho tới bây giờ nguồn cội của dân tộc đã tạo tác ra ngôi điện đài ấy vẫn còn chưa được biết rõ. Ở giữa khoảng rừng cây có một khu phạm trường dùng làm nơi hành tội các tù nhân chiến tranh. Người ta đã vui vẻ, hăm hở dẫn ta tới đó. Tất cả mọi hành động đều nhằm vào việc chuẩn bị cho cái chết của ta: Người ta đã trồng cây cột tượng trưng thần chiến tranh: Areskouï. Những cây thông, những cây xích dương, những cây trắc bá, lần lượt bị đốn ngã bởi những nhát rìu. Dàn hỏa thiêu đã được dựng lên. Các khán giả đã tự tạo ra những chiếc rạp bằng cành cây và thân cây. Mỗi người lại còn sáng tác ra một loại khổ hình: Người này thì đề nghị nên lột da đầu ta, người khác thì đề nghị dùng chiếc rìu đỏ hơ lửa đốt cháy cặp mắt của ta. Ta, thì khởi sự cất tiếng hát, bài hát ca ngợi cái chết của ta.

«Ta không hề mảy may hãi sợ những nỗi băn khoăn, phiền muộn: Ta là một người dũng cảm, hơi này sắc tộc Muscogulges, ta thách đố các người đó! Ta còn khinh ghét những người phụ nữ của sắc tộc các người hơn nữa. Cha ta là Outalissi, con trai của Miscou, đã từng uống nước ở trong sọ của những chiến sĩ nổi tiếng thuộc sắc tộc của các người, các người không tước đoạt nổi một hơi thở của ta đâu!».

«Bị khích động bởi bài hát của ta, một chiến sĩ đã bắn một mũi tên xuyên thủng cánh tay ta. Ta nói: «Này bạn, ta cảm ơn bạn!».

«Mặc dù, các tay đao phủ thủ đã hoạt động thật hăng hái, công việc chuẩn bị cho cuộc khổ hình vẫn chưa thể hoàn tất kịp, trước lúc mặt trời lặn. Người ta liền hỏi ý kiến của giới thuật sĩ, thành phần này bảo rằng, không nên làm xáo trộn chư vị dạ thần, vì thế, cái chết của ta được dời tới ngày hôm sau. Nhưng, trong tình trạng bồn chồn, nóng nảy vì muốn được vui hưởng cảnh trí hỏa thiêu, cũng như muốn được hiện diện sớm sửa tại chỗ, ngay vào lúc trời vừa rạng đông, đám dân bản xứ đã không có một ai rời khỏi khu rừng máu, họ nhóm lên một đồng lửa lớn, và khai mào những bữa tiệc và những vũ điệu.

«Trong khi ấy, người ta đặt ta nằm ngửa mặt lên trời. Những chiếc dây trói đã phát xuất từ nơi cổ ta, từ nơi chân ta, từ nơi cánh tay ta chuyển đi và cột buộc vào những chiếc cọc cắm sâu xuống mặt đất. Các chiến sĩ canh gác nằm la liệt trên những sợi dây này. Như vậy, ta không thể làm nổi một cử động nào mà không chuyển động tới họ. Đêm về khuya: Những tiếng hát và những vũ điệu ngưng đọng và tắt lịm dần dần. Những đồng lửa chỉ còn tỏa chiếu ra một loại ánh sáng màu đỏ và ở trước cảnh trí đó người ta chỉ còn thấy đôi ba người dân man dã đi đi lại lại. Toàn thể mọi người đều đã say ngủ. Lần lần, những tiếng động của loài người đã yếu ớt hẳn lại, trong khi, những tiếng động của vùng sa mạc gia tăng thêm lên, để rồi, các tiếng nói năng ồn ào, náo nhiệt, đã nhường hẳn cho những lời than oán của hơi gió trong các khu rừng cây.

«Đó cũng chính là lúc mà một cô gái trẻ người bản xứ đã trở thành mẹ, vừa sức tỉnh bất ngờ giữ canh khuya, bởi vì nàng ta ngỡ rằng, đã nghe thấy tiếng kêu của đứa con đầu lòng, đang đòi hỏi nàng cung dưỡng cho nó một bữa ăn lành mạnh. Đôi mắt dán chặt về phía trời cao, nơi mà vầng trăng đang lang thang băng trái, ở giữa những giải mây, ta nghĩ đến phần số của ta. Atala đã hiện lên, trước ta, như một quái vật bạc béo, vô tình. Nàng đã bỏ ta giữa lúc ta thọ cực hình, riêng ta thì ta đã cam nhận hiến mình cho ngọn lửa đỏ, hơn là phải xa cách nàng! Tuy nhiên, ta vẫn cảm thấy ta luôn luôn thương yêu nàng và ta sẵn sàng được chết với niềm vui thỏa vì nàng.

«Trong cơn tột cùng của niềm vui, thì một mũi gai nhỏ bé cũng đã khiến cho chúng ta phải

tỉnh thức ngay, chẳng khác chi nó đã thông báo cho chúng ta để chúng ta có dịp khai thác, lợi dụng những giây phút phù du, mau chóng đó. Nhưng trong tình trạng đau thương mãnh liệt thì ngược lại ta không hiểu vì sao nó đã ru chúng ta vào một giấc ngủ nặng nề. Đôi mắt mệt mỏi vì lệ đổ thường chỉ tìm về với vị thế khép chặt; dường như đáng thương để chí tôn đã có từ tâm lưu ý tới những hoàn cảnh bất hạnh, không may; vì thế, mặc dù không muốn, nhưng ta vẫn bị khuấy phục bởi một giấc ngủ mê mẫn, mà thỉnh thoảng những người gặp bước cùng khốn đốn từng được thưởng thức. Ta mơ thấy người ta cởi mở xiềng xích cho ta, ta có cảm tưởng như vừa nhận được một tình tự khuây khỏa giống như trường hợp mà người ta đã cảm thấy vào lúc đang được một bàn tay cứu trợ tháo gỡ mọi thứ xích xiềng sau một thời gian bị ghì trói chặt chẽ.

«Cảm giác đó, mỗi lúc một thêm linh động, đến nỗi đã khiến cho ta phải nhường mở cặp lông mày lên. Trong ánh mờ mờ, của một phiên sáng từ mặt trăng xuyên thoát qua hai đám mây, ta thoáng thấy một gương mặt trắng mịn màng đang cúi về phía ta và nhẹ nhàng tháo gỡ những đầu mối dây trói buộc thân thể ta. Ta sắp sửa thốt ra một tiếng kêu thì một bàn tay, mà ngay lúc ấy ta chưa biết rõ là bàn tay của ai đã kịp thời bịt chặt miệng ta lại. Chỉ còn có mỗi một sợi dây ràng buộc duy nhất, nhưng, có lẽ, đó cũng là sợi dây khó cắt, nếu như, không làm đụng chạm tới người chiến sĩ có thân mình nằm gọn gàng ở trên sợi dây. Atala cầm sợi dây vào lòng bàn tay, làm cho người chiến sĩ sực tỉnh giấc nồng, trong tình trạng nửa thức nửa ngủ, anh ta vùng đứng dậy, ngay tại chỗ. Atala giữ y nguyên tình trạng bất động và nhìn về phía anh ta. Anh chàng trai bản xứ ngỡ là mình đang gặp một vị linh thần của những vùng tàn tích đổ nát, cho nên, anh ta vội vã nằm ngay xuống, nhắm chặt mắt lại và khẩn cầu các vị linh thần của anh ta. Sợi dây trói bị cắt đứt. Ta đứng vùng dậy. Ta bước theo cô gái vừa giải nạn cho ta đang cầm một đầu cây cung và chìa một đầu cây cung về phía ta. Nhưng, còn biết bao nhiêu nỗi hiểm nghèo, đang vây bọc quanh chúng ta! Có lúc, chúng ta suýt nữa thì vấp phải những con người man dã nằm say ngủ la liệt ở khắp nơi. Có lúc, một nhân vật canh gác đã lên tiếng hỏi chúng ta, Atala đã phải đáp lại bằng cách thay đổi giọng nói của nàng. Những đứa trẻ bất chợt đã thốt ra các tiếng kêu la. Những con chó ngao sủa cắn inh ỏi. Ngay khi chúng ta vừa vượt thoát khỏi vùng đất rủi ro, bất hạnh, thì hàng hàng lớp lớp những tiếng hò hét, tru tréo, đã dâng trào lên làm rung chuyển khắp cả khu rừng khuya. Toàn trại đã thức tỉnh, hàng ngàn đốm lửa được nhóm lên. Người ta nhìn thấy, từng toán dân man dã, tay cầm đuốc, chạy tứ tán về các ngã đường. Chúng ta vội vã cất bước trốn lánh.

«Khi ánh bình minh ló dạng, tại miền Apalaches[\[22\]](#) thì chúng ta đã ở khá xa. Thật là một cảnh đại hạnh phúc đối với ta, khi mà ta lại được sống một lần nữa trong tình trạng cô quạnh, vắng vẻ với Atala, với một nàng Atala vừa giải phóng cho ta, với một nàng Atala đã tự hiến dâng cho ta mãi mãi!

Lời lẽ đã thiếu vắng ở nơi miệng lưỡi của ta, ta quì gối xuống và nói với cô gái con của Simaghan rằng: «Đàn ông vốn dĩ không có một vật gì cả, vì thế mỗi khi chư vị linh thần tới thăm viếng họ tất nhiên họ chẳng là gì hết. Em chính là một vị thần linh, em đã tới thăm viếng tôi và tôi đã không thể nói nổi một lời ở trước mặt em. Atala mỉm cười đưa tay về phía ta: «Chắc hẳn là, nàng nói, em sẽ phải đi theo anh vì anh đã không muốn trốn chạy, một khi không có em đi theo. Đêm qua, em đã dùng đến nhiều quà tặng để dụ hoặc tên thuật sĩ, em đã dùng rượu mạnh để làm cho các tên đao phủ thủ say sưa và em đã liều mạng sống của em cho anh, bởi chưng, chính anh đã hi sinh mạng sống của anh cho em. Đúng vậy, thần tượng trẻ trung của em ới, nàng tiếp bằng một giọng nhấn mạnh, một giọng làm cho ta hãi sợ, sự hy sinh sẽ có đi có lại».

«Atala trao lại cho ta những thứ vũ khí mà nàng đã cẩn thận mang theo, cuối cùng nàng băng bó vết thương cho ta. Nàng chùi vết thương bằng một chiếc lá đu đủ đã được nàng thấm ướt bằng chính những giọt nước mắt của nàng. «Đó là một nguồn an ủi, mà em đã lan trải lên vết thương của tôi, ta nói với nàng» - «Thực ra. em đã e ngại rằng, đó là một mũi tên độc», nàng đáp và xé một mảnh vải áo che ngực ra dùng làm vải ép, trước khi lấy một lọn tóc của nàng cột chặt lại.

«Đám người man dã đã bị say sưa khá lâu và đối với họ thì tình trạng đó giống như một căn bệnh và chắc chắn là căn bệnh đó đã ngăn cản họ theo đuổi chúng ta suốt trong những ngày

đầu. Nếu như sau đó họ có sẵn lòng chúng ta thì có lẽ họ sẽ đi về phía mặt trời lặn vì tin rằng chúng ta sẽ cố gắng tiến tới sông Meschacebé. Nhưng thật ra chúng ta đang cất bước trên con đường đi về hướng ngôi sao bất động^[23], bằng cách dựa theo loài rêu bám ở trên các thân cây để điều hướng.

«Vì nhận thấy rằng ta có rất ít hi vọng chạy thoát khỏi, cho nên, chúng ta không dám trì hoãn, trễ nải. Giờ đây, sa mạc đang trải giải ở phía trước mặt chúng ta, những cảnh tình cô liêu tịch mịch, man mác, bao la. Bởi thiếu kinh nghiệm sống ở trong rừng cho nên chúng ta đã bị luẩn quẩn ở trên chính con đường, mà chúng ta đi và đã cất bước một cách phiêu lưu vô định, như vậy không biết là chúng ta sẽ tiến tới đâu? Thường thường, khi nhìn Atala, ta đã gọi nhớ đến câu truyện cổ tích về nàng Agar^[24] do Lopez đã từng đọc cho ta nghe vào lúc nhân vật này tiến vào vùng sa mạc Bersabée trong thời đại xa xưa khi loài người đã sống lâu bằng ba đợt tuổi của cây sồi.

«Atala đan cho ta một chiếc áo khoác bằng lớp vỏ thứ hai của cây tần bì, vì lúc đó ta hầu như đã trần truồng. Nàng còn dùng lông nhím khâu cho ta một chiếc giày bằng da chuột xạ. Về phần ta, ta lo chăm sóc tới những món trang sức của nàng. Có lúc, ta đặt lên đầu nàng một vòng hoa cẩm quỳ màu tím xanh do ta tìm hái ở dọc đường chúng ta đi và ở trong các nghĩa trang bỏ hoang của thổ dân. Có lúc, ta đã làm cho nàng những sấu chuỗi bằng loại hạt đỏ quỳên đỏ thắm, để rồi ta mỉm cười, chiêm ngưỡng sắc đẹp kỳ diệu của nàng.

«Khi chúng ta gặp một giòng sông chúng ta đã vượt qua bằng một chiếc bè hoặc bằng tài bơi lội. Atala vịn một tay lên vai ta và giống như cặp thiên nga trên đường du hành, chúng ta cùng nhau băng qua những lượn sóng cô tịch.

«Thường thường giữ sức nóng nung người của ngày dài, chúng ta đã tìm một chỗ ẩn trú ở bên dưới những đám rêu của cây bách hương. Hầu như, tất cả các loại cây ở Florides, đặc biệt là, cây bách hương và cây sồi xanh đều đã bị che phủ bởi một loại rêu màu trắng toát, chạy dài từ cành nhánh tới sát tận đất. Về đêm, dưới ánh sáng trắng, khi con có dịp nhìn thấy ở trong vùng đồng cỏ mọc mướt không bị cảnh vật gì che đậy - một cây dẻ xanh đơn độc - bao phủ bởi lớp rêu trắng toát thì con có thể ngỡ là con đã nhìn thấy - một loại ma cỏ kéo theo ở phía sau lưng nó, một chiếc màn mỏng dài dằng dặc - Về ban ngày, cảnh trí đó cũng không kém phần đặc sắc, nhờ vào từng bầy bướm bướm sắc sỡ, từng bầy ruồi óng ả, từng bầy chim sâu, chim vẹt mái màu xanh lục, từng bầy sáo sậu màu xanh da trời bay tới đậu ở trên những cành nhánh đầy rêu, nom giống như một bức thảm len trắng đã được người thợ tại Âu châu thêu lên trên đó những hình ảnh sâu bọ, chim chóc, màu sắc lộng lẫy.

«Chúng ta đã dùng chân ngồi nghỉ ở bên dưới vùng bóng mát, của những lũy quán đẹp mắt do Thượng đế an bài ra. Mỗi khi có những cơn gió từ phía trời cao buông xuống lắc lay cây bách hương vĩ đại và làm cho chiếc lâu đài không gian xây dựng ở trên những cành nhánh bị đông đưa, lay chuyển cùng với bầy chim chóc và những du khách say ngủ ở dưới vùng bóng mát, thì lúc ấy, từ những giấy hành lang và từ những khuôn cửa tò vò của chiếc lâu đài di động đã pnát xuất ra ngàn vạn tiếng thở dài. Và những cảnh diệu kỳ thuộc về một thế giới cổ kính xa xưa ấy bao giờ cũng gắn liền vào với loại điện đài của vùng sa mạc hoang sơ này.

«Chiều chiều, chúng ta nhóm một đồng lửa lớn và tạo dựng một căn lều tạm thời cho cuộc lữ hành bằng những mảnh vỏ cây đặt lên phía trên bốn chiếc cọc. Nếu như, ta đã hạ được một chị gà mái, một chú chim gầm ghì, hay một con trĩ rừng thì chúng ta sấu những con vật ấy vào một chiếc que dài rồi cắm xuống đất và cho ngọn gió xoay chuyển con mồi của người thợ săn treo lủng lẳng ở phía trước ngọn lửa của đồng củi sồi cháy đỏ rực. Chúng ta đã ăn những loại rêu được gọi là ruột đá, những loại vỏ ngọt của cây phong, những trái táo thối năm có hương vị vừa giống trái đào, vừa giống trái phúc bồn tử. Cây hồ đào đen, cây phong, cây thù du, đã cung dưỡng cho chúng ta loại rượu uống. Thỉnh thoảng, ta đi lũng kiếm ở giữa đám lau sậy một thứ hoa dài hình loa kèn chứa đựng một thứ sương tinh khiết trong như thủy tinh. Chúng ta tạ ơn Thượng đế vì Ngài đã đặt một nguồn nước trong vắt vào bên trong những thân hoa mềm yếu sống giữa khu vực đầm lầy ung thối. Giống như Ngài đã đặt niềm hi vọng vào đáy tầng tâm khảm của những con người đang bị dầy vò bởi những nỗi thương đau, giống như Ngài đã làm nảy sinh ra những nguồn đức hạnh từ trong những hoàn cảnh cùng cực của cuộc sống.

«Hỡi ơi! ta đã khám phá được ngay rằng ta bị lừa dối bởi vẻ trầm lặng của Atala. Nàng đã, dường như mỗi lúc một thêm buồn bã theo khoảng cách mà chúng ta đã tiến bước. Thường thường, nàng hay rùng mình vô cớ và hay quay đầu nhìn về phía sau, một cách hấp tấp. Nhiều lúc, ta bất chợt thấy nàng nhìn ta với cái nhìn say đắm, để rồi nàng lại quay nhìn về hướng trời cao với một vẻ ưu uất thâm trầm. Điều làm cho ta kinh hãi nhất đó là một sự bí ẩn, một suy tư thầm kín đang được cất dấu ở trong đáy tầng tâm khảm của nàng mà ta đã đoán chừng ra được qua đôi mắt của nàng. Đôi mắt luôn luôn quyến rũ cuốn hút ta, luôn luôn xô đẩy chống cự ta, luôn luôn làm hồi sinh và cũng luôn luôn hủy hoại những niềm hi vọng của ta. Nhiều lúc ta ngỡ rằng ta đã thực hiện được một bước tiến khá xa, ở nơi tim óc nàng, nhưng rồi cuộc, ta lại thấy ta vẫn chỉ dậm chân luẩn quẩn ở mức cũ. Biết bao nhiêu lần nàng đã nói với ta rằng: «Hỡi người tình nhân trẻ trung của em ơi! Em đã yêu anh như bóng mát của rừng cây vào giữa những ngày dài! Anh đẹp như một vùng sa mạc tràn ngập vạn ngàn sắc hoa tươi thắm và lớp lớp gió hiu hiu nhẹ thổi. Mỗi khi, em cúi sát gần anh, em cảm thấy run rẩy. Mỗi khi, bàn tay em rơi vào trong lòng bàn tay anh thì dường như em sắp sửa phải giã biệt cuộc đời. Hôm vừa qua; gió đẩy đưa mái tóc của anh lên mặt em vào lúc anh nằm nghỉ sả hơi ở trong lòng em, em có cảm tưởng rằng đó chính là một sự ve vuốt của chư vị thần linh vô hình. Đúng vậy, em đã từng nhìn thấy những con dê cái ở trên miền núi Occone[25]. Em cũng đã từng nghe được những câu chuyện của bọn đàn ông kể lể vào những ngày say sưa phỉ chí. Nhưng tình tự dịu dàng của lũ dê cái và những lời minh triết của các bậc lão giả đều kém vẻ thích thú và kém phần uy mãnh so với những lời nói của anh. Thế thì, Chactas đáng thương của em ơi, em sẽ không bao giờ là vợ của anh đâu! » Những mâu thuẫn vĩnh viễn về tình yêu và tôn giáo trong con người Atala đã khiến cho nàng phải buông bỏ hầu hết mọi tình tự âu yếm và mọi ý niệm chuyên chính ở nơi tính nết của nàng. Trước các vấn đề lớn lao quan trọng, đặc tính cao ngạo và cảm xúc thâm trầm của nàng đã nâng cao tâm hồn nàng lên. Đồng thời, tình trạng nhạy cảm của nàng đối với những việc nhỏ nhặt là tất cả yếu tố đã làm cho nàng trở thành một nhân vật kỳ lạ đối với ta. Một người đàn ông kém uy thế khó thể nắm giữ nổi Atala: Vì, sẵn có nhiều đam mê, cho nên nàng đã có tràn trề uy lực, bởi vậy, người ta chỉ có thể kính vì nàng hoặc là khinh ghét nàng.

« Sau mười lăm đêm hồi hả cất bước chúng ta đã đặt chân vào vùng núi Allegany và tiến đến một trong những nhánh của giòng sông Tenase, một giòng sông đổ vào trường giang Ohio, Theo lời khuyên và sự trợ giúp của Atala, ta đã tạo một chiếc thuyền, trét nhựa mật lên, sau khi đã lấp kín những lớp vỏ bằng rễ của cây tùng bách. Tiếp đó, ta và Atala xuống thuyền và chúng ta đã cho con thuyền buông trôi theo giòng sông.

«Ngôi làng của sắc tộc Sticoë với những nấm mộ phần hình khối tháp. Những căn chòi đồ nát hiện lên ở bên tay trái chúng ta vượt qua một khúc quanh mũi đất. Chúng ta đã bỏ lại phía sau vùng thung lũng Keouw ở bờ bên phải, vùng này đã được chấm dứt, bằng những căn lều thuộc sắc tộc Jore nằm cheo leo ở đằng trước ngọn núi mang cùng tên gọi. Giòng sông đang lôi cuốn chúng ta đi, tuôn chảy giữa hai ghềnh đá dựng đứng, và người ta đã nhìn thấy mặt trời lặn khuất khỏi đầu núi của ghềnh đá này. Cảnh tịch mịch trầm lặng không hề bị khuấy động bởi sự hiện diện của con người. Chúng ta chỉ trông thấy một anh chàng thợ săn bản xứ đang chống tay lên cây cung, đứng im lìm bất động ở trên mỏm một viên đá tảng giống hệt như một pho tượng thần đã được tạo dựng lên tại đỉnh núi thuộc khu vực hoang vu này.

«Atala và ta đã im lặng hòa theo với cảnh trạng tịch mịch lặng câm đó. Bất thành linh, cô gái bị lưu đầy chợt phát động vào bầu không gian tĩnh lặng, một giọng điệu chứa chan cảm xúc và ưu uất. Nàng đã hát một bài ca dành cho quê hương xứ sở vắng xa -

«Sung sướng thay, cho những kẻ không hề nhìn thấy làn khói của những buổi hội hè xa lạ và họ chỉ biết ngồi an hưởng những bữa tiệc tùng của ông cha họ!

« Nếu như con sáo sậu xanh xanh tại vùng Meschacebé han hỏi cô bé tí ti ở những vùng Florides: - Tại sao chị lại than van sầu thảm như vậy? Phải chăng, tại nơi đây, chị không có những giòng nước ngọt ngào, những bóng cây rợp mát và những món ăn đủ loại giống như ở trong: các khu rừng thuộc nơi chị ở hay sao? - Có đủ, cô bé lưu vong nhỏ tí ti đáp lại, thế nhưng chiếc tổ ấm của tôi nằm ở trong đóa hoa lài kia, thì ai sẽ mang tới đây cho tôi? Và, mặt trời tại vùng đồng cỏ bát ngát của tôi ở nơi đây anh có hay không?

«Sung sướng thay cho những kẻ không hề nhìn thấy làn khói, của những buổi hội hè xa lạ và họ chỉ biết ngồi an hưởng những bữa tiệc tùng của ông cha họ!

«Sau những giờ nhọc nhằn cất bước, người lữ hành buồn bã ngồi xuống. Hắn đưa mắt chiêm ngưỡng các mái nhà của những kẻ khác ở xung quanh, trong lúc hắn không có một nơi để gối đầu. Người lữ hành liền tới gõ cửa một ngôi lều, hắn ta đặt cây cung ở phía sau khung cửa khẩn nài cho hắn ta một chỗ trú chân. Chủ nhân của ngôi nhà ra tay làm dấu, người khách lữ hành đành cầm lấy cây cung quay trở về vùng sa mạc!

«Sung sướng thay cho những kẻ không hề nhìn thấy làn khói, của những buổi hội hè xa lạ, họ chỉ biết ngồi an hưởng những bữa tiệc tùng của ông cha họ!

«Tuyệt diệu thay là những câu chuyện đã được kể ở quanh xó bếp trong nhà, những câu chuyện dịu dàng tuôn chảy tràn ngập tim óc, những câu chuyện dài đặc quện thuộc đầy tình yêu thương, thật là, cần thiết cho cuộc sống, các anh đã có dịp đông đầy những ngày dài, những ngày dành riêng cho những kẻ không hề rời bước khỏi quê hương xứ sở! Phần mộ của họ nằm ngay ở trong đất nước họ, cộng thêm với cảnh hoàng hôn, những tiếng khóc của bạn bè họ, những sự kiện diệu kỳ và màu nhiệm của tôn giáo tín ngưỡng.

«Sung sướng thay cho những kẻ không hề nhìn thấy làn khói của những buổi hội hè xa lạ, họ chỉ biết ngồi an hưởng những bữa tiệc tùng của ông cha họ!»

«Cứ như vậy, Atala hát đi hát lại. Không có gì làm gián đoạn những tiếng than van rền rĩ của nàng. Ngoài những tiếng thờ ơ, nhỏ nhẹ của con thuyền đang lướt trên đợt đợt sóng nước. Và chỉ trong khoảng hai hay ba đoạn khúc, giọng nàng chợt trầm xuống để phát ra một loại âm vang yếu ớt, thế rồi từ đoạn khúc đó chuyển sang đoạn khúc thứ ba, giọng nàng còn yếu ớt hơn nữa: - Người ta có thể ngờ rằng những linh hồn của một cặp tình nhân, từ thuở xa xưa, có cùng cảnh ngộ bất hạnh như chúng ta đã bị lôi cuốn bởi giai điệu kích xúc này, cho nên họ đã than thân trách phận bằng cách phát ra những âm điệu cuối cùng vào trong vùng núi thẳm.

«Song le, trong tình trạng cô liêu, quanh quẩn ấy, sự hiện diện liên tục của đối tượng yêu thương, cũng như cảnh ngộ bất hạnh của chúng ta đã mỗi lúc một bồi tăng thêm mức độ yêu thương giữa chúng ta. Sức mạnh tri kháng của Atala đã khởi sự bị buông lơi và tình tự đam mê làm cùn nhụt, hạ phá cơ thể của nàng, đã đang tiến tới lần mức chiến thắng nền tảng đức hạnh của nàng. Nàng liên tục khẩn cầu mẹ nàng, nàng tỏ vẻ muốn làm nguôi dịu cơn nóng của bóns đêm. Thỉnh thoảng, nàng hỏi ta rằng, ta có nghe thấy một thứ tiếng rền rĩ than van hay không. Ta có nhìn thấy những ngọn lửa từ lòng đất vươn lên hay không? Về phần ta, mặc dầu, đã bị kiệt quệ vì mệt mỏi nhưng ngọn lửa ham muốn vẫn luôn luôn trào dâng lên nhất là khi nghĩ rằng ta sẽ có thể bị thất lạc ở giữa những khu rừng già không có ngày trở về, cho nên cả trăm lần, ta đã sẵn sàng ôm giữ lấy vợ ta vào trong vòng tay, cả trăm lần, ta đã đề nghị với nàng cùng ta tạo dựng một căn lều ở ven bờ sông để chúng ta cùng sống ẩn dật với nhau. Nhưng nàng đã luôn luôn chống đối: « - Hãy suy nghĩ cho kỹ, nàng nói với ta, hỏi người bạn trẻ của ta ời! Một người chiến sĩ cần phải có một tổ quốc. Một người đàn bà nào có đáng gì, đối với bốn phận mà bạn sẽ phải hoàn tất! Hãy can đảm lên, con của Outalissa, đừng có thăm thì bất mãn với phần số của bạn. Tim óc của một người đàn ông giống như loài giang miên, có lúc nó đã uống những làn sóng trong lành vào thời gian thanh tịnh, có lúc nó đã phình lên bởi một loại nước đầy bùn đất khi trời cao đã khuấy động những con nước. Phải chăng, loài giang miên có quyền nói được rằng: Ta tin là trời không bao giờ có giông bão, là mặt trời sẽ không bao giờ nóng cháy, đổ lửa? ».

«Này René ời! Nếu như con đã e ngại về những rối động của con tim, thì con có dám thách đố với cảnh tịch mịch, cô liêu hay không: Những cơn đam mê lớn lao, đơn độc, nếu như được di chuyển tới vùng sa mạc hoang vu thì tức là đã đưa chúng quay trở về giang sơn của chúng. Đã bị nặng trĩu vì gánh âu lo, và nỗi hãi sợ, đã phó mặc cho thân phận rơi vào tay kẻ thù bản xứ, đã bị chôn vùi ở trong những con nước, đã bị đe dọa bởi rắn rết cắn mổ, bị thú dữ sâu xé, rồi đang không biết phải quay bước chân về hướng nào, nhưng dường như, tất cả những mối thương đau của chúng ta đã không thể tăng triển nổi khi mà một mối hiểm nghèo đã kéo tới để lấp đầy vào căn não.

«Đó là, lần mặt trời thứ hai mươi bảy, kể từ lúc chúng ta khởi sự cất bước khỏi những căn

lều: - Mùa trăng lửa[26] bắt đầu vận hành, và tất cả mọi sự kiện đều đã báo hiệu về một cơn bão lốc sắp tới. Lúc mà những người đàn bà bản xứ đã treo vồ đập đất lên trên những cành cây Sa-vi-ni-ê giữa lúc mà những con vẹt mái đã lui về ẩn trú ở bên trong hốc của những cây trắc bá. Trời bắt đầu bị che phủ bởi lớp lớp mây đen. Tiếng nói của vùng cô tịch đã ngưng lại, sa mạc trở nên vắng lặng, quạnh hiu. Rừng cây đứng im phăng phắc. Chẳng bao lâu sau, những tiếng ầm ì của sấm sét từ xa xa vọng lại, rồi kéo dài thanh âm qua những khu rừng cây già nua cằn cỗi như trái đất tạo thành một thứ tiếng kỳ ảo khác thường. Vì hãi sợ sẽ bị vùi dập xuống giòng sông, chúng ta vội vã, hấp tấp, bỏ thuyền leo lên bờ sông, và lui vào trong một khu rừng cây để ẩn tránh.

«Địa điểm này là một khoảng đất lầy lội. Chúng ta đã phải tiến bước một cách chật vạt, khó khăn, dưới những vòm cây xa xỉ ở giữa những gốc nho, gốc chàm, gốc đậu, những loại dây leo bò sát, chẳng khác chi những chiếc lưới ngáng trở bước chân của chúng ta. Đất xốp và ẩm ướt đã chuyển động ở quanh nơi chúng ta đang di chuyển, và một vài lúc, hầu như chúng ta đã bị nuốt chửng vào trong các khu vực sinh lầy. Hằng hà sa số các loại sâu bọ và một bầy dơi đông đảo đã che khuất tầm mắt chúng ta. Những con rắn mai gầm rít lên ở đâu đó. Những con sói, những con gấu, những con hổ lớn, những con hổ con lui về các vùng sào huyết của chúng, rống lên vang rền khắp núi rừng.

«Trong lúc đó, bóng tối bội tăng gấp đôi: Những đám mây sà thấp dần xuống phía dưới vùng bóng mát của rừng cây. Mây xanh bị xé nát bầy. Những làn chớp về thành từng tia lửa hình thoi. Gió từ phía Mặt trời lặn kéo tới thật mãnh liệt, lôi cuốn những đám mây này vùn vủ chông dè lên những đám mây kia. Rừng nằm rạp mình xuống. Trời cao hé mở ra từng lúc, từng lúc. Qua những kẽ nứt nẻ của mây đen, người ta nhìn thấy những khung trời mới lạ, những trận chiến kinh hồn táng đờm[27] Khủng khiếp thay, mà cũng thật là vĩ đại thay, quang cảnh đó! Sấm sét tung lửa vào rừng cây, thế là đám cháy lan trải ra, nom như một mái tóc bằng lửa đỏ. Từng cột khói tràn ngập ánh sáng đã kéo lên vây phủ tầng lớp mây cao, từng lớp mây đang phun mưa sấm sét vào khu vực hỏa hoạn bát ngát rộng lớn. Đúng lúc ấy, đấng chí tôn đã rải từng khối nước dầy đặc xuống, phủ lấp khắp các giải núi. Và, ở giữa khoảng hỗn độn mênh mông đó đã phát động ra một thứ âm thanh ồn ào, lộn xộn, hình thành bởi tiếng huyền não của gió, tiếng gầm rống của cây, tiếng tru tréo của thú dữ, tiếng vo vo của đám cháy, và những chuỗi thét gào lập đi lập lại của sấm sét đang bị ngấm ngấm lịm tắt vào trong khối nước.

« Nói có trời biết! Giữa lúc này ta chỉ thấy một mình Atala, ta chỉ nghĩ tới có một mình nàng mà thôi! Ẩn trú ở dưới thân cây phong đang nằm rạp xuống, ta đã trở thành một vật đảm bảo cho nàng trước cơn mưa như thác lũ. Nép mình ngồi cạnh gốc cây, đặt người yêu ở trên đầu gối, và hâm nóng đôi bàn chân trần trụi của nàng trong đôi bàn tay của ta, ta đã cảm thấy vô cùng sung sướng khi biết rằng cô vợ mới của ta vừa thụ nhận được một kết quả rung cảm tiên khởi ở nơi tâm khảm của nàng.

«Chúng ta lắng tai nghe tiếng gào thét của bão tố, bất thần, ta nhận thấy một giọt nước mắt của Atala rót xuống ngực ta: «Phải chăng, bão tố đã nổi nên ở trong lòng em, ta kêu lên, phải chăng giọt nước mắt này đã do cơn mưa từ mắt em rơi xuống?». Nói xong, ta ôm chặt lấy thân mình của người ta yêu: «Atala, ta nói với nàng. Em đã dấu anh một điều gì. Em hãy mở cánh cửa lòng em đi, hỏi người đẹp của ta ơi! Khi mà người bạn lòng đã nhìn được rõ tâm khảm của mình thì điều đó sẽ đem lại nhiều lợi ích cho em. Hãy kể cho anh nghe về nỗi thương đau, bí ẩn mà em đã một lòng cố chấp nín thinh. Chao ôi! Anh đã từng trông thấy em khóc cho quê hương xứ sở của em! Lập tức, nàng đáp lại ngay: «Hỡi đứa con của nhân loại kia ơi, làm sao mà em có thể khóc cho quê hương của em được! Vì cha em đâu có phải là người của xứ Thốt Nốt đó?» - Em nói sao? Ta vội hỏi nàng với một nỗi kinh nghi tột độ, cha em không phải là người của xứ Thốt Nốt hả? Vậy thì ai là người đã sinh em ra nơi trần thế này? Hãy mau cho anh biết đi em?». Qua những lời lẽ đó, Atala đáp:

«Trước khi mẹ em bị đem gả cho chiến sĩ Simaghan, để đổi lấy ba mươi con ngựa cái, hai mươi con trâu, một trăm đấu dầu dẻ rừng, năm mươi bộ da hải ly, và rất nhiều những tài sản khác nữa thì bà đã quen biết một người dân da trắng. Vậy mà, mẹ của mẹ em đã hắt nước vào mặt mẹ em, và cưỡng ép bà phải lấy con người đại độ Simaghan, con người gần giống như một

vị vương đế, đã được toàn dân tôn sùng, chẳng khác chi một vị thần linh. Nhưng, mẹ em đã nói với người chồng mới của bà rằng: «Bụng tôi đã mang thai, vậy xin người hãy giết tôi đi». Simaghan bảo bà rằng: «Đáng chí tôn đã dành cho ta một phần xấu. Ta không thể hủy hoại em được, ta không thể cắt nổi mũi của em cũng không thể cắt nổi tai của em, bởi vì em đã tỏ ra rất thành thực, không dối gạt ta về phần con cái của ta. Kết quả ở trong bụng em sẽ là kết quả của ta, và ta sẽ chỉ đến thăm viếng em sau chuyến di hành của bầy chim ở nơi đồng ruộng lúc mà con trăng thứ mười ba đã soi chiếu.» Vào thời gian đó, em đã đập bụng mẹ để bước vào đời, và khởi đầu mức tăng trưởng trong tình tự kiêu hãnh như một cô gái xứ Tây Ban Nha, và như một con bé man dã. Mẹ em đã tạo cho em thành một tín đồ Thiên Chúa Giáo, để cho Thượng đế của người và Thượng đế của cha em cũng là Thượng đế của em. Sau đó, mối tình đầy sâu thương đo lại tới kiếm bà và bà đã lui vào ẩn trú ở trong một chiếc hầm nhỏ, che phủ bằng da, rồi ở lại đó không bao giờ bước ra bên ngoài nữa!».

«Đó là câu chuyện của Atala.» Vậy, ai là cha em, hỡi cô em gái mồ côi khốn khổ của tôi ơi! Ta hỏi nàng, ở dưới trần thế này loài người đã gọi ông ta là gì? Và ông ta đã mang tên vị thánh nào trong sổ tên chư vị thánh?» - «Em đã không được rửa chân cho cha em, Atala đáp, em chỉ biết rằng người đã sinh sống với một cô em gái ở Saint Augustin, và người đã luôn luôn trung thành với mẹ em: Trong sổ tên của chư vị thánh, Philippe, chính là tên thánh của người, và thế nhân đã gọi người bằng danh tự, Lopez!»

«Nghe tới những lời lẽ đó ta đã thốt ra một tiếng chấn động khắp vùng cô tịch, tiếng kêu xúc kích của ta đã hòa trộn vào tiếng giông tố. Ta xiết chặt Atala về phía trái tim của ta, ta nói với nàng qua những tiếng nức nở: «Hỡi người em gái của tôi ơi! Hỡi cô gái con của Lopes, con gái vị ân nhân của tôi ơi!». Atala kinh hoảng, nàng vội vã hỏi ta rằng sự xúc động của ta do đâu mà có. Nhưng, đến khi nàng biết, Lopes chính là người chủ nhân đại lượng đã từng dưỡng nuôi ta ở Saint Augustin, và ta đã tự từ giã người để đi tìm tự do thì bản thân nàng cũng đã thụ nhận được một tình tự xúc động và vui thỏa.

«Tình tự đó đã làm cho con tim của chúng ta đông đầy ăm ắp, như mối tình thân thiết giữa anh em và sự liên kết của mối tình anh em với mối tình thương yêu mà chúng ta sẵn có. Từ lúc ấy trở đi, sự trì kháng chống cự của Atala đã trở thành vô hiệu: Vô hiệu vì ta cảm thấy nàng đã đặt một bàn tay lên ngực nàng và phát động ra một cử chỉ khác lạ. Thế là, ta đã nắm trọn được nàng, ta đã được say sưa ngây ngất với những làn hơi thở của nàng, ta đã được nhấm nháp tất cả men say diệu kỳ của tình yêu trên cặp môi của nàng. Đôi mắt ta ngược lên thỉnh không, nơi có ánh sáng của những làn chớp, ta ôm giữ vợ ta ở trong vòng tay trước mặt Thượng đế. Sự huy hoàng của hôn lễ xứng hợp với nỗi bất hạnh và mối tình vĩ đại của chúng ta: Rừng cây đẹp để đang lay động những nhóm dây leo của chúng ta và những vòm mái của chúng ta nom giống như những chiếc rèm trướng, đình màn ở nơi giường của chúng ta, những cây thông vây quanh tạo thành các ngọn đuốc dùng vào dịp hôn sự của chúng ta. Giòng sông ngập tràn bờ, những ngọn núi đang găm thét lên, tình tự khủng khiếp và tuyệt vời của hóa công với những quang cảnh như thế, thì con thử nghĩ xem, có phải là đã có một cơ năng được chuẩn bị sẵn sàng để gạt gẫm chúng ta và trong một cơ hội hoàn toàn bí ẩn của con, con có thể cất dấu nổi mối tình toàn phúc của con người hay không?

«Atala chỉ biểu lộ ra được một sự phản kháng yếu ớt. Ta đã tiến sát tới thời kỳ hạnh phúc thì bất thành linh, giữa lúc ấy, một làn chớp kèm theo với một tiếng sét vạch thành lần ngang dọc ở giữa khoảng bóng tối dày đặc làm cho vùng rừng tràn ngập mùi vị lưu hoàng, và đồng thời còn làm đổ gục một gốc cây thật lớn xuống phía dưới chân chúng ta. Chúng ta vội trốn chạy. Lạ lùng thay!.. Trong tình trạng lạng cậm tiếp nối, chúng ta đã nghe thấy có tiếng chuông nhà thờ nổi lên. Cả hai chúng ta cùng sững sờ, sững sốt, lắng tai nghe thanh âm đó, thứ thanh âm thật là lạ lùng ở trong một vùng hoang vu, cô tịch. Một lúc sau, có tiếng chó sủa từ xa xa vọng lại, một con vật sắp gần tới, bồi tăng những tiếng sủa chạy đến, hú lên những tiếng vui thỏa ở phía dưới chân của chúng ta. Một ông già ẩn tu mang theo một cây đèn nhỏ đi theo con vật, băng qua những rừng cây tăm tối. «Xin tạ ơn Thượng đế, ông già kêu lên, ngay khi vừa nhìn thấy chúng ta, ta đã kiếm tìm các người từ lâu! Con chó của chúng ta đã đánh hơi, nhận ra các người, từ trước khi có cơn bão, nó đã dẫn dắt ta tới nơi này. Trời ơi! Chúng hãy còn nhỏ tuổi quá! Hỡi những đứa trẻ khốn khổ kia ơi! Các người mới thật là đau khổ xiết bao! Đây: Ta có mang theo

một mảnh da gấu, vật này sẽ dành cho cô gái, còn đây là một chút rượu ở trong bầu rượu của ta. Thật quá là Thượng đế luôn luôn đã dành sẵn mọi thứ trong các công trình sáng tạo của Ngài! Lòng thương xót của Ngài thật là vĩ đại, và lòng từ ái của Ngài thật là vô biên! ».

«Atala xụp quỳ xuống dưới chân người tu sĩ »Hỡi vị chủ lễ, nàng nói với ông già ẩn tu, con là một tín đồ Thiên Chúa giáo, chính Thượng đế đã sai người tới để cứu vớt chúng con». - «Con ơi, ông già ẩn tu vừa nói vừa đỡ nàng dậy, chúng ta vẫn thường gióng chuông của giáo đường vào lúc trời tối, và trong những buổi giông bão để kêu gọi những người khách xa lạ, cũng như các bạn bè thuộc vùng núi Alpes, và, ở xứ Liban, chúng ta đã nhờ con chó của chúng ta, để phát giác ra những khách lạ đang bị lạc lối. Về phần ta, đây là lần đầu tiên ta gặp một người ẩn tu, cho nên ta đã coi việc làm bác ái ấy vượt quá sức của con người. Do đó, ta đã ngỡ rằng, ta đang bị ở vào một cơn mộng. Qua ánh đèn lù mờ, do người ẩn tu cầm ở nơi tay, ta thoáng thấy râu tóc ông ta ướt sũng nước. Đôi chân, hai bàn tay và mặt mày của ông ta đã bị rớm máu vì gai góc. «Thưa lão trượng, cuối cùng ta cất tiếng hỏi, tim óc của người như thế nào mà người lại không hề e sợ sấm sét?» — «Hãi sợ, ông già ẩn tu đáp với vẻ hơi nóng giận, hãi sợ trong khi có những người đang mắc phải tai họa, mà ta có thể giúp ích được họ! Vậy thì, ta chỉ là một tên nô lệ bất xứng của Đức Chúa Jesus Christ, hay sao!».

- «Nhưng, lão trượng có biết rằng, ta nói với ông già, tôi không phải là một tín đồ Thiên Chúa Giáo, hay không!» - «Chú nhỏ, ông già ẩn tu đáp, ta có hỏi chú theo tôn giáo nào đâu? Đức chúa Jesus Chris: không hề nói rằng : «Máu ta sẽ rửa cho người này, không rửa cho kẻ kia». Ngài đã chết cho kẻ vụ lợi và kẻ ngoại đạo. Ngài đã nhìn toàn thể nhân loại như anh em như những kẻ bất hạnh. Điều mà ta làm ở nơi đây cho các con thật quá nhỏ nhặt. Các con có thể tìm được ở một nơi khác nhiều sự cứu trợ hơn nữa. Nhưng, các tu sĩ không tiếp nhận hư vinh, sang cả. Trong tình trạng yếu ớt đơn độc, chúng ta là gì, nếu không phải là những dụng cụ thô sơ trong một tác phẩm của tạo hóa? Vậy thì, một tên lính vừa đủ hèn nhát, để có thể bị lùi bước trở lại, sẽ ra sao, khi mà viên chỉ huy trưởng của hắn, với thánh giá trên tay, với vòng vương miện đầy gai góc ở trên trán vẫn bình thản tiến bước ở phía trước hắn ta để tiếp trợ nhân loại?»

«Những lời lẽ ấy, đã chế ngự con tim của ta, những giọt lệ ngưỡng mộ, thân thiết đã tuôn chảy ra từ đôi mắt của ta -«Hỡi các con thân mến, ông già truyền giáo nói, ta đang chặn dắt một nhóm tín hữu man dã, nho nhỏ, ở trong các khu rừng cây quanh đây. Hang động của ta cũng gần vùng này, các con hãy tới nơi ẩn cư của ta để sưởi ấm. Các con sẽ không tìm được tại đó những tiện nghi của đời sống, nhưng các con sẽ có một nơi để tạm trú, nghỉ chân. Như vậy, đã khiến cho chúng ta phải cảm tạ tấm lòng từ ái của đấng chí tôn, vì còn có rất nhiều kẻ khác đã thiếu thốn cả một khu vực ẩn trú như thế!».

Những Người Nông Phu

«**C**ó những sự công chính, đã giúp cho lương tâm yên ổn mà người ra sẽ không thể sắp gần lại được, một khi người ta đã không hòa nhập vào tình tự bình hòa do những sự kiện tiết tủa ra từ con tim và từ ngôn ngữ của những sự kiện đó. Dõi theo lời lẽ của vị ẩn tu, ta cảm thấy mọi dục vọng ở trong lòng ta giảm lần lần xuống và ngay đến cả cơn giông tố ở trong vòm trời dường như cũng bị tiếng nói của ông già đẩy lui ra phía xa xa. Những đám mây tức thời bị phân tán bớt đi, nhờ vậy chúng ta đã có thể rời khỏi nơi ẩn lánh. Ra khỏi khu rừng cây, chúng ta leo lên mặt hậu của một ngọn núi cao. Con chó chạy trước, mồm ngậm theo cây gậy, một đầu gậy treo cây đèn tắt ngấm. Ta ôm giữ Atala ở trong vòng tay, tiến theo sau ông già ẩn tu. Ông vừa đi vừa quay lại để ngắm nghía, chiêm ngưỡng tình tự bất hạnh và lớp tuổi măng tơ của chúng ta với vẻ thương hại. Một cuốn sách đeo lưng lẳng ở trên cổ, thân mình tựa lên chiếc gậy màu trắng, tâm vóc ông già cao lênh khênh, gương mặt xanh sao, gầy guộc, dáng nét bình dị, thành thật. Ông không có vẻ trơ trơ, ngờ ngác của những nhân vật vô dục vọng bẩm sinh. Người ta có thể nhận thấy rằng cuộc sống của ông ta đã từng trải qua những sự khốn khổ và nếp nhằn ở trên trán ông nói lên những dấu vết đẹp của những dục vọng xa xưa, hiện đã được hàn gắn lại bởi đức hạnh và bởi tình thương yêu của Thượng Đế và của Nhân Loại. Khi ông đứng ngay ngắn, bất động để nói chuyện với chúng ta, bộ râu dài thậm thượt, cặp mắt khiêm nhường của ông, luôn luôn hướng xuôi về phía mặt đất. Âm điệu tiếng nói của ông đầy vẻ thân thiết, tất cả con người của ông đã tiết tủa ra một vẻ bình thản, tao nhã. Bất kỳ ai, kể cả ta, nếu như được thấy linh mục Aubry tiến bước một mình với cây gậy, với cuốn kinh nhật tụng, ở trong vùng sa mạc, thì đều sẽ nghĩ rằng đó chính là một vị hành giả của đạo Thiên Chúa giáo tại cõi trần hoàn này».

« Sau một chuyến đi đầy gian hiểm, vào khoảng nửa giờ trên con đường núi, chúng ta đặt chân tới phạm vi hang động của nhà truyền giáo. Chúng ta vượt qua những đám dây bìm bìm và dây bầu bí dại, ướt sũng, bởi những giòng nước tuôn xối xuống vùng đá tảng, để bước vào bên trong hang. Tại nơi đây, chỉ có một chiếc chiếu, làm bằng lá đu đủ, một chiếc bầu mức nước, vài chiếc vại, bình bằng gỗ, một chiếc mai, một chiếc sáo hình rắn gia dụng^[28], và, một tảng đá dùng làm bàn, một hình thánh giá, cùng các loại kinh sách của giới Thiên chúa giáo.

« Ông già cựu chủ nhân vội vã lấy dây leo khô, nhóm lửa lên. Ông tán nhỏ những hạt ngô bằng hai mảnh đá, làm một chiếc bánh và nướng chín trong đồng than lửa. Khi chiếc bánh bắt lửa, chín vàng, thật là đẹp mắt. Ông già dọn bữa ăn cho chúng ta, gồm chiếc bánh nóng hổi, với loại sữa dừa, đựng trong một chiếc bình gỗ cây phong. Chiều về, mang lại vẻ thanh tịnh, người nô bộc của Chúa, đã đề nghị chúng ta ra ngồi ở bên ngoài cửa hang. Chúng ta đã theo ông tới địa điểm đó, nơi mà tầm mắt có thể nhìn thấy toàn thể cảnh vật bao quát. Trận bão còn để sót lại, ở hướng trời đông, một cảnh trạng bừa bộn, những ngọn lửa của đám cháy, do sấm sét nhóm lên, ở các khu rừng cây, hiện vẫn còn đang tiếp tục chiếu sáng ở phía xa xa. Dưới chân núi, một rừng cây thông đã gục đổ gần hết xuống vùng sinh lầy. Giòng sông cuộn cuộn trôi hỗn độn, những thế chất nhão nhoẹt, những thân cây, những cơ thể súc vật, những con cá chết, phơi bụng trắng xóa như màu bạc trên mặt nước.

«Giữa cảnh trạng đó, Alala đã thuật lại cho ông già thần linh của núi cao rõ biết về thân phận của chúng ta. Dường như, con tim của ông ta đã bị xúc động mạnh mẽ, vì thế, hàng ngàn giọt lệ đã tuôn rơi xuống bộ râu của ông : «Con của ta ơi, ông nói với Atala, hãy dâng hiến nỗi thương đau của chúng con lên Thượng Đế để làm vinh danh Người, Người đã đem lại cho các con biết bao nhiêu sự việc, Người sẽ giúp cho các con được an tĩnh. Con hãy nhìn xem, các rừng cây nghi ngút khói tỏa, các giòng thác khô cạn nước, các đám mây tan loãng, Có thể tin được là nhân vật có thể làm tan diu một trận giông tố như vậy, lại không thể làm giảm bớt nổi những rối động của con tim nhân loại hay sao? Nếu như các con không có một nơi trú ẩn nào khác hơn, thì con gái thân mến của ta ơi, ta sẽ cũng hiến cho các con một chỗ ở giữa đám con chiên mà ta đã hân hạnh kêu gọi họ tới nép mình dưới chân chúa Jesus Christ, Ta sẽ khai sáng cho Chactas

và sẽ trao lại cho con một người chồng khi mà hẳn ta đã xứng đáng là một con người ».

« Qua những lời lẽ đó, ta vừa sụp quỳ xuống dưới gối vị ẩn tu đơn độc, vừa đổ lệ vui thỏa, nhưng Atala thì sạm mặt lại giống như một xác chết. Ông già nằng ta dậy, bằng một cử chỉ nhu hòa, chính lúc ấy ta nhận ra rằng cả hai bàn tay ông ta đều đã bị hư hoại. Atala đã hiểu ngay lập tức nỗi bất hạnh này. « Quân dã man, tàn độc! ». nàng kêu lên.

« Con gái của ta ơi, vị linh mục già mỉm cười hiền hòa đáp, sự kiện này đâu có thể đem so sánh được với nỗi nhẫn nhục ở nơi vị thầy cao cả của ta ? Nếu như, những người bản xứ đáng mến đã làm cho ta bị đau khổ, thì đó chỉ là những kẻ mù quáng, mà rồi đây Thượng Đế sẽ soi sáng cho họ. Riêng ta, ta càng yêu quý họ hơn, so với những sự đớn đau mà họ đã gây nên cho ta. Ta Không thể lưu lại nơi quê hương xứ sở của ta, nơi mà ta đã quay về, và cũng là nơi mà một vị nữ hoàng danh tiếng lấy lòng đã hân hạnh đón tiếp ta để chiêm ngưỡng những chứng tích, chẳng đáng kể gì trong sứ mạng tông đồ của ta. Nhưng còn tưởng thưởng nào xứng đáng vinh dự hơn, mà ta đã có thể tiếp nhận được từ những việc làm của ta, đó là ta đã được vị lãnh đạo tôn giáo chuẩn y cho ta được hành lễ dâng hiến lên sự sả thân của Đức Chúa trời, bằng đôi tay tật nguyền này? Sau những hân hạnh như vậy, ta không muốn làm hoen ố những gì đã khiến cho ta trở thành xứng đáng: Ta trở lại vùng Tân Thế Giới để sử dụng nốt chuỗi ngày tàn vào việc phụng sự cho Chúa. Ba mươi năm qua, ta sống đơn độc như vậy và ngày mai đây là vừa tròn hai mươi hai năm, ta đã làm sở hữu chủ vùng đá tảng nay. Khi ra mới đặt chân tới đây, ta chỉ gặp toàn những gia đình lang bạt, với những phong tục tập quán tàn độc và một nếp sống nghèo khổ. Ta đã dịu dặt họ noi theo ý niệm hiền hòa, nhờ vậy phong tục của họ đã lần lần dịu nhẹ đi Giờ đây, họ đã qui tụ ở dưới chân núi. Ta hết sức cố gắng, chỉ bảo họ những cách thức hành lễ cứu rỗi, dạy dỗ họ những nghệ thuật sống, nhưng không đưa họ vượt quá xa, mà chỉ kèm giữ cho những con người lương thiện đó sống trong nếp sống bình dị, mộc mạc, vừa đủ tạo được hạnh phúc cho họ. Riêng về phần ta, vì e ngại rằng sự hiện diện của ta sẽ làm cho họ khó chịu, do đó, ta lui về ẩn cư tại hang động này, nơi mà họ thường lui tới để tham khảo, để han hỏi ta. Chính tại khu vực khuất xa loài người như vậy và trong quang cảnh tịch mịch mê mông, vĩ đại như vậy, ta lại càng khâm phục Thượng Đế và đã đang chuẩn bị cho cái chết, do lớp tuổi già nua loan truyền đến ta.»

« Nói dứt lời, ông già cô độc sụp quỳ gối xuống, thế là chúng ta cũng lập tức bắt chước theo ông. Ông khởi sự, cất cao giọng, đọc một bài kinh cầu nguyện, Atala lặp lại lời ông. Những làn chớp lạng càm, vẫn tiếp tục lóe sáng ở phía nền trời phương Đông và ở phía nền trời phương Tây, ba vùng mặt trời cùng đua nhau rọi chiếu[29]. Một vài con cáo lạc lõng, bởi cơn giông tố, đang vươn dài những chiếc mõm đen ngòm bên những hố sâu thăm thẳm, đồng thời người ta đã nghe thấy lộp lộp tiếng rên rỉ của cây cối khô nẻ bởi cơn gió chiều và đang giong những thân cành gãy đổ ở khắp đó đây!

« Chúng ta quay vào trong hang, nơi ông già ẩn tu đã trải một chiếc giường bằng loại rêu của cây trắc bá dành cho Atala, Một tình tự uể oải trầm trọng hiện lên trên đôi mắt và trong những cử chỉ của người trinh nữ ấy, Nàng nhìn cha Aubry, như có ý muốn giải bày một điều bí ẩn, nhưng một vài sự kiện nào đó đã chặn giữ nàng lại, hoặc là do sự hiện diện của ta, hoặc là vì một vài tình tự hồ thẹn, hoặc là đã biết rằng có thú nhận cũng vô ích. Ta đã thấy nàng chỗi dậy vào lúc nửa đêm để đi tìm ông già cô độc, nhưng dường như, sau khi chuẩn bị xong giường nằm cho nàng, ông ta đã leo lên phía đỉnh núi để chiêm ngưỡng trời cao và khấn nguyện Thượng Đế. Hôm sau, ông đã cho ta biết rằng, đó là một thông lệ của ông, bởi vậy, dù là trong mùa đông tiết giá, ông vẫn ưa thích lên đó để ngắm nhìn cảnh rừng cây đu đưa, những chớp đỉnh trơ trụi, cánh mây trắng bay lướt thướt trên trời cao cao, cũng như để lắng nghe tiếng gió và tiếng thác nước thét gào trong trạng huống đơn côi, tịch mịch. Cũng vì thế, cho nên, cô em gái ta đã bắt buộc phải quay trở lại chỗ nằm, nơi mà nàng sẽ thiêu thiêu giấc điệp. Hỡi ôi! Trong lúc tràn trề niềm hi vọng, ta chỉ nhận thấy được tình trạng suy nhược của Atala, qua dấu hiệu mệt mỏi, thoáng qua, nhất thời, mà thôi! ».

« Sáng hôm sau, ta thức giấc giữa muôn tiếng hót líu lo của bầy chim hồng điều và chim thẳng nhại làm tổ ở trên những cây keo dai và những cây nguyệt quế, mọc vây quanh hang núi. Ta đã chạy đi hái một đóa hoa mộc lan hồng tươi ướt đẫm nước nhựa buổi ban mai, đem đặt lên đầu Atala, lúc nàng đang còn say ngủ. Theo tập tục của xứ sở ta, ta hi vọng rằng linh hồn của

những đứa trẻ đã chết trong lớp tuổi măng sữa, đã hạ nhập xuống đóa hoa đỏ, trong một giọt sương để rồi nó sẽ đưa dẫn vào lòng người vợ tương lai của ta qua một cơn mộng đẹp. Sau đó, ta đi tìm vị chủ nhân của ta. Ta gặp người đang ngồi đợi ta ở trên một thân cây thông ngã đổ vì đã quá già nua cần cỗi, với chiếc áo dài đã sờn gọn lên hai túi, với một chuỗi tràng hạt ở nơi tay. Ông rủ ta đi theo ông tới giáo đường, và cứ để cho Atala ngồi nghỉ: Ta tiếp nhận lời đề nghị của ông, thế là chúng ta lên đường ngay tức khắc.

« Trên đoạn đường xuống núi, ta nhìn thấy ở trên các thân cây sồi, nơi mà chư vị thần linh, dường như đã vẽ lên nhiều loại chữ kỳ lạ. Nhưng ông già cho ta biết là chính ông ta đã ghi khắc lên đó những câu thơ của một thi sĩ đời cổ mang tên là Homère và một vài câu của một thi sĩ khác thuộc loại cổ kính hơn nữa được gọi là Salamon. Hồi đó ta chưa hiểu nổi sự hòa hợp bí ẩn giữa những minh triết của thời gian trên các câu thơ ăn mòn vào rêu do ông già đơn côi đã khắc vào những cây sồi già được sử dụng như những cuốn sách ghi chép.

« Tên của ông, tuổi của ông, ngày tháng thi hành sứ mạng của ông, cũng đã được đánh dấu trên thân cây loại hồ hoàng của vùng đồng cỏ nằm ở bên dưới những cây sồi nói trên. Ta đã ngạc nhiên ngỡ ngàng trước tình trạng thiếu bền vững của công trình nói sau đó: « Nó sẽ bền vững hơn ta, ông già giải đáp thắc mắc của ta, và nó sẽ luôn luôn có giá trị hơn một số thiện quả ít ỏi mà ta đã thực hiện! ».

« Từ chốn ấy, chúng ta đi tới lối ra vào của một khu vực thung lũng, nơi ta đã trông thấy một công trình kỳ diệu: Đó là một cây cầu thiên nhiên giống như loại cầu của Virginie mà có thể con đã từng nghe nói đến. Con ơi, con người nhất là những con người ở nơi xứ sở của con, thường hay ưa bắt chước theo thiên nhiên, nhưng những công trình tạo tác đập khuôn của họ thật quá nhỏ bé. Thiên nhiên không như vậy, một khi nhìn bề ngoài thì dường như thiên nhiên đã bắt chước công trình của loài người, nhưng thực ra, thiên nhiên mới là nguồn cội thiết lập ra các mẫu mực dành cho loài người. Chính vì vậy, thiên nhiên mới tung ra những loại cầu bắc từ một đỉnh núi này sang một đỉnh núi khác, lập ra những con đường treo lơ lửng ở giữa mây xanh, khai mở những giòng sông dùng làm lối thoát nước; khắc chạm những ngọn núi làm thành các cây cột sừng sững và để tạo dựng bồn chứa thiên nhiên đã khơi đào thành các biển cả bát ngát, mênh mông.

« Chúng ta đã băng qua bên dưới nhịp duy nhất của cây cầu loại đó và đã nhận thấy một kỳ công khác ở phía trước mặt: Đó là, địa khu nghĩa trang của dân bản xứ thuộc phạm vi giáo phận, hay là vùng ruộng vườn của người chết. Cha Aubry đã cho phép tân tín đồ được mai táng những người chết theo cách thức của họ, đồng thời được giữ cả tên tuổi man dã của họ ở nơi mộ phần, ông chỉ tạo cho nơi này thích hợp với thánh pháp bằng những cây thập tự giá. Địa khu nghĩa trang được phân chia giống như vùng đồng ruộng gặt hái, bao nhiêu gia đình thì cũng có bấy nhiêu lô đất. Mỗi lô đất đã biến thành một khu rừng cây khác biệt nhau, tùy theo ý thích của mỗi gia đình. Một lạch suối im lìm chạy ngoằn ngoèo ở giữa vùng đồng ruộng này được người ta gọi là lạch suối hòa bình. Về phương Đông khu vực ẩn náu tươi đẹp của các linh hồn đã bị đóng kín bởi cây cầu, mà chúng ta đã băng qua ở phía bên dưới. Hai ngọn đồi, một ngọn bọc tại phương Bắc và một ngọn bọc ở phương Nam. Chỉ còn một lối thoát độc nhất về phương Tây, nơi có một rừng thông vươn mình lên không phận. Những thân cây thông mang một màu thắm đỏ pha vân xanh lục, trơ trụi không cành lá từ gốc đến tận ngọn, nom giống hệt như những chiếc cột cao và đã hình thành một hành lang viên trụ của ngôi điện đài tử vong. Khu rừng tràn ngập một thứ âm thanh tôn nghiêm chẳng khác chi những tiếng rền rĩ âm ỷ của một cây đại phong cầm vang vọng ở dưới những vòm cầu tại một ngôi thánh đường. Nhưng, một khi người ta đã lọt vào bên trong đáy tầng thâm u của rừng cây thì người ta chỉ còn nghe thấy những tiếng chim ca hót, ríu rít, giống như là muôn chim đang hành lễ kỷ niệm cho các vong linh trong một mùa hội miên viễn.

« Ra khỏi khu rừng cây, chúng ta đã trông thấy ngôi làng của giáo khu hiển hiện ra ở bên bờ một hồ nước nằm giữa vùng đồng cỏ đã được gieo trồng bởi ngàn sắc hoa tươi. Người ta tiến vào làng bởi một đại lộ nằm giữa hai hàng cây mộc lan và cây sồi xanh, loại cây thường viên bọc tại một trong những con đường xưa cũ, trên các dãy núi, phân chia vùng Kentucky thuộc địa khu Florides. Ngay khi vừa nhận ra vị linh mục xuất hiện và di chuyển ở trong khu vực bình nguyên, những người dân địa phương đã vội vàng rời bỏ ngay công việc đang làm, chạy tới

trước mặt ông. Người thì hôn lên chiếc áo dài của ông, kẻ thì giúp dập bước chân của ông. Các bà mẹ thì giơ cao những đứa con nhỏ lên để cho chúng ngắm nhìn con người của Chúa Jesus Christ, con người đang rung rung mắt lệ vì cảm động. Ông vừa đi vừa han hỏi xem có ai là khách lạ mới lạc bước qua làng hay không. Ông khuyên răn người này, ông nhỏ nhẹ mắng mỏ người kia, ông nói về kết quả của vụ thu hoạch trong mùa gặt hái, về sự học hỏi của bầy trẻ, về những mối lo âu, đau khổ cần được an ủi, lúc nào ông cũng pha trộn danh tự «Chúa» vào trong mỗi lời lẽ.

«Lũ lượt tháp tùng theo ông, chúng ta đi về phía chân một cây Thập Tự Giá thật vĩ đại nằm ở trên thông lộ. Chính tại nơi đây, con người nô bộc của Chúa đã thường tới để hiến dâng các lễ huyền bí thuộc tôn giáo của ông: « Hỡi chư vị tân tín hữu thân mến, ông vừa quay đầu về phía đám đông vừa nói, chúng ta mới có một người anh em và một người chị em tìm đến với chúng ta để gia tăng thêm nguồn hạnh phúc cho chúng ta, tôi cũng nhận thấy rằng, gần đây đấng Thượng Đế Chí Tôn đã dành cho chúng ta một mùa màng tốt đẹp: Đó là hai lý do để chúng ta phải tri ân Người. Vậy thì, chúng ta hãy hiến dâng lên Người một thánh lễ Mi-xa, đồng thời mỗi người trong chúng ta hãy tự mang tới cho Người một sự mặc niệm trang trọng, một niềm tin tưởng mãnh liệt, một tình thần tri ân nồng nhiệt và một con tim nhu thuận. »

« Dứt lời, vị linh mục cao cả đó lập tức khoác ngay lên mình chiếc áo lễ màu trắng, dệt bằng loại vỏ cây dâu. Những bình vai lễ được mang từ trong một chiếc tủ đựng thánh tích đặt ở bên dưới cây thập tự giá ra, một tảng đá đã được sắp xếp thành bàn thờ. Nước lễ đã được múc từ một giòng thác ở kề cận. Và một chùm nho đã được làm thành rượu lễ. Tất cả chúng ta sụp quỳ gối xuống vùng cỏ cao, thế là buổi thánh lễ Mi-xa bắt đầu.

« Bình minh dần dần ló dạng từ phía sau ngọn núi, đỏ rực ở phương trời Đông. Muôn vật ở trong miền sa mạc cô liêu, tịch mịch, đã bị nhuộm thành một màu vàng sẫm hoặc màu hồng tươi. Vùng thái dương đã được thông báo trước qua vạn ngàn tia sáng rực rỡ, long lanh, để rồi hiện dần lên tại một vùng vực sáng cực độ, Thế là, những phiến sáng đầu tiên của mặt trời đã rơi chiếu vào đúng lúc hành lễ rước mình thánh, cũng vì thế giữa thời gian này vị linh mục dường như đã được nâng lên phạm vi không phận, Ôi, thật là một thứ đạo giáo kỳ diệu thay! Ôi, Thiên Chúa giáo mới huy hoàng, tráng lệ thay! Chỉ cần một vị tư tế là một vị ẩn tu già nua tuổi tác. Chỉ cần một bàn thờ bằng một hòn đá tảng mộc mạc. Chỉ cần một ngôi thánh đường là một miền sa mạc hoang vu. Chỉ cần có sự hiện diện của một số những con người man dã bình dị! Ấy thế mà, không, ta không hề ngờ vực rằng vào thời gian mà chúng ta sụp quỳ bái lễ ấy thì cuộc hành lễ đã không được thực hiện. Chúa đã không giáng hạ xuống phạm trần này, bởi vì, chính ta, ta đã cảm nhận thấy Ngài hạ nhập vào ngay tận đáy tầng tâm khảm của ta.

« Sau buổi lễ, về phần ta, ta chỉ còn thấy thiếu vắng có một mình cô gái của Lopez mà thôi! Chúng ta rời bước khỏi địa điểm hành lễ tiến vào bên trong ngôi làng. Nơi đây tràn ngập một bầu không khí hòa hợp thật là xúc động giữa đời sống tập đoàn xây dựng với đời sống thiên nhiên bình dị: - Ở một góc rừng cây trắc bá thuộc vùng sa mạc cổ kích, người ta đã thấy phát hiện ra một khu vực trống trọt vừa khởi sinh. Những ngọn bông lúa mì cuộn cuộn, gòn gòn thành lớp lớp sóng vàng ở trên các thân cây sồi bị đốn hạ. Những bó lượm của mùa hạ đã thay thế cho các thân cây già nua từ ba thế kỷ qua. Người ta nhìn thấy ở khắp đây đó, các khu rừng cây bị thiêu đốt đang phun tỏa từng đợt, cột khói đen lên phía trời cao. Những chiếc lưỡi cày chậm chạp len lỏi ở giữa vùng tàn tích của gốc rễ. Những trắc địa viên đang đo đạc đất đai bằng các sợi dây dài dằng dặc. Những trọng tài viên đang thiết lập các tài sản tư hữu tiên khởi cho đám dân làng. Chim chóc đã phải nhượng lại các chiếc tổ ấm của chúng cho loài người. Những vùng sào huyết của thú dữ đã được chuyển hóa thành các ngôi lều. Người ta đã nghe thấy hàng hàng lớp lớp tiếng nện chát chúa của những lò rèn và những nhát rìu cuối cùng vang lên kèm theo với tiếng cây đổ ngã rào rào, những loại cây mà cư dân đã đốn xuống để dùng vào việc xây dựng lều trại

« Ta say mê cất bước giữa khung cảnh đó, tâm hồn tràn ngập một tình tự êm ái, qua hình ảnh của Atala và qua cơn mộng mị đang ru êm con tim của ta. Ta chiêm ngưỡng sự thành công vẻ vang của Thiên Chúa giáo trong cuộc tranh thắng với đời sống man dã. Ta ngắm nhìn những con người bản xứ đã được văn minh hóa, theo tiếng gọi của tôn giáo. Ta đã được chứng kiến một cuộc hôn phối sơ thủy giữa người và đất: - Qua kết ước vĩ đại đó, con người đã buông rơi

xuống lòng đất di sản của họ, từng giọt, từng giọt mồ hôi. Đáp lại, đất đã tình nguyện chung thủy ôm giữ mùa màng, con cái và hài cốt của con người.

« Trong lúc người ta mang những đứa trẻ sơ sinh tới trình diện với nhà truyền giáo để nhờ ông làm lễ rửa tội cho chúng ở giữa một khu vực tràn ngập những đóa hoa lài, thì ngược lại, một chiếc quan tài lại được họ tiến hành theo nghi thức và sinh hoạt của họ, trước khi đem tới vùng đồng ruộng của người chết. Hai vợ chồng mới cưới đã nhận được ơn đức hôn lễ dưới bóng một cây sồi, sau đó, chúng ta đã đưa dẫn họ về một địa điểm tại đầu góc của vùng sa mạc. Nhà truyền giáo đi ở phía trước chúng ta ban phép lành khắp đó đây từ một viên đá từ một gốc cây, từ một giòng suối, giống như thuở xưa, Chúa đã ban phép lành cho mảnh đất bỏ hoang để cung dưỡng cho ông Adam, theo như sách của các tín đồ Thiên Chúa giáo đã ghi chép. Với số con chiên lộn xộn đó, đám rước tiến theo sau vị lãnh đạo tôn giáo đáng kính, di chuyển từ viên đá tảng này, sang viên đá tảng khác. Hình ảnh này đã làm cho ta động lòng, liên tưởng tới cảnh thiên di của những gia đình đầu tiên, khi mà Ông SEM^[30], cùng với con cái ông ta lầm lũi tiến bước theo mặt trời ở phía trước mặt để vượt qua một thế giới xa lạ.

«Ta muốn tìm hiểu xem vị ẩn tu thanh khiết đó đã dẫn dắt đám con chiên của ông ta ra sao! Ông vui vẻ đáp lại lời ta: «Ta không cưỡng ép họ phải tuân theo một luật tắc nào cả. Ta chỉ dạy cho họ biết thương yêu lẫn nhau, biết cầu nguyện Thượng Đế, biết hi vọng vào một đời sống tươi sáng: Tất cả các luật lệ ở trên thế gian này đều nằm trong phạm vi đó. Như con đã thấy ở giữa làng có một ngôi nhà to lớn hơn tất cả các ngôi nhà khác: Đó là ngôi nhà nguyện trong mùa mưa. Mỗi sáng, mỗi chiều, người ta đã tập hợp tại đây để tạ ơn Thượng Đế khi nào ta không có mặt, thì một phụ lão sẽ thay ta khẩn nguyện, bởi chung, tuổi tác cũng như tình mẫu tử, chính là một loại ông đạo. Sau đó, họ mới ra đồng ruộng cấy cấy, trồng trọt. Sở dĩ, đất đai đã được phân chia thành từng lô, từng phần, là để tự tập cho mỗi người tự học hỏi về phương diện kinh tế xã hội. Trên thực tế mùa màng vẫn được chung góp vào trong kho lẫm của làng, hầu có thể gìn giữ được tình trạng từ ái huynh đệ. Bốn vị bộ lão giữ nhiệm vụ phân chia đồng đều sản vật do công lao cày sâu cuốc bẫm của mọi người. Thêm vào đó, các buổi lễ huyền bí của tôn giáo, những bài thánh ca, cây thánh giá mà ta đã từng làm lễ Mi Xa ở dưới cây tiểu xích du mà ta đã từng thuyết pháp vào những ngày đẹp trời. Những ngôi mộ nằm ở kế cận cánh đồng lúa mì, những con sông nơi ta đã tắm gội cho bầy trẻ nhỏ, những vị thánh Jean của vùng tân Béthanie này^[31] đều là những sự kiện giúp cho con có đầy đủ ý niệm về miền đất của đức chúa Jesus Christ. »

« Những lời nói của ông già cô độc đã làm cho ta say mê. Ta cảm thấy đời sống cố định và bận bịu đã vượt hẳn lên trên đời sống lang bạt và biếng lười của những con người man dã.

«René ơi! Ta không hề dám can nhàn oán trách Thượng Đế, nhưng ta phải thú nhận rằng, không bao giờ ta nhớ tới cái xã hội đạo hạnh đó, mà ta không cảm nhận thấy một nỗi niềm cay đắng, hối tiếc. Giá như được sống trong một căn lều tranh với Atala, ở bên lề vùng đất đó thì cũng đã đủ làm cho ta sung sướng biết bao ! Nơi đó sẽ giúp ta rời bỏ được tất cả những chuyển bay nhảy. Nơi đó, với một người vợ hiền, xa lánh hẳn mọi ảnh hưởng nhân thế, sẽ che dấu được trạng huống hạnh phúc của ta, tại phạm vi tận cùng của rừng thẳm. Ta sẽ giống như những con sông không có tên gọi thuộc vùng sa mạc hoang liêu. Giữa nếp sống thanh bình như thế, ta đâu còn dám lao mình vào những biến động đã làm chìm ngập chuỗi ngày dài của ta. Trò bốn cột liên tục của phần số đã làm vụn vỡ tất cả các khu vực bên bờ trong suốt thời gian ta bị lưu đầy khỏi xứ sở của ta. Do đó, lúc quay về thì ta chỉ còn trông thấy một căn lều đổ nát và những năm mộ của bạn hữu: Phải chăng, đó là định mạng của con người mang tên là Chactas! »

Tấn Bi Kịch

«Nếu như, cơn mộng mị đầy hạnh phúc của ta thật là sinh động thì cơn mộng mị đó cũng lại quá ngắn ngủi và thời kỳ tỉnh giấc đã sẵn sàng chờ đợi ta ở trong vùng hang động của ông già cô độc. Khi quay về tới cửa hang vào lúc giữa trưa, ta đã hết sức ngạc nhiên vì không thấy Atala chạy ra mừng đón trước những bước chân của ta. Ta không thể thấu triệt được sự hãi hùng đã bắt thần vồ chụp lấy ta, trong thời gian ấy. Lúc bước tới cửa hang, ta không dám cất tiếng gọi cô gái con của Lopez: Óc tưởng tượng của ta đã khiếp sợ cả đến tiếng động, cả đến sự im lặng sẽ tiếp nối theo sau lời kêu gọi của ta. Hơn thế nữa ta đã e ngại cả vùng bóng tối đang ngự trị trên con đường vào hang. Ta nói với nhân vật truyền giáo: «Cha ơi, Thượng Đế có đi kèm theo và có làm gia tăng thêm sức mạnh của cha ở trong khoảng bóng tối này không?».

«Thật là yếu ớt thay những kẻ đang bị mối đam mê dục vọng chế ngự! Thật là mạnh bạo thay những con người đã được nương tựa dưới bóng Chúa! Ý chí can trường đã ngập tràn trong tim óc của kẻ mộ đạo và dù rằng tim óc ấy đã bị héo úa bởi bảy mươi sáu năm trường nhưng nó vẫn còn vượt hẳn lên trên tình trạng hăng say của tuổi trẻ ở nơi ta. Con người của hòa hội đã bước vào bên trong hang núi giữa lúc ta vẫn còn chần chờ trước cửa hang, với một tâm trạng hoang mang hãi sợ. Tức thời, một giọng rên rỉ yếu ớt giống như lời thán oán đã xuất phát từ phía đáy hang vọng ra bên ngoài, đập vào màng nhĩ của ta. Thế là, ta thốt ngay ra được một tiếng kêu, đồng thời cũng tìm ngay lại được sức mạnh của ta, ta lao mình chạy vào vùng bóng tối của hang núi... Hỡi vong linh của cha ông ơi! Chỉ có các người là biết rõ được quang cảnh đã đập vào mặt con lúc đó!

«Ông già cô độc đã thấp được một cây đuốc thông. Ông đứng ở phía đầu chỗ Atala đang nằm, bàn tay cầm đuốc run lẩy bẩy. Về phần người phụ nữ trẻ thì gắng gượng chống khuỷu tay để nâng cao một nửa thân mình lên, tóc nàng bù rối, da dẻ xanh tái, những giọt mồ hôi nặng nề lấp lánh ở trên trán, ánh mắt tắt lịm nửa vơi của nàng đưa đầy, kiếm tìm và vẫn còn biểu lộ tình tự yêu thương đối với ta. Miệng nàng ráng nở một nụ cười. Bị quất trúng một đòn như sấm sét, ta đứng im lìm bất động, đôi mắt sững sờ, đôi tay ruỗi thẳng, đôi môi ở vị thế hé mở. Qua cảnh trạng thương đau đó, trong một khoảng khắc, bầu không khí nặng nề trầm trọng chế ngự toàn thể cả ba người. Ông già cô độc là người đầu tiên cất tiếng phá vỡ tình trạng câm nín đó: «Đây chỉ là một cơn sốt đã phát sinh ra bởi sự lao nhọc, ông nói, và nếu như chúng ta có thể trì chí, nhẫn nại theo ý của Thượng Đế, thì chắc chắn Ngài sẽ thương xót đến chúng ta!»

«Qua lời lẽ đó, giòng máu đang bị ngưng đọng đã tiếp tục chuyển vận ở trong tim ta, đồng thời với tính chất linh động sẵn có của giống dân man dã, ta đã bất thần vượt ngay được từ trạng thái quá đổi hãi hùng sang trạng thái tràn đầy tin tưởng. Nhưng Atala không để cho ta mừng rỡ lâu hơn, nàng vừa lúc lắc đầu một cách buồn bã, vừa ra dấu cho chúng ta tiến gần lại chỗ nàng nằm.

«Thưa cha, nàng nói với vị giáo sĩ, qua một giọng yếu ớt, con đang tiến gần tới cõi chết. Ôi Chactas ơi! Anh chớ vội ưu phiền, hãy lắng nghe em thổ lộ về một điều bí ẩn thê lương mà em đã từng giấu diếm anh để cho anh khỏi bị quá đau thương, cũng như, để vâng theo lời mẹ em. Anh hãy cố gắng đừng ngắt lời em, qua những đường nét bi thiết, những đường nét sẽ xô đẩy em sớm vượt thoát qua phút giây ngắn ngủi, phù du, của cuộc sống hiện hữu. Em còn có nhiều điều phải nói, nhưng sức đập của tim em đã lần lần chậm rãi... Giờ đây em đã không thể hiểu nổi mức độ nặng nề, lạnh lẽo, mà lòng ngực của em đang phải nâng vác... Em cảm thấy em cần phải hết sức vội vã, gấp rút».

«Sau vài giây phút ngưng nghỉ Atala tiếp tục:

«Số phận buồn đau của em hầu như đã khởi bước ngay từ lúc em chưa được nhìn thấy ánh sáng. Mẹ đã mang thai em trong một hoàn cảnh bất hạnh, em đã làm cho bụng mẹ em rã rời, mệt mỏi, bà đã sinh em ra trong tình trạng xé ruột xé gan: - Người ta đã hết hi vọng về sự sống còn của em. Để cứu vớt đời sống của em, mẹ em đã phải lập một lời nguyện:- Bà hứa với đức

nữ vương của các thiên thần rằng, em sẽ dâng hiến đời sống trinh bạch của em cho Ngài, và em chỉ thoát khỏi lời nguyện vào lúc em đã chết... Lời nguyện định mệnh đó sẽ đẩy xô em xuống mộ phần!

«Khi mẹ em mất, thì em vừa đúng mười sáu tuổi, vài giờ trước khi mẹ từ trần, bà gọi em tới bên cạnh giường. «Con gái của ta ơi; bà nói với em, vào thời gian có sự hiện diện của một nhà truyền giáo, ông đã tới để an ủi bà trong giây phút cuối cùng, con ơi, chắc con đã biết rõ về lời nguyện do mẹ đã khấn thay con. Con có muốn chối bỏ mẹ của con, hay không? Hỡi Atala, con gái của ta ơi! Ta đã bỏ con ở lại trong một thế giới không xứng hợp thủ đắc, một nữ tín đồ Thiên Chúa giáo, ta đã bỏ con ở lại với những kẻ mê đắm, đã ngược đãi Thượng Đế của cha con, và của con. Thượng Đế, sau khi cho con thấy ánh sáng của ngày dài, Ngài đã gìn giữ con tồn tại qua một phép lạ. Nay, con gái thân yêu của ta ơi, chấp nhận tám khăn choàng của những trinh nữ, con cần phải chối bỏ tất cả mọi ưu tư thuộc vùng lều trại, và những dục vọng sâu thẳm đã từng phen khuấy động tâm tư của mẹ! Hãy lại đây, con gái thân yêu của mẹ, hãy lại gần đây, và tuyên thệ trước tượng hình của Đức Bà, mẹ đáng cứu thế, ở giữa hai bàn tay, của vị linh mục thanh khiết và của người mẹ đang hấp hối rằng, con sẽ không bao giờ lừa dối trước mặt Thượng Đế. Con nên nghĩ rằng, ta đã khấn nguyện cho con, để cứu lấy đời sống của chính con và nếu như con không giữ đúng lời nguyện thì linh hồn của mẹ con sẽ bị chìm đắm mãi mãi trong vòng khổ đau triền miên!»

«Ôi, mẹ ơi! Tại sao mẹ đã nói như vậy! Ôi tôn giáo ơi, tôn giáo đã từng phen làm cho tôi bị đau đớn, nhưng chính tôn giáo cũng đã từng phen đem cảnh toàn phúc lại cho tôi. Tôn giáo đã làm cho tôi bị mất mát, nhưng, chính tôn giáo cũng đã từng an ủi tôi! Và anh, một đối tượng thân thiết và thắm nảo của dục vọng đã làm tiêu mòn đời em cho tới lúc em rơi ngã vào trong vòng tay tử thần. Bây giờ, Chactas ơi, anh hãy nhận định xem, ai là kẻ đã cay nghiệt gây nên định mạng của chúng ta... Chứa chan mắt lệ, em lẫn nhào vào lòng mẹ, và em đã hứa tất cả những điều gì mà người ta muốn em phải hứa hẹn. Nhân vật truyền giáo tuyên đọc ở trước mặt em những lời lẽ thật đáng sợ, và giao cho em một chiếc xương bả vai, để ràng buộc em vĩnh viễn vào đó. Mẹ em đã mang sự bất hạnh của bà, để hăm dọa em, khiến cho em không bao giờ đoạn tuyệt được với những lời nguyện của em. Và, sau khi đã gửi gắm lại cho em một sự bí mật, mà những kẻ ngoại đạo, những kẻ ngược đãi tôn giáo của em, không có thể lý tới, bà đã thở hắt ra, trong lúc vẫn ôm giữ em.»

«Thoạt đầu, em đã không biết tới sự hiểm nghèo về những lời thề nguyện của em. Lòng tràn đầy hăng hái, tự cho mình là một nữ tín đồ chính tông của Thiên Chúa giáo, kiêu hãnh với giống máu Tây Ban Nha tuôn chảy ở trong huyết mạch, em đã thấy những người đàn ông ở quanh em đều không ai xứng đáng tiếp được bàn tay của em. Em đã tán thành không chấp nhận cuộc đời chồng vợ với bất cứ một ai, ngoại trừ, Thượng Đế của mẹ em. Nhưng, em đã trông thấy anh? một tên tù nhân trẻ tuổi, đẹp trai, em động lòng thương hại cho phần số của anh, và em đã mạo hiểm tới bên đồng lửa ở nơi rừng khuya để nói chuyện với anh. Thế là, em cảm thấy tất cả sức nặng của lời thề nguyện.»

«Vào lúc, Atala chấm dứt lời nói, tay ta nắm chặt lại, mắt ta nhìn trừng trừng về phía nhà truyền giáo như muốn ăn tươi nuốt sống ông ta, rồi thét lớn lên: «Hãy xem đây, cái tôn giáo mà ông đã ráng sức khen lao! Hãy mau hủy bỏ lời nguyện đã cướp đoạt Atala của tôi đi! Hãy hủy diệt ngay Thượng Đế đã ngáng trở thiên nhiên đi! Linh mục và nòi giống của ông đã tới các khu rừng cây này để làm gì?»

«Để cứu vớt Anh, ông già đáp lại, bằng một giọng nghiêm khắc, để chế ngự dục vọng của Anh, để cản ngăn Anh đừng trở thành một kẻ báng bố thần thánh, để lôi kéo Anh thoát khỏi cơn giận dữ của trời cao! Nay người tuổi trẻ kia ơi, phần số anh đã bị định đoạt sẵn, cho nên ngay khi bước vào đời, Anh đã phải oán trách, phàn nàn về những nỗi đau thương của anh! Nhưng, dấu tích khổ đau của Anh ở đâu mà ra? Những nỗi bất công do anh đã phải gánh chịu ở đâu mà ra? Anh đã làm được bao nhiêu công ích? Anh đã tạo được bao nhiêu điều thiện? Nay Anh, chính dục vọng của anh đã đem sự thống khổ đến cho Anh, nhưng Anh lại liều lĩnh cáo buộc cho Thượng Đế! Khi mà Anh sẽ trở thành một người như linh mục Aubry, người đã bị dày ải trong ba mươi năm trời ở trên đỉnh những ngọn núi cao, thì lúc đó Anh sẽ không vội vã, hấp tấp phán xét chủ đích của Thượng Đế như vậy. Lúc ấy, Anh sẽ hiểu rằng, Anh chẳng biết gì hết, Anh

chẳng là gì hết, và, thật ra, chẳng hề có một hình phạt nào quá nghiêm khắc, chẳng hề có những nỗi khổ đau nào quá kinh khủng, mà chỉ có sự đồi bại của xác thịt là đáng bị đau khổ mà thôi!»

«Những tia sáng xuất phát từ cặp mắt của ông, bộ râu phấp phới dồn dập ở trên ngực ông, tiếng nói như sấm sét của ông đã tạo cho ông giống y hệt hiện thân của một Thượng Đế. Bị dạng nét uy nghi của ông chế ngự, ta sụp quỳ ngay xuống phía đầu gối của ông và xin ông tha thứ cho cơn nóng giận của ta. «Con của ta ơi, ông đáp lời ta, qua một giọng dịu ngọt khiến cho tâm não của ta ngập tràn một niềm hối hận, con của ta ơi, không phải vì bản thân ta mà ta trách mắng con. Hỡi ôi! Con đã có lý, con của ta ơi: - Ta đã tới đây và chẳng làm được bao nhiêu việc công ích ở trong vùng rừng núi này. Thượng Đế đã chẳng có một kẻ nô bộc nào bất xứng hơn ta nữa. Nhưng, con của ta ơi! Trời cao, trời cao là một nơi mà không bao giờ có thể bị cáo buộc! Hãy tha thứ cho ta, nếu như ta đã vô tình xúc phạm tới con nhưng chúng ta cần lắng nghe lời nói của em gái con đã. May ra đó sẽ là một liều thuốc tốt. Chúng ta đừng bao giờ buông bỏ hi vọng. Chactas ơi! Đó chính là một tôn giáo thâm diệu hơn tôn giáo khác, bởi vì tôn giáo này đã tạo cho ta một đức tính: Hy vọng!»

«Này người bạn lòng của em ơi! Atala nói tiếp, anh là người đã chứng kiến được tình trạng trì kháng của em, song le, anh chỉ mới thấy được một phần, em đã giấu diếm anh phần còn lại. Hỡi ôi! Những người da màu đã từng đổ mồ hôi để tưới bón những khu đất cát khô cứng tại vùng Florides, cũng vẫn còn kém thống khổ so với sự thống khổ mà Atala đã phải gánh chịu! Em đã van cầu anh bỏ chạy, nhưng chắc chắn rằng em sẽ chết dần chết mòn, nếu như anh đã xa lánh em. Em đã hãi sợ phải trốn theo anh vào trong sa mạc, song le, em đã xao xuyến, khát khao biết mấy khi hai ta ở trong phạm vi bóng mát của rừng già... Chao ơi! Dầu rằng có phải xa rời cha mẹ, bạn hữu, đất nước, dầu rằng có bị mất mát ngay cả linh hồn em đi nữa. Nhưng, hình bóng của anh, ôi mẹ của con ơi, hình bóng của anh thì luôn luôn hiện hữu ở quanh quất đâu đây để trách cứ nỗi niềm băn khoăn của em! Em đã nghe thấy những lời phiến hà của anh, em đã nhìn thấy những ngọn lửa của miền địa ngục sắp thiêu hủy mẹ em. Những đêm dài của em thì, căn cỗi, héo úa và tràn đầy ma quái. Những ngày của em, thì dằng dặc buồn phiền. Sương chiều đã ráo khô ngay tức khắc trên làn da hừng hực nóng bỏng của em. Em hé mở đôi môi trước gió thì gió đã vội xa chạy cao bay, lánh xa em, mang theo tất cả tình tự dịu mát, vì gió đã chạm vào sức lửa ở trong hơi thở của em. Thật là bức bội biết bao khi ở giữa chốn hoang vắng không một bóng người với con người của anh lúc nào cũng quanh quất gần bên em, ấy thế mà, một bức tường vô hình đã chặn giữ giữa anh và em! Giá như em được sống dưới chân anh, được phụng sự anh như một kẻ nô tỳ, được dọn bữa cho anh ăn, được làm giường cho anh nằm tại một số sảnh vô danh nào đó ở trên thế gian này, thì thật là hạnh phúc cho em vô cùng, hạnh phúc ấy em đã với tới, nhưng em không có thể vui hưởng. Do mưu định nào mà em không có quyền mơ tưởng? Có cơn mộng mị nào lại không hề vượt thoát ra khỏi con tim quá sâu muợn này? Thỉnh thoảng em đã dán chặt cặp mắt của em vào người anh, em đã hình thành được những cơn dục vọng điên rồ, phi lý, gần như đã phạm tội: Có lúc, em đã muốn được cùng với anh biến thành một sinh vật độc nhất ở trên trái đất, có lúc em cảm nhận thấy một thần tính ngăn cản em bước sâu vào những chuyển biến góm ghê, em đã ao ước rằng thần tính ấy sẽ bị tàn hủy đi, hầu em có thể được ôm siết ở trong vòng tay của anh. Cứ như thế em đã bị cuốn hút từ vực sâu này sang vực sâu khác với những mảnh di hài của Thượng Đế và của nhân gian! Ngay cả trong thời gian hiện hữu... Em đang nói về tình trạng đó! Giữa lúc mà khoảng không gian vô thủy vô chung kia sắp sửa nuốt chửng em vào lúc mà em sắp sửa phải hiện diện trước cuộc phán xét nghiêm khắc, lúc mà để vâng lời mẹ em, em đã thấy được tình tự vui thỏa qua tấm lòng trinh bạch của em, tấm lòng trinh bạch đã xé nát đời sống con người của em. Chính vì sự tự mâu thuẫn kinh khủng ấy, em đã đành phải ôm theo sự nuối tiếc là đã không được lệ thuộc vào anh!

«Con gái của ta ơi, nhân vật truyền giáo ngắt lời nàng, nỗi thương đau của con đã làm cho con lầm lạc. Tình trạng dục vọng quá lạm mà con đã dân thân vào rất hiếm thấy.

Tình trạng đó cũng chưa từng xảy ra ở trong vòng tạo vật, do vậy, dưới mắt Thượng Đế, tội phạm đó đã được giảm khinh. Bởi vì đó chỉ là lỗi lầm của lý trí, hơn là thói xấu của con tim. Vậy con cần phải lánh xa ngay những cơn khích động này, những cơn khích động không xứng hợp với tính tình ngây thơ của con. Con yêu quý của ta ơi, chính óc tưởng tượng mãnh liệt của con

đã làm xáo động những lời nguyện của con một cách quá đáng. Tôn giáo không hề đòi hỏi những hy sinh vượt ra khỏi sức chịu đựng của con người. Những cảm xúc đích thực, những tình tự ôn nhu đều đã được đặt lên trên những cảm xúc quá khích, những tình tự miễn cưỡng nhằm hướng vào mục đích tôn vinh hùng khí. Nếu như con đã bị quy ngã thì hỡi con chiến khốn khổ lầm lạc kia ơi! Con sẽ được một nhà truyền giáo từ ái kiếm tìm con, dẫn dắt con gia nhập theo bầy. Cửa kho sấm hối luôn luôn rộng mở: Với con mắt thể nhân thì còn cần phải mất nhiều thác máu mới có thể xóa nhòa được lỗi lầm, nhưng đối với Thượng Đế thì chỉ cần một giọt nước mắt tuôn chảy là đã quá đủ. Hỡi con gái yêu quý của ta ơi! Con cứ yên tâm, vì hoàn cảnh của con cần đòi hỏi một tình tự bình ổn, chúng ta hãy tin cậy vào Thượng Đế, Ngài có đủ quyền lực để chữa khỏi tất cả mọi vết thương của những kẻ nô bộc phụng sự cho Ngài. Nếu như, đó là ý muốn của Ngài, thì ta hi vọng là con sẽ vượt khỏi căn bệnh này được, ta sẽ viết thư cho Đức Giám Mục địa phận Québec^[32] người có đủ quyền hạn cần thiết để giải tỏa lời nguyện cho con, vì đó chỉ là những lời nguyện nhẹ và con sẽ chấm dứt nốt cuộc đời của con, ở bên ta và Chactas, chồng của con.

«Qua lời lẽ đó, Atala đã bị rơi vào một cơn xúc động dài dặc, và, nàng chỉ thoát được sau khi đã phác họa ra một số dấu hiệu chứng tỏ rằng nàng đã bị đau thương tột độ.

«Sao! nàng nói trong lúc nàng xiết chặt hai bàn tay vào nhau với vẻ thống khổ có phương lược cứu chữa được sao? Tôi có thể cởi bỏ lời nguyện của tôi được sao?» - «Đúng vậy con gái của ta ơi! Vị linh mục đáp, không những thế, con còn có thể thụ nhận được thêm một số điều kiện khác nữa!»

- «Chậm quá mất rồi, chậm quá mất rồi! Nàng kêu lên. Hỡi ơi, tôi có thể bị chết đứng vào lúc mà tôi biết rằng, tôi sẽ đạt được hạnh phúc hay chẳng? Tại sao, tôi đã không biết được vị lão trượng cao nhâ này sớm hơn đôi chút! Ngày hôm nay đây, em sẽ thụ hưởng được loại hạnh phúc gì với anh, với tín hữu Chactas... khi mà em đã được vị linh mục cao cả khuyên lơn... an ủi... trong cảnh sa mạc hoang vu này... để mãi mãi, đời đời kiếp kiếp... Sự kiện ấy sẽ là một toàn phúc vĩ đại!» — «Hãy bình tĩnh lại, em yêu quý, ta vừa nắm giữ một bàn tay của con người bất hạnh đó vừa nói với nàng, hãy bình tĩnh lại, hạnh phúc ấy hiện chúng ta đã và đang được thụ hưởng rồi!»

- «Không bao giờ đâu, chẳng bao giờ đâu!» Atala nói - «Tại sao vậy em?», Ta hỏi.- «Anh chưa biết rõ tất cả đâu, người trinh nữ kêu lên, chính vào ngày hôm qua... Trong cơn bão tố.. Em đã vi phạm lời nguyện của em. Em đã nhúng linh hồn của mẹ em vào ngọn lửa trầm luân, tình trạng hăm hiu bất hạnh đã kéo tới bên em, em đã dối gạt Thượng Đế, Người đã cứu vớt sinh mạng của em... Giữa lúc, anh hôn lên đôi môi run rẩy của em, anh đâu có biết rằng, anh đang ôm dần em vào cõi chết!»- «Trời ơi! nhà truyền giáo kêu lên, con yêu mến, con đã trót lỡ hành động ra sao rồi?»

- «Cha ơi! con đã phạm tội, Atala nói qua đôi mắt lạc thần, con đã hủy diệt thân xác của con, nhưng con chỉ mất đi thân xác của con mà đã tiếp cứu được mẹ con!» — «Nói tiếp mau đi em!» Ta hoảng hốt hối thúc - «Vì biết rõ tình tự mềm yếu của em, cho nên ngay từ khi rời khỏi vùng lều trại em đã mang theo...- «Vật gì vậy?», ta hỏi nàng với vẻ hãi sợ - «Một liều độc dược», vị linh mục nói - «Hiện nó đã nằm ở bên trong dạ dày của con rồi! Atala kêu lớn lên.

«Ngọn đuốc tuột khỏi bàn tay của ông già cô độc, ta thì ngã xuống bên cạnh cô gái con của Lopez, chết giấc. Ông già đã phải ôm giữ cả ta lẫn nàng ở trong hai vòng tay. Và, giữa bóng tối âm thầm, cả ba người chúng ta đã cùng nức nở, thốn thức một khoảng khắc ở bên cạnh chiếc giường nhuộm đầy vẻ tang tóc, thê lương.

«Hãy thức tỉnh lại, chúng ta cần phải thức tỉnh mau lại, ông già ẩn tu can trường, lập tức vừa nói vừa thắp một ngọn đèn lên. Chúng ta đã làm phí phạm mất những giờ phút quý báu nhất của đời sống: - là những tín hữu Thiên Chúa giáo gan dạ chúng ta hãy can đảm đương đầu với nghịch cảnh: dù cho dây thừng quấn quanh cổ, dù có hải cốt đội ở trên đầu, chúng ta hãy rạp mình xuống dưới chân đấng tối cao để khẩn cầu lòng nhân từ của Ngài, hoặc sẵn sàng từng phục chỉ dụ của Ngài. Có thể rằng chúng ta còn đủ thời giờ. Hỡi con gái của ta ơi, vì sao con đã không thông báo ngay cho ta biết vào buổi chiều hôm qua?» - «Hỡi ôi! Thưa cha, Atala nói, hồi tối con đã đi kiếm tìm cha, nhưng trời cao dường như muốn trừng trị lỗi lầm của con, cho nên

cha đã xa lánh con. Giờ đây, thì mọi phương cách cứu chữa đã trở thành vô ích, bởi vì ngay cả những người bản xứ, thuộc loại chuyên trách, tinh tế nhất, về độc dược, cũng không biết nổi loại dược liệu nào có đủ khả năng trị liệu được thứ độc dược mà con đã dùng. Chactas ơi! Anh hãy xét nghĩ tới tình trạng ngõ ngàng của em, khi em nhận ra được rằng, sự trạng đó đã không quá nặng nề như là em hằng trông tưởng! Tình yêu ở trong em sẽ làm gia tăng thêm sức mạnh cho em và linh hồn em sẽ khó thể xa lánh anh mau chóng được đâu!»

«Tới lúc này, thì phản ứng của ta không còn là những cơn nức nở thốn thức từng làm xáo trộn diễn tiến tường thuật của Atala nữa, phản ứng của ta đã chuyển biến thành những cơn kích động mãnh liệt mà người ta thường bắt gặp ở nơi những con người thuộc các sắc dân man dã. Ta lờng lộn lẫn mình trên mặt đất, ta bắt xé cánh tay, và hủy hoại đôi bàn tay của ta. Nhờ vào tình thần thương yêu ảo diệu, phi thường sẵn có vị linh mục già đã di động từ chỗ ta nằm sang nơi nàng nằm để ban phát cho chúng ta vạn ngàn nguồn an ủi, trợ giúp. Trong tình trạng bình ổn của con tim cộng với những kinh nghiệm dạn dày bởi năm tháng, ông già đã thừa đủ khả năng làm cho tâm hồn trẻ trung của chúng ta, phải từng phục và thỏa thuận. Không những thế, tôn giáo của ông còn cung dưỡng cho ông những âm điệu dịu dàng triu mến hừng hực sôi bỏng, chẳng kém chi với tấm nhiệt tình của chúng ta. Trái bốn mươi năm trời qua, hằng ngày, vị linh mục già nua tuổi tác ấy đã từng hiến mình cho Chúa, đồng thời đã từng phụng sự cho những con người sống ở trên khắp giải núi này. Phải chăng, Người đã luôn luôn nhớ đến những lễ hiến sinh của dân tộc Do Thái trước Thiên Chúa, với những làn khói nghi ngút lan tỏa triền miên tại các vùng đỉnh cao núi cả?»

«Hỡi ơi! Thế là, việc kiếm tìm một vài phương dược để trị liệu những cơn đau của Atala đã trở thành vô ích. Sự lao nhọc, nỗi thảm sầu, và niềm thống khổ đầy sắc thái tử vong so với tất cả mọi thứ độc dược kết hợp lại đã hoà hợp với nhau để cưỡng ép, để ru hồn đóa hoa trinh nữ ấy vào vùng trời tịch mịch cô liêu. Chiều đến, đợt đợt biến chứng khủng khiếp đã dấy lên làm cho tứ chi của Atala hoàn toàn bị tê liệt, và tất cả những cơ phận của thân thể nàng đã khởi sự lạnh ngắt: - «Hãy nắm lấy những ngón tay của em đi, nàng nói với ta, phải chăng, những ngón tay của em đã lạnh ngắt mất rồi?». Ta không còn biết phải phúc đáp như thế nào, tóc ta dựng đứng lên vì hãi sợ, cuối cùng, nàng tiếp: «Anh yêu dấu hỡi, bữa trước đây chỉ cần một sự động chạm nhẹ nhàng của anh cũng đủ làm cho em run lấy bầy, nhưng giờ đây, em không còn cảm nhận thấy được bàn tay của anh nữa, giờ đây hầu như em không còn nghe rõ được tiếng nói của anh nữa, và giờ đây mọi sự vật ở trong vùng hang đá đã lần lượt mờ khuất khỏi tầm mắt trông nhìn của em rồi. Phải chăng, chim chóc vẫn còn đang tiếp tục hát ca? Phải chăng, giờ đây, vàng thái dương cũng sắp lặn về Tây? Chactas hỡi, nhất định là ánh sáng của vàng thái dương sẽ làm cho miền sa mạc hoang vu trở thành lộng lẫy, và sẽ làm cho phần mộ em thêm tươi, thêm đẹp?».

«Atala nhận thấy rằng những lời nói đó sẽ làm cho chúng ta phải đổ lệ, nàng nói tiếp: «- Hỡi những người bạn thân quý của tôi ơi, hãy tha lỗi cho tôi, tôi đã quá yếu đuối nhưng có thể là tôi sẽ trở nên mạnh mẽ hơn, dù rằng tôi đã chết quá trẻ, trong lúc mà trái tim tôi còn tràn trề nhựa sống! Hỡi vị chủ tế ơi! Người hãy thương xót tôi, nâng đỡ tôi, người có tin rằng mẹ tôi đã bằng lòng việc làm của tôi hay không? Và Thượng Đế có tha thứ hành động của tôi, hay không?».

- «Con gái của ta ơi, vị chân tu vừa nhỏ lệ, vừa đưa bàn tay tât nguyên lên chùi nước mắt, vừa đáp, con gái của ta ơi! Tất cả mọi bất hạnh đã kéo tới với chúng ta, do sự ngu xuẩn của chúng ta. Chính bởi nền giáo dục man rợ, và tình trạng thiếu thốn sự dẫn dắt cần yếu đã khiến cho con bị lầm lẫn. Con đã không biết rằng, một Cơ Đốc nhân không có quyền tự định đoạt lấy cuộc sống riêng tư được. Nhưng, hãy yên tâm, hỡi con chiên thân mến của ta ơi, Thượng Đế sẽ tha thứ cho con, bằng vào con tim đơn giản của con. Chính mẹ con và nhà truyền giáo thiếu thận trọng, người đã dui dắt mẹ con, mới thật đáng tội, thay vì con, bởi chung họ đã dùng quyền lực của họ để cưỡng đoạt một lời nguyện công khai của con, tuy vậy, mong rằng, sự an bình của Chúa sẽ đến với họ! Con đã dâng hiến cho cả ba người, một mẫu mực đặc dị về lòng nhiệt thành quá tả của con, và về một nguồn sáng sai lạc thuộc bản thể tôn giáo. Hãy an tâm, con thân mến của ta ơi, Thượng Đế đã có thể thấu triệt tới tận tâm can, tì phế của nhân loại, thì Ngài sẽ phải phán xét con, theo đúng ý hướng của chúng ta, những, ý hướng trong lành, chứ

Ngài sẽ không phán xét theo hành động của chúng ta, loại hành động đáng lên án!»

«Đối với cuộc sống, nếu như thời gian mà con phải yên nằm trong tay Chúa đã tới, thì con thân mến của ta ơi! Con chỉ bị mất mát đi một đôi chút, mất mát đi cái thế gian này, cái thế gian mà, mặc dù, con có sống trong tình trạng đơn côi con vẫn cảm nhận thấy biết bao nhiêu nỗi thảm sầu, phiền muộn. Con hãy thử nghĩ xem, nếu như con được dự kiến tất cả mọi niềm đau của xã hội con người, nếu như con đã đặt chân lên những vùng bờ bên tại Âu Châu thì tai của con sẽ còn phải nghe thấy biết bao nhiêu những tiếng kêu bi thương tha thiết, dài dằng dặc, đã và đang dâng tràn lên trên từ miền đất đai cổ kính ấy? Ở trên thế gian này, thì cư dân sống tại vùng lều tranh vách đất, cũng như giới vương hầu sống ở nơi đài các nguy nga - **TẤT CẢ ĐỀU ĐÃ PHẢI RÊN XIẾT THAN VAN** - Con người đã từng phen nhìn thấy các bà Hoàng đố lệ khóc than, giống hệt như những người phụ nữ mộc mạc dân già, và chúng ta sẽ vô cùng ngạc nhiên, nếu như biết được, lưu lượng nước mắt chan chứa ở trong những cặp mắt của các đứng quân vương!»

«Phải chăng, con đã tiếc hận về cuộc tình của con? Nhưng này, con gái của ta ơi, cuộc tình đó chẳng qua chỉ là một cơn mộng mị đầy lệ. Con có biết rõ được lòng da của bọn đàn ông chưa và con có thể đếm được những chuyển biến về ước vọng của họ hay không? Hay hơn hết là con hãy ước tính nó, theo số lượng những đợt sóng tại nơi biển cả trong những cơn giông tố. Atala ơi! Những hi sinh, những nghĩa cử, đâu có phải là những mối ràng buộc vĩnh cửu miên viễn: - Có thể là, một ngày nào đó tình trạng no nê phê phỡn sẽ kéo theo tình tự buồn phiền sâu não, lúc ấy thì dĩ vãng sẽ trở thành một hư không và con người chỉ còn nhận thấy mọi điều phiền toái của những đời sống hôn phối đầy khổ đau và kinh tởm. Con gái của ta ơi, chắc chắn rằng, tất cả những mối tình đẹp đẽ nhất của các cặp trai gái ở trên thế gian này, đều đã do nơi bàn tay của đấng tạo hóa chí công tạo dựng nên. Một thiên đường đã được tạo lập riêng cho họ và họ thì hoàn toàn vô tư không hay biết, cũng như, không thể tự hủy diệt được. Họ đã được tạo dựng một cách hoàn hảo về cả tình thần lẫn thể xác, cho nên họ đã xứng hợp với tất cả mọi hoàn cảnh: - ÈVE đã được sáng tạo ra để dành riêng cho ADAM và ADAM để dành riêng cho ÈVE. Nếu như, ngay cả họ cũng không gìn giữ được hạnh phúc, thì hỏi rằng, sau họ còn có một cặp vợ chồng hậu sinh nào có thể thực hiện nổi chứ? Ta không hề muốn nói với con về những hôn lễ những trẻ sơ sinh, những con người, và hằng hà trường hợp chung sống, mà chỉ nói với con về tình trạng kết hợp giữa hai kẻ huynh muội, đã yêu nhau, đã thân thiết với nhau, tự hòa mình trong cùng một con tim và tình tự tinh khiết của kẻ này đã làm gia tăng lạc thú của người kia. Tất cả những cuộc chung sống đó, cũng đã bị xáo trộn, vì ghen tuông đã len lỏi vào những khu vực đồng cỏ thờ tự, nơi mà người ta dâng dề làm lễ hiến sinh, ghen tuông đã len lỏi vào dưới mái lều của Abraham, ghen tuông đã nhào tới cả bên giường cử của các sản phụ, nơi mà những «Ông Phúc»^[33], đã thụ hưởng muôn vàn niềm vui thỏa, trong lúc họ đã lãng quên ngay chính người cổ mẫu của họ».

«Con gái của ta ơi, con phải tự hào về tình trạng mộc mạc, thơ ngây của mối dây liên hệ giữa hai con, mối dây liên hệ của một gia đình thánh thiện. Ta tránh không đề cập với con về những ưu tư của đời sống lứa đôi, những cãi cọ tranh chấp, những phiền hà trách oán lẫn nhau, những tình tự âu lo, tất cả những khổ đau thầm kín đó, đã luôn luôn hiện diện ở nơi đầu giường của cuộc sống chồng vợ. Mỗi lần sinh nở là một lần người đàn bà lại phải chấp nhận một lần đau đớn, chính vì vậy, họ đã từng khóc lóc vào dịp hôn lễ. Thật là, đau khổ biết bao, khi đứa trẻ sơ sinh đã mất đi ở trong vòng tay của con, đứa trẻ mà con đã dùng sữa của con, để dưỡng nuôi nó. Núi dài đã vang dội những tiếng than van, và chẳng ai có thể an ủi nổi thiếu phụ RACHEL, khi mà những đứa con trai của bà không còn nữa! Nỗi đắng cay chua chát đã ràng buộc chặt chẽ vào với tình tự âu yếm triu mến của nhân loại. Bởi vậy, ta đã từng thấy các vị mệnh phụ phu nhân ở nơi xứ sở ta, những người được vua yêu chúa vì, đã phải rời bỏ nếp sống vương giả tại triều đình, chôn vùi cuộc đời trong các tu viện, để hủy diệt cái thân xác động cởn, cái thân xác càng được vui thỏa bao nhiêu, thì lại càng gia tăng thêm nỗi thống khổ lên bấy nhiêu!

«Nhưng có thể con sẽ bảo rằng, những cảnh trạng mà ta vừa trình bày, không đáng để con phải chú ý tới, vì ước vọng về đời sống của con chỉ nằm ở trong phạm vi một ngôi lều tranh nghèo nàn tầm tối cùng với một người đàn ông mà con đã chọn lựa, như vậy, ít nhất, con cũng đã tìm thấy được những tình tự dịu dàng của một cuộc hôn phối. Và tình tự đam mê, cuồng

nhiệt độ, đã được giới trẻ gọi là: Tình Yêu?

«Nhưng, than ôi, tất cả chỉ là ảo giác, giả tạo, hư không, mộng tưởng của một suy tư đã bị thương tích! Con gái của ta ơi, ngay chính bản thân ta cũng vậy, ta đã từng phen cảm nhận thấy những cơn biến động của con tim, não cân ta không phải lúc nào cũng trống rỗng vô tư, cõi lòng ta không phải lúc nào cũng bình ổn, như các con đã thấy trong hiện hữu. Con hãy tin rằng, theo kinh nghiệm của ta, thì: - Nếu như con người luôn luôn gìn giữ được tình trạng thương yêu bất biến, thì con người sẽ có thể cung dưỡng không ngừng một nguồn tình cảm liên tục đổi mới. Và không thể nghĩ ngờ gì nữa, Thượng Đế chính là trạng thái trầm lặng đơn côi, hòa hợp với tình tự thương yêu triu mến, bởi vì đó chính là hai nguồn khoái hoạt vĩnh cửu của đẳng tối cao. Nhưng cân não của con người thường sớm mệt mỏi và không bao giờ ưa thích một tình trạng sung mãn quá lâu dài.

"Thực tế, luôn luôn có vài điểm mà hai con tim, dù là đã cùng đập chung một nhịp thương yêu, cũng không thể chạm tới được, và chỉ với những điểm này, đã thừa đủ để cho đời sống lứa đôi phải rơi vào tình trạng không thể chịu đựng nổi!

" Con gái thân quý của ta ơi, cuối cùng, trong cơn mộng mị về hạnh phúc, sự lầm lẫn lớn lao nhất của con người, là họ đã quên mất «cái chết» không thể tránh nổi, đã đeo chặt vào đời sống của tạo vật, vì: - Tất cả đều phải chấm dứt. Sớm hay muộn, những gì mà con đã cho là cảnh toàn phúc, đều sẽ bị hủy diệt, bộ mặt đẹp đẽ kia, sẽ biến thành những bộ mặt đồng nhất giống y hệt nhau, giống như bộ mặt của gia đình ông Adam ở nơi mộ địa, nơi mà ngay cả cặp mắt chan chứa tình thương của Chactas, cũng không thể nhận nổi, đâu là Cô em gái thân yêu của anh ta nữa! Tình yêu không thể lan trải tới lãnh vực của chiếc quan tài được, Ta đã nói gì? (Ôi, hư ảo, tất cả đều là hư ảo!) ta đã nói gì về mãnh lực của dây thân ái ở trên thế gian này? Con gái thân quý của ta ơi, con có muốn thấu triệt về cái quang trường đó không? Nếu như, một vài năm, sau khi vĩnh biệt cuộc đời, mà một người nào đó có thể từ miền vực sáng quay về, thì ta tin rằng người ấy sẽ nhìn mọi sự kiện ở trên trần thế này, bằng một cặp mắt vui thỏa, dù rằng, những sự kiện ấy đã khiến cho ký ức của anh ta phải đổ lệ, vì chừng người xưa đã mau chóng hòa mình vào với những mối liên hệ mới mẻ, người xưa đã chấp nhận những thói quen khác lạ một cách thật dễ dàng; tình tự thay lòng đổi dạ vốn dĩ là một đức tính bẩm sinh của con người, cuộc đời của chúng ta chỉ chiếm ngự được một phần thật là nhỏ bé, trong trái tim của những người thân hữu!"

" Con gái thân quý của ta ơi, con hãy tạ ơn lòng nhân từ của Thượng Đế, vì Ngài đã sớm đem con ra khỏi vùng lũng sâu nghèo khổ này. Giờ đây, bộ trang phục trắng tinh và vòng vương niệm chói lọi của những trinh nữ, đã được chuẩn bị sẵn sàng, để dành cho con, ở trên chín lớp mây cao. Giờ đây, ta đã nghe thấy tiếng gọi của Đức Mẹ

« Trong lúc ấy vị ẩn tu đã gia tăng tình tự sốt sắng thêm lên. Nhờ vào sức nhiệt thành của lòng từ ái, thân xác xương sần côi của ông đã phục hồi lại sinh lực và luôn luôn chứa chất những phương dược tràn ngập sức lửa, tạo cho khu vực giường tử vong trở thành tươi mát, êm dịu. Ông dâng lời khấn nguyện lên đấng Thượng Đế và niềm hạnh phúc công chính. Cầm ngọn đuốc tôn giáo ở trong tay, ông đã tiếp dẫn Atala vào vùng mộ địa, chỉ điểm cho nàng những điều ảo bí kỳ tuyệt. Không khí tử vong từ nơi người nữ tín đồ Thiên Chúa giáo, đã bao trùm khắp vùng hang động mộc mạc dung dị và có thể bảo rằng, chư vị thần linh đã và đang chiếu cố đến cảnh trạng này, một cảnh trạng trong đó, tôn giáo đã một mình tả xông hữu đột, chống trả với tình yêu, tuổi trẻ và cái chết.

«Tôn giáo thần thánh ấy đã thắng, chiến thắng ấy đã được thể hiện, qua tình tự sầu muộn đang tiếp nối ẩn hiện ở nơi con tim của chúng ta, cùng với những chuyển đổi đầu tiên của trạng thái đam mê dục vọng chất chứa ở trong lòng chúng ta. Vào khoảng nửa đêm, Atala, dường như, đã tự hồi phục lại, nàng lẩm bẩm lặp lại những lời kinh cầu của nhà truyền giáo, đang tuyên đọc ở bên cạnh giường nàng nằm. Một lát sau nàng chìa tay về phía ta, nói với ta bằng giọng thật yếu ớt, khó nghe: « - Con trai của Outalissi ơi, anh còn nhớ tới cái đêm đầu tiên, lúc mà anh ngỡ rằng em là người trinh nữ của mối tình cuối đời, hay không? Câu nói ấy, dường như, chính là lời điểm triệu về số mạng của đôi ta! » Nàng ngừng lại, rồi tiếp: «- Mỗi khi em nghĩ tới lúc em phải xa rời anh vĩnh viễn, thì con tim của em lại phải hiện ra một sức mạnh

hồi sinh, vì vậy em cảm thấy rằng, dường như, tình yêu mãnh liệt là một uy lực đã tạo cho em trở thành bất diệt! «Atala tự ngưng nghỉ một giây lát, rồi lại nói:«Em đã làm cho anh bị ray rút khổ sở quá mức, vì tính tự cao tự đại và tình trạng thay đổi bất thường của em. Chactas ơi, chỉ cần mấy cục đất nhỏ bé ném phủ lên thân xác em là anh đã có thể tạo dựng được một thế giới cách biệt giữa hai ta và cũng nhờ vậy anh sẽ giải toả được tất cả sức nặng, do tình trạng bất hạnh của em đã đem tới cho anh. »

- « Em đã xin lỗi, ta đáp trong lúc đôi mắt nhòa lệ đổ, chính anh mới là người gây nên tất cả nỗi bất hạnh của em? »

- « Hỡi người bạn lòng của em ơi! nàng ngắt lời ta, anh đã đem lại cho em rất nhiều niềm vui thoả và nếu như được tái sinh thì em vẫn ưa thích được sống trong tình tự thương yêu của anh, dù chỉ là một khoảng khắc lưu đầy ngăn ngủi, còn hơn phải sống với tình trạng ngưng đọng nhàm chán ở nơi xứ sở của em.»

«Tới đây, tiếng nói của Atala tắt lịm đi, bóng dáng tử thần đã lảng vảng trên ánh mắt và khoe miệng của nàng, những ngón tay của nàng quều quào như muốn mò mẫm kiếm tìm một vật gì đó, giọng nói của nàng hạ thấp hẳn xuống với một thanh âm mơ hồ, xa vắng. Lát sau, nàng gắng gượng đưa tay lên, định tháo gỡ chiếc thập tự giá có khắc hình Chúa nhỏ bé, xinh xắn, đang đeo ở trên cổ ra nhưng chỉ uống công vô ích, cuối cùng, nàng đành nhờ ta tháo giúp và nói với ta rằng: - « Khi em tìm đến nói chuyện với anh lần đầu tiên thì anh đã nhìn thấy chiếc thập tự giá ở nơi ngực em, lóng lánh trước ánh lửa. Đó chính là tài sản duy nhất của em. Lopez cha nuôi của anh và là cha ruột của em đã gửi chiếc thập tự tới tay mẹ em vài hôm sau ngày em sinh ra đời. Anh ơi, hãy nhận dùm cái gia sản độc nhất của em và gìn giữ lấy để tưởng nhớ tới nỗi khổ hạnh của em. Anh sẽ có thể cầu xin đấng Thượng Đế của những kẻ khổ đau, mỗi khi, anh sa vào một hoàn cảnh thảm thương. Hỡi người bạn lòng của em ơi, thời gian chung sống của đôi ta ở trên trần thế này, thật quá ngắn ngủi, nhưng, tiếp sau đời sống ấy còn có một đời sống dài lâu miên viễn. Ôi thật là đáng sợ biết bao, nếu như, em sẽ phải cách biệt cùng anh mãi mãi. Giờ đây, em đi trước anh, và sẽ đợi anh ở trên phía trời cao. Trường hợp, anh thật lòng yêu thương em, thì anh hãy vui lòng gia nhập vào tôn giáo kính thờ Thiên Chúa, hầu chuẩn bị cho cái ngày hội họp của đôi ta. Thiên Chúa giáo sẽ tạo ra một vòng hào quang vĩ đại ở trên đôi mắt của anh, nhờ vào ý niệm đó, em sẽ có thể xa rời anh, mà không bị chìm đắm vào trong trạng thái hải hùng vì thất vọng. Tuy thế, Chactas ơi, em chỉ cầu xin ở nơi anh một lời hứa đơn thuần, bởi chung, em đã thấu hiểu về cái giá mắc mớ, nếu như, em đòi hỏi ở anh một lời thề ước. Có thể là, ý nguyện ấy sẽ làm cho anh phải xa lánh những người phụ nữ có nhiều hạnh phúc hơn em... Hỡi mẹ của con ơi, hãy tha thứ cho con gái của mẹ. Hỡi Đức Bà Đồng Trinh ơi, xin Ngài hãy dẫn bớt cơn thịnh nộ lại. Con đã rơi vào tình tự nhu nhược yếu đuối của con rồi đây ! Con đã dối gạt Ngài rồi đây! Hỡi Thượng Đế của con ơi, những ý niệm ấy đâu có phải để dành cho Ngài! »

«Nào nề điều đứng bởi nỗi thương đau, ta đã hứa với Atala rằng, một ngày gần đây, ta sẽ chọn lựa tôn giáo thờ Đức Chúa Trời. Trước cảnh trạng này, ông già ẩn tu đơn độc vùng đứng thẳng dậy, dơ cao cánh tay lên phía vòm nóc hang đá, kêu lớn lên: « Đã tới lúc rồi đây, đã tới giờ phút cầu nguyện Thượng Đế rồi đây!».

«Ngay khi ông già cất tiếng nói, ta cảm thấy một sức mạnh thần bí kéo ta gục đầu, quì gối xuống phía dưới chân giường, nơi Atala đang nằm. Vị linh mục tiến về phía một khu vực kín đáo, được che phủ bởi một tấm lụa mỏng, nơi cất dấu chiếc bình thánh bằng vàng y. Ông kính cẩn quì gối xuống. Bất thần, vùng hang động dường như được thắp sáng rực rỡ lên, không gian dường như tràn ngập những tiếng nói của chư vị thần linh, hòa theo với tiếng nhạc thụ cầm từ trên trời cao rền rĩ vọng xuống. Và ta tin rằng, vào lúc ông già ẩn tu đơn độc đem chiếc bình thánh từ nơi khám thờ ra, ta đã nhìn thấy Đức Thượng Đế từ phía sườn núi hiển hiện lên ».

« Vị linh mục mở chiếc bình thánh dùng hai ngón tay lấy một mẩu bánh thánh, trắng tinh như tuyết, vừa sáp lại gần chỗ Atala, vừa đọc những tiếng nói thần bí. Trong lúc ấy, người thiếu nữ trong trắng ngược nhìn về phía trời cao, với vẻ xuất thần. Tất cả nỗi đớn đau của nàng, dường như, đã ngưng đọng lại. Tất cả sức sống của nàng, dường như, đã được tập trung vào khoe miệng, đôi môi nàng hé mở, dường như, đang kính cẩn kiếm tìm dạng nét của Thượng Đế

ấn mình dưới mẫu bánh thánh. Sau đó, ông già thánh thiện dúng một miếng bông nhỏ vào trong nước dầu thánh, lau hai thái dương của Atala, nhìn cô gái thiếp lịm dần vào cõi chết, bất thần, từ nơi miệng ông xuất phát ra một giọng nói hùng hồn mạnh mẽ: « Hãy đi đi, hồi linh hồn của người nữ tín đồ Thiên Chúa giáo: Hãy lên đường về hội họp với đồng bào hóa chí công của con đi ! ». Ta ngẩng lên, nhìn về hướng chiếc bình đựng dầu thánh, cất tiếng hỏi: « Thừa cha, có phải đó là thứ phương dược sẽ đem đời sống lại cho Atala không, thừa cha? » - « Đúng vậy, con trai của ta ơi, phương dược này sẽ đem lại cho nàng một đời sống vĩnh cửu, ông già vừa nói vừa ngả mình vào trong vòng tay của ta ». Và, Atala đã tắt thở.»

« Tới đây, kể từ lúc bắt đầu thuật lại câu chuyện về đời mình, ông già Chactas đã phải ngừng lại một lần thứ hai. Nước mắt ông chảy giàn giụa, lời nói của ông chỉ còn là những tiếng nức nở, gián đoạn. Thế rồi vị kỳ lão mù loà, già nua tuổi tác mở phanh áo, lộ chiếc thập tự giá có khắc hình Chúa chịu tội, do Atala trao tặng ra.

« Đây là bằng chứng của nghịch cảnh! Hỏi René, con trai của ta ơi! Con có thể nhìn thấy vật này, riêng phần ta, ta không thể nhìn thấy nữa! Vậy, con hãy cho ta rõ, sau bấy nhiêu năm tháng, giờ đây, màu vàng có bị nhạt phai chút nào không? Con có thể nhận thấy dầu nước mắt của ta ở nơi đó nữa không? Con có thể tìm biết được nơi chốn mà người thiếu nữ trong trắng năm xưa, đã đặt môi của nàng lên không? Tại sao Chactas còn chưa trở thành một tín đồ Thiên Chúa giáo nhỉ? Ôi, hão huyền thay là những lý lẽ về chính trị, về tổ quốc do sự sai lầm của cha ông, đã được gìn giữ mãi cho tới nay? Không, ta không thể chần chờ lâu thêm nữa. Đất đã lên tiếng hỏi ta: - Giờ phút nào anh sẽ chui vào nơi mộ địa. Vậy thì, còn đợi gì mà không chọn lựa đạo giáo thần thánh ấy?... Hỏi mẹ đất ơi, người sẽ không phải chờ đợi con quá lâu: - Chẳng còn bao thời gian nữa, sẽ có một vị linh mục tới đây, để làm cho cái đầu bạc trắng vì thương đau này, trẻ lại trước lượn sóng thời gian, con tin rằng con sẽ được hội tụ với Atala.

Nhưng này, chúng ta hãy tiếp tục nốt câu truyện về cuộc đời của ta đã chứ. »

Tang Sự

René ơi, giờ đây, ta không thể phác hoạ lại nổi tình tự thất vọng, đã vây hãm lấy tâm hồn ta, vào lúc mà Atala thở hắt ra, hơi thở cuối cùng của cuộc đời. Phải nói rằng, lúc đó, ta đã mất hết sinh khí, phải nói rằng đôi mắt ta đã khép kín lại, và chỉ mở ra ở trước vầng dương để nhờ vầng dương tính đếm hộ lưu lượng nước mắt của ta đã tuôn đổ ra dưới ánh sáng mặt trời. Đúng vậy, vầng trăng đang soi chiếu trên đầu chúng ta, đã phải ảm đạm lu mờ khi soi rọi trên những vùng hoang vu cô tịch tại miền Kentucky. Đúng vậy, giòng sông dài đang nâng dắt, đẩy đưa những con thuyền của chúng ta đã phải khô cạn hết mọi con nước trước lúc nước mắt ta ngưng chảy vì Atala. Suốt trong hai ngày liền, ta đã thờ ơ lãnh đạm đối với những lời khuyên lớn, an ủi của nhà ẩn tu. Vì thế, để thử xoa dịu nỗi thương đau của ta, con người vĩ đại ấy đã không thềm sử dụng tới những lý lẽ ở thế gian này nữa, ông đã nói với ta: «Con trai của ta ơi, đó là «Ý trời ». Nói xong ông ôm ta vào vòng tay của ông. Nếu như, ta chưa từng kinh qua cái giây phút đó thì ta sẽ chẳng bao giờ tin nổi là, chỉ bằng vào vài tiếng nói của một tín đồ Thiên Chúa Giáo kiên trì nhẫn nại, lại có thể đem đến xiết bao nhiêu niềm an ủi.

« Cuối cùng, tình tự triu mến, thành tâm, và kiên trì bất biến ở nơi con người nô bộc già nua tuổi tác của Chúa, đã thắng được tình tự lì lợm, do nỗi thương đau ở trong con người của ta. Ta đã biết hổ thẹn vì những dòng nước mắt của ta, đã lan trải niềm đau sang phía ông già, ta nói: «Thưa cha, thật là quá lạm, con biết rằng lòng tham dục của tuổi trẻ đã khuấy động những ngày bình ổn của cha. Vậy xin cha, hãy cho phép con được mang xác thân của vợ con đi. Con sẽ chôn vùi thân xác nàng vào một xó sỏi nào đó, tại vùng sa mạc hoang vu và nếu như, phần mệnh của con còn bắt buộc phải dẫn thân vào cuộc sống, thì con xin nguyện sẽ gắng sức để trở nên xứng đáng với cuộc hôn lễ vĩnh cửu, mà con đã hứa với Atala.»

« Trước sự hồi phục về với trạng thái cạn trường, thật bất thần của ta, vị linh mục hiền từ đã run lên vì vui thỏa, ông la lớn lên rằng: «Ôi máu đào của đấng Christ, máu đào của đấng cao cả, thầy của ta, giờ đây, con đã nhận thấy rõ ràng một công đức của Ngài! Không còn nghi ngờ gì nữa, chính Ngài đã cứu rỗi người thanh niên này. Ngài vừa hoàn tất xong một công trình của Ngài. Cầu xin Ngài hãy ban phát cho linh hồn đó tình tự bình ổn, và để mặc cho những nỗi bất hạnh ở nơi hân ta, tự trở thành những vết sẹo kỷ niệm khiêm nhường và hữu ích.»

« Ông già công chính ấy, đã không chịu trao di hài con gái LOPEZ cho ta. Ông bảo ta đi mời các tân tín đồ của ông lại, để chôn cất nàng theo nghi thức long trọng của Thiên Chúa giáo. Nhưng, lại đến lượt ta chối bỏ ý định của ông, ta nói: « Không có một người nào biết tới những tai hoạ và những đức hạnh của Atala, bởi thế, để có thể chia xốt tình trạng bí ẩn của nàng thì chính chúng ta phải bắt tay vào công việc đào sới nằm mộ nàng, một cách âm thầm lặng lẽ. » Chúng ta đồng thoả thuận với nhau, là sẽ chôn cất nàng ở phía dưới vòm cầu thiên tạo, trên lối ra vô vùng ruộng đồng của người chết, vào buổi sáng hôm sau, lúc mặt trời mới mọc. Chúng ta đã quyết định sẽ thức sáng đêm ở bên cạnh di hài của người trinh nữ ấy, để cầu nguyện cho nàng.

« Chiều hôm đó, chúng ta đã mang di hài quý giá của nàng tới khu vực cửa hang mở về hướng Bắc. Ông già ẩn tu liệm xác nàng bằng một mảnh vải mang từ Âu Châu tới, mảnh vải do chính tay vị từ mẫu của ông dệt : Đó cũng là tài sản duy nhất của đất nước ông, còn sót lại, ở bên cạnh ông, và kể từ lâu ông đã dự tính sẽ đem nó theo ông xuống nơi huyệt mộ của chính ông. Thân xác Atala được đặt nằm dài trên mặt thảm cỏ hổ ngời xanh ngắt. Chân nàng, đầu nàng, vai nàng, và một phần lồng ngực của nàng bị phơi trần ra, không được che đậy. Trên mái tóc của nàng vẫn còn cài một bông hoa ngọc lan héo khô... Bông hoa do chính tay ta hái đem về rắc lên khu giường nệm của nàng trinh nữ để cầu ước cho nàng sớm mang thai. Đôi môi nàng nom giống như một nụ hồng đã được hái lượm về từ buổi sáng tinh mơ của hai ngày hôm trước, và giờ đây đã chuyển sang màu tái lợt, đồng thời, cũng đang hé miệng mỉm cười. Trên đôi má trắng trẻo của nàng nổi lên vài đường gân xanh đậm. Đôi mắt nàng đã khép kín lại. Đôi chân trần trụi đặt sát gần nhau và đôi bàn tay màu bạch ngọc đã ép giữ một cây thánh giá bằng gỗ

mun để lên phía trên trái tim của nàng. Mảnh xương bả vai, di vật của lời nguyện ước năm xưa, đeo ở nơi cổ. Dường như, nàng đã bị quyến rũ, cùng một lúc, bởi vì thần linh sâu muôn và bởi một giấc ngủ say sưa dung dị hòa hợp với một cơn thủy miên của vùng mộ địa. Thật không còn gì cao cả hơn nữa. Và bất kỳ ai, nếu như chưa hề biết rằng người thiếu nữ đó đã từng phen vui sống dưới ánh sáng mặt trời, thì đều có thể ngỡ rằng, thân xác ấy chỉ là một bức tượng trình nữ đang say ngủ.

« Ông già truyền giáo đã cầu nguyện suốt đêm, không ngưng nghỉ một phút nào cả. Ta ngồi yên lặng, ở phía đầu giường tang của Atala. Đã nhiều phen, trong lúc nàng say ngủ, ta từng đặt chiếc đầu khả ái của nàng lên trên đầu gối của ta. Đã nhiều phen, ta từng cúi sát xuống mặt nàng để lắng nghe, để uống từng hơi thở của nàng. Nhưng giờ đây, thì không còn một thanh âm nào phát xuất từ lồng ngực bất động của nàng ra nữa. Giờ đây, ta đã hoàn toàn vô vọng, không còn trông đợi nốt cái giờ phút mà người đẹp hồi sinh lại được.

« Sẩm tối hôm ấy, vầng trăng đã buông toả những phiến sáng nhợt nhạt xuống trần gian. Tới nửa đêm, trăng khuya chẳng khác chi một nàng trinh nữ đang thả bước xuống khu vực tang lễ, để khóc thương cho số phận hẩm hiu của một người bạn đồng trang lứa. Ngay sau đó, nàng trăng đã lan truyền tình tự bí ẩn sâu thương tới khắp miền rừng núi, giống như là nàng đã từng ưa thích kể lể, chuyện trò hằng đêm với những cây sồi già và những miền bờ biển xa xưa. Thỉnh thoảng, ông già truyền giáo lại nhúng một cánh hoa vào trong nước thiêng, rồi vẩy động chiếc cành đầm nước đó, để xông hương cho màn đêm. Đôi khi, ông già cất tiếng ngâm đi ngâm lại mấy vần cổ thi của nhà thơ JOB:

Tôi vào đời như hoa rực rỡ,
Rồi, héo khô như cỏ đồng hoang,
Hỡi ơi, vực sáng huy hoàng,
Sao không cung dưỡng cho hàng cùng đĩnh, t,
Sẻ chia «cuộc sống an bình »,
Cho người ấm áp tâm tình cay chua?

« Cứ như vậy, ông già ngân nga bài cổ thi. Giọng ông trầm mặc, nhịp nhàng, cuộn cuộn lan trải vào không gian tịch mịch của các khu vực sa mạc hoang vắng. Danh nghĩa của Đức Thương Đế và của vùng U Tịch đã được phát xuất ra từ đợt đợt tiếng dội, từ ngàn trùng suối thác, từ lớp lớp rừng già. Tiếng gù gù của bầy chim bồ câu Virginia, tiếng rào rào của thác nước, ở trên khu vực đỉnh cao. Tiếng binh boong của chiếc chuông đồng đang réo gọi khách lữ hành, hòa trộn với tiếng ngâm nga thê thiết, khiến cho người ta ngỡ rằng, họ đã vắng vắng nghe thấy tiếng hòa âm của những người khuất bóng, tại khu vực ruộng đồng của người chết, đang đáp lại với âm điệu của nhà ẩn tu đơn độc

« Giữa lúc ấy, một vầng sáng vàng hoe hình thành tại góc trời Đông. Bầy điều hâu khởi sự kêu réo ở trên các tảng đá cao. Lũ chồn cáo lũ lượt chui về hang hốc ở những cây xích dương, để ẩn trú: đó chính là hiệu báo về giờ chuyển cữ của Atala. Ta vác di hài của nàng lên vai, ông già ẩn tu đi ở phía trước, trong tay cầm một chiếc mai. Chúng ta lần bước từ tảng đá này sang tảng đá khác để xuống núi. Tuổi già và cái chết đã làm chậm rãi bước chân của chúng ta. Ta đã đổ lệ chứa chan, khi nhìn theo con chó đã từng phen cứu mạng chúng ta ở trong rừng sâu, và giờ đây, nó đang vui vẻ chồm nhảy từng bước, để mở một con đường khác cho chúng ta. Thỉnh thoảng, mái tóc dài của Atala đã bị làn gió sớm nô giỡn, đẩy đưa thành một màn lưới mỏng manh, vàng hoe, phấp phới uốn lượn ở trước mặt ta. Đôi lúc, thân thể ta đã oằn cong bởi sức nặng, vì vậy, ta đành phải đặt di hài của nàng lên trên mặt rêu đá và ngồi xuống cạnh xác nàng để lấy lại sức khỏe. Cuối cùng, chúng ta đã tới địa khu ở phía dưới nhịp cầu thiên nhiên, nơi khắc ghi mãi mãi vết tích thương đau của ta. Ôi, con trai của ta ơi, thảm thương thay cho cảnh trạng, một thanh niên trai trẻ man dã và một ông già ẩn tu già nua tuổi tác, đã phải quì sụp xuống, mặt đối mặt trong một khe trũng khô cạn giữa vùng cô tịch hoang vu và đang dùng sức tay để đào bới mộ huyết cho một cô gái có xác thân nằm ruỗi dài ở kế cận.

« Khi công việc hoàn tất, chúng ta đặt di hài của người đẹp vào trong lòng đất. Than ôi, ta đã từng phen ước mong được chuẩn bị cho nàng một chiếc giường nằm tại nơi chôn khác, chứ

đầu phải tại đây!

Ta vốc vào lòng tay ta một nắm cát sạn, rồi lặng lẽ nín thinh ngắm nhìn gương mặt nàng lần cuối. Sau đó, phủ rắc từng lớp đất của vùng thụy miên lên trên vầng trán vừa tròn mười tám xuân xanh và ngắm nhìn dạng nét của người tình nhân yêu quý dần dần bị khuất lấp khỏi tầm mắt, ngắm nhìn vẻ duyên dáng của nàng dần dần bị phủ kín bởi lớp màn che vĩnh cửu ; ngắm nhìn lồng ngực của nàng còn nhô cao trên đám đất đen thui nom chẳng khác chi một bông hoa huệ trắng tinh đang vươn mình khỏi lớp đất tối ám, thế là ta thét lớn lên: «Lopez hỡi, cha hãy tới đây mà xem, con trai của cha đang vui chôn thân xác con gái của cha đây! ». Và hoàn tất nốt phần vụ vui lấp di hài của Atala bằng những tảng đất của vùng thụy miên.

« Chúng ta quay trở về vùng hang động và ta đã trình bày với nhà truyền giáo rằng, ta đã quyết định xin ông cho phép ta được sinh sống kế cận bên ông. Nhưng con người thánh thiện ấy, đã thấu rõ tim óc của nhân loại, ông khám phá ngay được suy tư và mưu chước phát xuất từ nỗi đau thương của ta. Ông liền bảo ta: « Chactas, con trai của Outalissi ơi, vào thời gian Atala còn tại thế, ta đã mong ước cho con được sinh sống ở kế cận bên ta. Nhưng, giờ đây, hoàn cảnh của con đã đổi khác: - Con phải quay về với tổ quốc của con. Con trai của ta ơi, con phải tin rằng, tất cả mọi nỗi thương đau đều không thể tồn tại mãi mãi được, sớm muộn gì rồi nó cũng phải chấm dứt, bởi vì trái tim của con người chỉ là một vật thể hữu hạn. Đó chính là nỗi thống khổ lớn nhất của chúng ta, vì:- Dù là thương đau, chúng ta cũng không thể thương đau mãi mãi. Vậy thì con hãy mau quay trở về miền trường giang Meschacebé: Hãy quay về để an ủi từ mẫu của con, người đã từng đổ lệ khóc con từng ngày từng buổi, người đang cần đến sự trợ giúp của con. Nếu như có dịp, thì con hãy cố gắng tìm hiểu thêm về tôn giáo của Atala và con nên nhớ rằng, con đã từng hứa với nàng là, con sẽ luôn luôn là một tín đồ Thiên Chúa giáo xứng đáng và đức hạnh. Riêng về phần ta, ở nơi đây, ta sẽ chăm sóc phần mộ của nàng. Hãy lên đường thôi, con trai của ta ơi, Thượng Đế, linh hồn của em gái con và tâm tư của người bạn già này sẽ luôn luôn dõi theo con.»

« Đó là những lời của con người sinh sống tại vùng đá tảng. Trước quyền uy quá lớn lao của ông, trước tình thân minh triết quá thâm trầm của ông, ta đã không thể không vâng lời ông được. Sáng hôm sau, ta giã biệt vị chủ nhân đáng kính ấy, ông đã ôm ta sát vào lồng ngực, cung dưỡng cho ta những lời khuyên cáo, những lời chúc phúc và những giọt lệ cuối cùng của ông. Lúc ta đi tới phần mộ của Atala, ta đã vô cùng ngạc nhiên khi nhìn thấy, một cây thập tự giá nhỏ bé đã được dựng lên ở trên đó, chẳng khác gì lúc người ta bắt chợt trông thấy chiếc cột buồm của con tàu, đã bị chìm đắm ở dưới đáy biển sâu ! Ta đoán rằng trong đêm vừa qua, nhà ẩn tu đã tới đây để cầu nguyện, dấu hiệu của đạo giáo và của tình thân hữu ấy, đã làm cho ta đổ lệ rờn rờn. Ta toan tính khai quật mộ phần của nàng lên để được nhìn mặt người mà ta yêu dấu một lần nữa nhưng dường như đã có một sức mạnh tôn giáo thầm kín ngăn giữ hành động của ta lại. Ta ngồi sụp xuống bên cạnh nắm đất đang khởi sự chuyển động^[34]. Một khuỷu tay của ta chống lên gối, đầu của ta đặt ở trong lòng bàn tay, tâm hồn ta chìm đắm vào một cơn mộng mị đắng cay chua chát. René hỡi, chính tại nơi đó, lần đầu tiên, ta đã âm thầm suy nghiệm về tình trạng hư ảo của ngày tháng sinh tồn và tình trạng hão huyền của mọi dự liệu ở đời. Nay, con của ta ơi, trên đời này có ai lại chưa từng kinh qua những giờ phút suy nghiệm đó. Ta đã giống như một con hươu trắng bạc vì những mùa đông lạnh giá. Ngày tháng của ta đã đủ sức tranh thắng cùng với ngày tháng của loài quạ: Thế nhưng, dù là xiết bao ngày tháng đã chồng chất lên trên mái đầu của ta, dù là ta đã có biết bao nhiêu kinh nghiệm về cuộc đời chẳng nữa, ta vẫn chưa hề gặp được một con người nào chưa từng bị những cơn mộng mị toàn phúc đối gạt, chưa hề thấy một con tim nào lại chỉ duy trì có mỗi một vết thương thầm kín. Một con tim với vẻ dạng bên ngoài thật là bình ổn thanh tịnh, ấy thế nhưng, nó đã giống y hệt như loài giếng nước thiên nhiên, ở vùng đồng cỏ Alachua: Loại giếng có vẻ mặt êm ả và trong lành, nhưng khi chúng ta nhìn kỹ xuống đáy sâu, chúng ta sẽ trông thấy ngay một con sấu khổng lồ, đã được giếng dưỡng nuôi ở trong lòng nước.

« Ta cứ im lìm bất động như vậy, từ khi vầng dương mới lộ dạng, cho tới khi ánh sáng mặt trời đã tắt ngấm ở trên địa khu thể lương tang tóc đó. Sáng hôm sau ta chuẩn bị rời khỏi vùng phần mộ thiêng liêng vào lúc có những tiếng kêu réo đầu tiên của bầy chim bồ nông, với định kiến là sẽ tiến bước trên con đường đạo hạnh, mà ta đã hằng ao ước dẫn thân. Ba lần ta khẩn

mời linh hồn của Atala, là ba lần ta nghe thấy tiếng nói của thần linh ở dưới nhịp cầu tang tóc trong vùng hoang tịch cô liêu nhại đáp lại lời ta. Sau đó, ta đã quay về hướng Đông để làm lễ bái biệt và đã phát giác được sinh hoạt của nhà ẩn tu, ở xa xa, trên những con đường mòn của rừng núi trong lúc ông đang đưa dẫn một vài kẻ khốn cùng về phía lều trại. Ta vừa xụp quỳ xuống, vừa giang rộng vòng tay ra, ôm chầm lấy nắm mộ. Vừa kêu lớn lên rằng: « Hỡi người thiếu nữ khổ hạnh, em hãy yên ngủ trong lòng đất xa lạ này ! Cái tri giá về cuộc tình của em, về quyết định xa xứ của em, về cái chết của em, đã được đền đáp bằng sự buông bỏ của ngay cả tên Chactas nữa đó! ». Thế rồi, ta tuôn đổ hàng hàng lệ thảm. Và chia biệt với cô gái con của Lopez. Ta rời bỏ nơi chốn ấy, để lại phía sau một công trình tôn nghiêm - mộ phần của cô gái đạo hạnh khiêm nhường - nép mình ở phía dưới một công trình của tạo hóa.

Réné

CHACTAS, con của Outalissi, thuộc bộ tộc Natché, đã thuật lại câu chuyện trên cho René, một người Âu Châu nghe câu chuyện đó lại được truyền miệng từ đời cha sang đời con, và tôi, một khách viễn du tới miền đất xa xôi hẻo lánh, tôi đã lập lại một cách trung thực những điều mà dân bản xứ đã kể lể với tôi. Tôi nhận thấy câu chuyện này giống như một bức tranh linh động, diễn tả về đời sống của các bộ tộc du mục săn bắn và của các bộ tộc định cư cày cấy trong đó, tôn giáo đã là một hình thức lập pháp tiên khởi của loài người. Những hiểm họa của sự ngu tối và lòng nhiệt thành về đạo giáo, đã đối kháng với ánh sáng, với lòng từ ái đại lượng, và với tinh thần chính xác của Kinh Phúc Âm. Những tranh chấp giữa dục vọng với đức hạnh đã phát hiện ra ở trong tâm hồn của những con người bình dị mộc mạc. Và cuối cùng là sự chiến thắng của Thiên Chúa Giáo đối với những tình cảm nồng nhiệt hung tợn, đối với tình tự hãi sợ quá mãnh liệt đối với tình yêu và đối với cái chết.

Ngay khi được một người thuộc bộ tộc Siminole thuật lại cho tôi nghe, tôi đã cảm thấy câu chuyện này thật là bổ ích và thật là hoàn hảo tuyệt mỹ, bởi vì, người kể chuyện đã đưa được sắc hoa của miền hoang vu tịch mịch và vẻ trang nhã của khu vực lều trại vào đó. Đồng thời họ đã tường thuật lại cảnh đau thương qua một phương cách thật là giản dị. Không phải tôi tự tăng bốc mình lên, nhưng thật ra, tôi đã cố gắng giữ trọn vẹn nguyên ý của họ. Tuy nhiên tôi vẫn còn muốn biết thêm một chi tiết nữa. Tôi đã tìm hỏi về phần số của cha Aubry, nhưng không có một ai có thể trả đáp cho tôi được. Tôi sẽ mãi mãi không hay biết gì về vấn đề đó, nếu như trời cao kia đã không dẫn dắt tôi tự khám phá ra. Sự kiện diễn tiến như sau:

« Tôi đã thả dọc theo hai trường giang Meschacebé, nơi thuở xưa, đã được coi như là một hàng rào ở phía Nam, của xứ Tân Pháp Quốc, và tôi đã tò mò chiêm ngưỡng một cánh trí diệu kỳ khác, ở miền Bắc, của khu vực đế quyền này. Tôi đã tới thật sát gần thác nước Niagara, nằm trong địa phận của dân tộc Agonnosioni (cũng gọi là dân tộc Iroquois). Một buổi sáng, khi đang vượt qua một vùng bình nguyên, tôi bắt gặp một thiếu phụ đang ngồi ở phía dưới gốc cây, ôm giữ xác chết của đứa con trai nhỏ bé trên đầu gối. Tôi nhẹ bước lại gần chỗ thiếu phụ trẻ trung đó và lắng tai nghe những lời nói của bà ta:

« Con thân mến của ta ơi, nếu như con ở lại với chúng ta, thì rồi đây, tay của con sẽ giương nổi cây cung lên, một cách thật là nhẹ nhàng khả ái. Cánh tay của con sẽ có thể chinh phục được sức gấu hung mãnh dữ tợn. Và, trên các khu vực đỉnh cao, đôi chân của con sẽ thừa nhanh để thách đố với tài chạy của bầy hươu lữ hoẵng. Hỡi chú chồn trắng của vùng đá tảng, tại sao chú đã vội vã đi vào xứ sở của linh hồn? Chú làm sao có thể sống tại nơi đó được? Cha chú chưa hề có mặt ở đây để săn bắn kiếm mồi ăn, nuôi dưỡng chú. Chú sẽ bị thấm lạnh, và sẽ chẳng có một linh hồn nào cung cấp cho chú những tấm áo da thú để mặc. Ôi ! Có lẽ mẹ phải gấp rút theo gặp chú, để hát cho chú nghe, và để cho chú ngắm nhìn thấy cặp nhũ bộ của mẹ! »

Người mẹ trẻ trung vừa đang đưa thân xác đứa nhỏ ở trên đầu gối, vừa thấm ướt đôi môi nó bằng những giòng sữa, vừa run run cất tiếng ca náo nuột thấm thiết và vừa cung dưỡng cho thây ma tất cả những chăm sóc cần thiết, của một người mẹ dành cho những đứa trẻ hiện còn sinh tồn.

Người mẹ còn phải phơi xác đứa nhỏ lên trên cành cây, theo đúng với phong tục bản xứ, trước khi đem thân xác đó tới vùng mộ địa của cha ông. Bà ta lột trần đứa trẻ sơ sinh ra, thổi vào miệng nó một hơi và nói:

« Hỡi linh hồn con trai của ta, hỡi linh hồn khả ái! Thuở xưa, cha của con đã đặt lên đôi môi của mẹ một nụ hôn. Nhưng hỡi ôi, giờ đây, đôi môi của mẹ đã không có thể trao cho con một sức mạnh tái sinh!». Cuối cùng, bà mẹ phanh ngực áo, ôm sát di hài lạnh lẽo của đứa nhỏ vào lòng ngực, để truyền sang cho đứa nhỏ nhiệt lượng của trái tim, và nếu như Thượng Đế vẫn còn dành cho nó một hơi thở, thì, nhờ đó, nó sẽ có cơ hội sống lại được.

Thế rồi, người mẹ đứng dậy, chậm rãi đi kiếm tìm một vài cành cây ở trong khu rừng u tịch,

chan hòa ánh sáng ban mai, nơi mà, bà ta sẽ dùng làm địa điểm phơi xác đứa nhỏ. Bà đã chọn được một cây trường kế đầy sắc hoa tươi đỏ, mọc thành từng chùm dài nom như các chùm hoa Apios, và đang tỏa ngát ra không gian lớp lớp hương thơm ngào ngạt. Bà mẹ đưa một tay lên kéo mấy cành cây thấp nhất xuống, dùng tay còn lại đặt thân xác hài nhi lên trên mấy cành cây, buông thả mấy cành cây ra và những cành cây này đã trở về thể thiên nhiên nguyên thủy mang theo di hài đứa trẻ thơ ngây, nép mình ở giữa đám lá cành rậm rạp thơm tho. Hỡi ôi, phong tục tập quán của dân tộc bản xứ mới xúc động làm sao! Mới khôn ngoan làm sao! Tôi đã từng chiêm ngưỡng cái lăng tẩm của Crassus, của Césars, tại những khu vực đồng quê hoang tàn, thế nhưng, tôi vẫn thấy ưa thích loại phần mộ không gian của giống dân man dã này, loại mộ phần che phủ bởi sắc hoa, màu lá chan chứa hương thơm của bầy ong, luôn luôn đông đưa bởi những cơn gió nhẹ thổi hiu hiu, hơn nữa, nơi đây, cũng chính là phạm vi mà loài chim hoa mi thường kéo tới làm tổ, và cất lên những tiếng hót dịu dàng, nỉ non, thánh thót. Nếu như, đó là di hài của ruột thiếu nữ, do chính tay người tình của cô ta đem tới, để treo lên cây tử thần, hoặc nếu như, đó là di hài của đứa nhỏ thân yêu do một người mẹ đem tới, để đặt vào trú khu của bầy chim nhỏ bé, thì sức quyến rũ mê hoặc còn gia tăng gấp bội. Tôi tiến sát lại gần chỗ người thiếu phụ, đang ngồi rên xiết, ở dưới gốc cây trường kế. Tôi đặt tay lên đầu bà ta, rồi cất lên ba tiếng kêu thảm thiết. Tiếp đó, tôi không nói với bà ta nửa lời; và lặng lẽ bắt chước bà ta, cầm lấy một cành cây, để xua đuổi bầy ruồi muỗi, sâu bọ đang bay vo ve quanh xác đứa nhỏ. Hành động của tôi đã làm cho một chị bồ câu ở gần đó khiếp hãi. Thế là, người thiếu phụ bản xứ liền nói với bồ câu rằng: « Hỡi này bồ câu, nếu như, mi không phải là linh hồn của con ta, đang lẫn trốn, thì chắc chắn mi phải là một bà mẹ đang đi kiếm tìm một vài thứ vật liệu để xây tổ. Vậy mi hãy lấy những sợi tóc này, những sợi tóc mà ta từng ướp gội trong dầu thơm của ngàn hoa, mi hãy lấy đi để dùng làm nệm ấm cho bầy con của mi: Có thể, nhờ đó, Thượng Đế sẽ bảo vệ chúng cho mi! ».

Trong lúc người thiếu phụ đang ứa lệ vui thỏa, vì nhận thấy cử chỉ và hành động lễ độ của một ngoại nhân, cử chỉ và hành động mà tôi cùng bà ta đang thực hiện, thì bất thần có một người thanh niên trai trẻ tiến lại gần chỗ chúng tôi và nói: « Hỡi này con gái của Céluta^[35], nài nỉ hãy mang xác con của chúng ta xuống đi, chúng ta không thể dừng lại ở chốn này lâu hơn nữa, chúng ta sẽ lên đường vào lúc mặt trời ló dạng.» Tôi liền nói với anh ta rằng: « Bạn ơi, tôi xin cầu chúc cho bạn có một bầu trời xanh thẳm, chúc bạn có thật nhiều hươu hoang, chúc bạn có một chiếc áo bằng da hải ly và có nhiều hi vọng. Phải chăng, bạn đã không cư ngụ trong vùng hoang tịch này? » - « Không, người thanh niên trai trẻ đáp, chúng tôi chỉ là những kẻ tha phương cầu thực, hiện đang ở trên đường tìm kiếm một quê hương! ». Nói xong câu đó, người chiến sĩ cúi gục đầu xuống phía lòng ngực, khiến cho đầu cánh cung va chạm và lay động lớp lớp hoa rừng. Tôi cảm nhận thấy trong đáy tầng sâu thẳm của câu chuyện này, chắc chắn phải chất chứa khá nhiều giòng lệ, do đó, tôi đã nín thình câm lặng. Trong lúc ấy người thiếu phụ đem xác đứa nhỏ từ trên cành cây xuống, trao cho người chồng. Thấy thế, tôi liền nói: « Tối nay, các bạn có thể cho phép tôi được nhóm lửa giúp các bạn không? » - « Giờ đây, chúng tôi không hề có lấy một căn lều, người chiến sĩ đáp, nếu như, bạn muốn theo chúng tôi, thì chúng ta sẽ đi tới bên bờ giòng thác, để cắm trại tạm trú. » - « Đó chính là ước nguyện của tôi " tôi đáp, và, chúng tôi cùng nhau tiến bước.

Tiếng gào thét ầm ỹ khủng khiếp đã báo hiệu khoảng cách giữa chúng tôi với bờ thác nước. Thác nước này được hình thành bởi giòng sông Niagara, xuất phát từ hồ Erié, rồi chảy vào hồ Ontario chiều thẳng đứng của giòng thác cao tới bốn mươi tư bộ. Kể từ lúc giòng nước rời khỏi hồ Erié, nước sông đã chảy hồi hải theo một độ dốc thoải, lúc tới phạm vi thác, hình dạng của giòng sông đã chuyển biến thành một đại dương, tại đây, con nước đã đổ xiết vào một vực xoáy rộng toanh hoác. Thác có hình cong như vành móng ngựa, chia thành hai nhánh, ở giữa hai nhánh là một tiểu đảo, trũng sâu ở phía dưới, chứa đầy những cây cối, nằm rạp mình sát làn sóng nước hỗn độn. Khối nước của giòng sông cuộn cuộn tuôn chảy về hướng Nam, tròn xoe như một hình viên trụ bát ngát, rộng lớn, để rồi, trải mở ra như một tấm thảm tuyết trắng toát và chứa chan màu sắc rực rỡ do sức soi chiếu của ánh sáng mặt trời. Làn nước từ phía trên vừa đổ xuống đã nhào vào một vùng bóng tối sâu thẳm thẳm được người ta gọi là cột nước của cơn đại hồng thủy. Hàng ngàn chiếc cầu vòng uốn lượn và giao tiếp với nhau ở phía trên vực thẳm. Những đợt nước rơi trúng các tảng đá rung rinh, đã bốc tung lên lớp lớp lốc bụi

nước, dâng cao tới tận đỉnh các ngọn cây rừng, nom chẳng khác chi những đám khói, đang ôm tỏa khắp một vùng bát ngát bao la. Những cây thông, những cây hồ đào đại, những viên đá tảng đã bị gọt dũa thành các hình thù kỳ dị, trang trí thêm cho cảnh vật. Những cánh chim phượng hoàng bị sức hút của làn khí quyển đã phải lảo đảo xà thấp xuống vùng đáy vực. Bầy chồn Carcajous đã sử dụng sức mềm dẻo, uyển chuyển của những chiếc đuôi để treo mình lơ lửng ở phía đầu những cành cây sà thấp gần mặt nước, hầu có thể chụp giữ lấy những mảnh thịt vụn vặt của lũ nai, lũ gấu đang bị sức nước cuốn dạt từ phía trên xuống dưới vực thẳm.

Trong lúc tôi lặng lẽ chiêm ngưỡng cảnh trí, với một tình tư vừa khiếp hãi vừa khoan khoái, thì hai vợ chồng người dân bản xứ đã tách rời khỏi nơi tôi đứng. Tôi đã phải đi ngược giòng sông, về phía trên thác nước, để kiếm tìm họ, và đã bắt gặp họ tại một địa điểm rất thích hợp với trạng thái thọ tang của họ. Hai người cùng một số người già nua tuổi tác, đang nằm dài trên mặt thảm cỏ, bên cạnh họ là những chiếc túi bằng da thú đựng hài cốt của cha ông họ. Bị sửng sốt trước hình ảnh mà tôi vừa nhắc trông thấy, tôi liền ngồi xuống gần bên người mẹ trẻ trung, và cất tiếng hỏi: «Thưa chị, đây là những vật gì thế chi?». Thiếu phụ đáp: «Bạn ơi, đó là đất của tổ quốc chúng tôi, đó là hài cốt của cha ông chúng tôi, cũng là tất cả những di vật sẽ luôn luôn hiện diện với cuộc sống lưu đầy của chúng tôi!» - « Nhưng, tôi kêu lớn lên, vì đâu mà các bạn đã bị buông rơi vào cảnh trạng tang thương như vậy? » Cô gái con của Céluta đáp: Chúng tôi là những người thuộc bộ tộc Natchez còn sống sót lại. Sau cuộc tàn sát của người Pháp tại vùng đất của chúng tôi để trả thù cho những người anh em da trắng của họ, một số những người anh em của chúng tôi đã vượt thoát khỏi bàn tay của kẻ chiến thắng, tìm đến địa hạt của bộ tộc Chikassas ở kế cận, cư ngụ. Chúng tôi đã sống an bình bên nhau, trong một thời gian khá dài, thế rồi, vào thời kỳ bảy tuần trăng trước đây, một số người da trắng ở Virginie đã kéo tới, chiếm cứ vùng đất của chúng tôi, lấy cớ rằng, họ đã được một vị hoàng đế tại Âu Châu chia cho họ. Chúng tôi chỉ còn biết ngược mắt nhìn lên phía trời cao để rồi thu thập hài cốt của cha ông, và lên đường tiến vào vùng hoang tịch. Trong cuộc hành trình tôi đã hạ sinh được một đứa con trai, nhưng, dường như, tình tự bị thảm đã làm cho giòng sữa của tôi trở thành quá tệ hại, đến nỗi, đã gây nên cái chết của con tôi.» Vừa nói, người mẹ trẻ trung vừa đưa mái tóc lên lau cặp mắt. Tôi cũng đã đỏ lệ rùng rùng.

Thế rồi, tôi nói: « Chị ơi, chúng ta hãy gìn giữ lấy lòng kính tin nơi đấng Thượng Đế, vì tất cả mọi diễn tiến đều nằm ở trong tay Ngài. Tất cả chúng ta đều chỉ là những kẻ lữ hành, ông cha của chúng ta cũng đã giống y hệt như chúng ta, nhưng đã sẵn có một địa điểm dành cho chúng ta ngơi nghỉ. Tôi đã không e ngại sử dụng miệng lưỡi thêu lẻo của dân da trắng để xin chị vui lòng cho tôi biết rằng, chị có nghe thấy ai nói về một nhân vật, mang tên Chactas, thuộc bộ tộc Natché, hay không? » Ngay khi tôi đang nói, người thiếu phụ bản xứ đã nhìn tôi dăm dăm, rồi hỏi lại tôi: « Bạn định nói về nhân vật Chactas nào chứ? » Tôi trả lời: « Đó là một nhà minh triết của bộ tộc ». Thiếu phụ bản xứ liền nói tiếp: « Tôi xin nói tất cả những gì mà tôi biết, bởi vì bạn đã đuổi ruồi bu quanh thân xác của con trai tôi và bạn đã sử dụng những mỹ từ để ca ngợi đấng Thượng Đế chí tôn chí kính. Tôi là con gái của René, một người Âu châu, đã được Chactas nuôi dưỡng. Chactas đã thụ nhận lễ rửa tội, và René người cha vô cùng bất hạnh của tôi, đã bị chết trong trận tàn sát ! » - Con người thường thường phải kinh qua hết cảnh thương đau này sang cảnh thương đau khác, tôi vừa cúi đầu nhìn xuống, vừa nói, chắc hẳn là chị cũng đã tiếp nhận được những tin tức về cha Aubry chứ? « - Cha cũng không sung sướng gì hơn Chactas, thiếu phụ bản xứ đáp, bộ lạc Chéroquois, địch thủ của người Pháp, đã xâm nhập vào địa khu truyền giáo của cha, dựa theo tiếng chuông tiếp cứu lũ khách lạc lối. Cha Aubry có thể trốn thoát khỏi tay bọn họ, nhưng cha không muốn bỏ rơi bầy con chiên do cha chăm dắt, cho nên, cha ở lại để giúp họ có đủ can đảm đương đầu với thần chết, theo gương của cha. Cha đã bị bọn họ tra tấn bằng những loại cực hình tàn nhẫn. Nhưng họ đã không thể ép buộc được cha thốt ra một tiếng kêu than, để cho bọn họ có thể dựa vào đó mà nhục mạ Thượng Đế của cha, hoặc hủy diệt danh dự về xứ sở của cha. Trông suốt thời gian thọ cực hình, cha luôn luôn cầu nguyện cho chính bọn đồ tể đang hành hạ cha, và luôn luôn tỏ bày lòng trắc ẩn đối với phần số của những nạn nhân của tai kiếp. Để ép buộc cha phải tỏ ra một vài dấu hiệu của tình tự hèn yếu, dân Chéroquois đã dẫn tới trước mặt cha một tín đồ Thiên Chúa giáo man dã, có hai chân đã bị hoàn toàn tàn phế bởi thương tích. Nhưng, bọn chúng đã vô cùng ngạc nhiên, khi thấy người thanh niên trai tráng ấy đã sụp quì gối xuống, và hôn lên những vết thương của nhà ẩn tu,

trong lúc nhà ẩn tu vẫn tiếp tục an ủi anh ta: «Con của ta ơi, chúng ta đã và đang được đặt vào vị thế của những vị thiên thần và của những con người. » Quá giận dữ, dân Chéroquois liền dùng xiên sắt nung lửa đâm thẳng vào cổ họng cha, để ngăn chặn không cho cha nói tiếp. Thế là, kể từ đó, cha không còn có thể an ủi được loài người nữa, cha đã thở hơi thở cuối cùng.

« Người ta bảo rằng, trong số các sắc tộc man dã, dân Chéroquois đã có thói quen, xem thường những nỗi thống khổ của những kẻ khác, vậy mà, họ đã không có thể phủ nhận được rằng, trong tinh thần can đảm khiêm cung của cha Aubry, dường như, đã có một vài sự kiện vượt ra ngoài tầm mức hiểu biết của chúng, và vượt quá xa tất cả những trường hợp can đảm ở trên thế gian này. Chính vì thế, đã có một số lớn dân Chéroquois trở thành tín đồ thiên chúa giáo, vì họ đã bị ảnh hưởng trước cái chết đó.

«Vài năm sau Chactas, rời khỏi vùng đất của dân da trắng quay trở về quê hương, ông đã nhận được tin tức về nỗi bất hạnh của vị chủ tế, ông liền quyết định đi thăm mộ di hài của cha và của Atala. Khi ông tìm tới địa điểm truyền giáo năm xưa, thì ông đã không thể nhận ra nỗi đau là đâu nữa. Hồ xưa nay đã tràn bờ, đồng xưa nay đã trở thành đầm lầy, ao lạch. Cây cầu thiên nhiên, giờ đây đã sụp đổ và đã bị chôn vùi ở bên dưới đồng tàn tích của khu vực phần mộ Atala và khu ruộng đồng của người chết. Chactas đã đi lang thang khá lâu tại vùng này, ông thăm viếng khu vực hang động của nhà ẩn tu đơn độc, giờ đây, đã tràn ngập những loại cây mâm xôi và những loại cây nhúc bòn tử, trong đó, còn có một chị hươu cái đang cho con bú sữa. Ông ra ngồi ở trên tảng đá cạnh xác chết chiều xưa, nơi mà ông chỉ còn thấy rơi rớt lại một vài chiếc lông cánh của lũ chim đại bàng, sau giờ phút chúng dừng chân tạm trú. Trong khi ông đang than khóc, thì, con trần của nhà ẩn tu đã nuôi dưỡng năm xưa, từ trong lớp lớp bụi bờ gai góc, rậm rạp ở kế cận trườn ra và bò tới quẩn quít lấy đôi chân của ông. Ông ôm giữ và sưởi ấm người bạn trung thành bằng lòng ngực của ông rồi lưu lại ở giữa đám tàn tích này, một mình tro trọi. Con trai của Outalissi đã kể đi kể lại nhiều lần rằng, vào những lúc sấm tối, dường như ông đã nhìn thấy bóng dáng của Atala và của cha Aubry hiển hiện lên ở giữa đám hơi nước nghi ngút của buổi hoàng hôn. Những hình ảnh đó, đã đọng đầy vào não cân ông, một niềm kính nghi tâm linh và một niềm vui thỏa thắm lặng.

« Sau khi đã hoài công vô ích trong việc kiếm tìm phần mộ của người tình nhân và của nhà ẩn tu, ông đã định rời bỏ nơi chốn ấy, nếu như, ông không trông thấy chị hươu cái đã chồm nhẩy ở phía trước mặt ông. Chị hươu đã dừng lại dưới chân cây thập tự giá của khu vực truyền giáo. Cây thập tự giá, giờ đây, đã bị nước ngâm phủ một phân nửa, thân gỗ của cây thập tự giá đã bị rêu xanh ăn mòn và bầy chim bồ nông thuộc vùng hoang tịch thường ưa thích dừng chân ngơi nghỉ ở hai bên nhánh sà ngang đầy rêu phong, Chactas dự đoán rằng, chị hươu đầy dạ tri ân ấy, đã cố ý dẫn dắt ông tới phần mộ của vị chủ nhân, Do đó, ông liền đào sâu xuống vùng đá tảng, nơi đã được dùng làm bàn thờ của khu vực truyền giáo, và, ông ta đã kiếm thấy di hài của một người đàn ông và một người đàn bà. Ông tin chắc rằng, đó chính là hài cốt của vị linh mục và của người trinh nữ, đã được chôn vùi thân linh chôn vùi vào nơi chốn này. Ông liền lấy da gấu bọc lại, và lên đường trở về quê hương, mang theo mớ di hài quý giá, lao xao vang vọng ở trên đôi vai, giống như tiếng kêu than của người chết vậy. Đêm đêm ông đặt mớ di hài xuống, gối đầu lên trên và ông đã đi sâu vào những giấc chiêm bao đầy tình yêu và đạo hạnh. Hỡi anh bạn ngoại nhân ơi, anh có thể chiêm ngưỡng tại mớ cát sạn này, mớ cát sạn trong đó có một phần di hài của nhân vật mang tên là Chactas !»

« Người thiếu phụ bản xứ vừa dứt lời, tôi liền đứng ngay dậy, tiến về phía những bọc di hài thiêng liêng, quỳ xuống và nín thính. Để rồi, dài bước giang xa xa, và cất tiếng kêu lên rằng: «Trên thế gian này, những con người hiền lành; đức hạnh và tình cảm đã phải kinh qua như vậy! Con người, phải chăng mi chỉ là một cơn chiêm bao thoáng nhanh, một cơn mộng mị đau nhói, phải chăng mi chỉ chất chứa toàn là những nỗi bất hạnh, phải chăng mi chỉ là những sự vật bị đóng đầy bởi nỗi sầu thảm ở trong linh hồn và nỗi ưu uất miên viễn ở trong tư tưởng!»

Những suy tư đó đã ngự trị ở trong tôi suốt cả đêm dài. Hôm sau, ngay từ lúc tờ mờ sáng, các vị chủ nhân của tôi đã rời bỏ tôi. Các chiến sĩ trẻ trung khai mở bước tiến, đám thiếu phụ vợ của họ đi tập hậu. Toán tiên phong mang theo những thánh tích, toán sau cùng ôm giữ đám trẻ sơ sinh, các người già chậm rãi bước chân sau lưng đám trai tráng và trước đám thiếu phụ, họ đã đặt mình vào giữa lớp tiền bối và lớp hậu duệ, vào giữa kỷ niệm và hy vọng, vào giữa tổ

quốc đã mất và tổ quốc ở tương lai. Ôi đã có biết bao nhiêu là biệt lệ, vào lúc đoàn người phải rời bỏ vùng đất của quê hương xứ sở, vào lúc họ phải dừng lại tại miền đỉnh cao của ngọn đồi, trên bước đường lưu đầy, để nhìn lại một lần cuối mái nhà nơi họ đã sinh trưởng, con sông bên cạnh căn lều lạng lờ tiếp tục cuộn chảy qua những cánh đồng quanh quẽ của quê hương xứ sở !

Hỡi những người dân bản xứ, những người mà tôi đã thấy lũ lượt lang thang cất bước trong vùng hoang tịch thuộc tân thế giới mang theo đám di hài của cha ông các bạn, các bạn đã cho phép tôi được tá túc với các bạn, mặc dù, các bạn đang lâm vào hoàn cảnh nghèo khổ, tôi không có thể trả nợ cho các bạn, vì chính tôi cũng là một kẻ lang thang như các bạn, và đang phó mặc thân mình cho nhân loại, nhưng trên bước đường lưu đầy, tôi còn kém hạnh phúc hơn các bạn vì tôi đã không mang theo được di hài của cha ông tôi!

Phần Kết

Ngay khi vừa gia nhập vào bộ tộc Natchez, René đã bắt buộc phải lấy vợ, theo đúng như phong tục tập quán của dân tộc bản xứ. Nhưng René đã không chung sống với vợ. Mỗi sâu thẳm chất chứa ở trong tâm tư anh, đã đưa dẫn anh lang thang vào những khu vực rừng sâu, núi thẳm. Anh đã sinh sống vật vờ một mình ở trong đó giống như một người man dã hơn cả các sắc dân man dã. Ngoài Chactas, người cha nuôi và linh mục Souel, nhà truyền giáo ở đồn Rosalie, một nhân vật đã lên tiếng tố cáo trước dư luận về những vụ buôn người. Hai ông già này đã chiếm được một uy thế vững mạnh ở trong tâm khảm của René: - Người thứ nhất, thì, do lòng đại lượng nhân từ đáng mến của ông. Còn người kia, thì ngược lại, là do bởi tính tình quá đơn giản của ông. Kể từ sau chuyến đi săn hải ly, thời gian mà vị kỳ lão mù loà đã kể cho René nghe biết về cuộc đời phiêu bạt của ông, tuy nhiên về phần René, thì anh chưa bao giờ có ý định nói tới cuộc đời của anh. Trong khi đó, Chactas và nhà truyền giáo đều ham muốn được biết, vì bất hạnh nào mà một người Âu Châu thuộc thành phần khá giả đã phải xuất ngoại để chôn vùi cuộc sống ở trong những vùng hoang tịch thuộc xứ Louisiane. René luôn luôn tìm có thoái thác, và người ta chỉ biết được một chút ít về đời sống suy tư và tình cảm của anh qua câu anh thường nói: «Đối với biến cố mà tôi đã phải đi tới quyết định sang châu Mỹ, thì tôi phải chôn vùi nó vào trong niềm lãng quên miên viễn.»

Một vài năm trôi qua như vậy, và hai ông già đã không thể khai mở được một chút bí mật nào của anh ta. Thế rồi, một bức thư do anh ta nhận được từ văn phòng truyền giáo quốc ngoại, đã làm bội tăng thêm niềm thống khổ của anh ta, khiến cho anh đã phải lẩn trốn cả hai ông bạn già thân mến. Hai người cảm thấy cần phải gấp rút cởi mở con tim của anh, do đó, họ đã sử dụng mọi hiểu biết, mọi dịu dàng ; mọi quyền uy của họ ra, để khắc phục anh, cuối cùng, anh ta đã đồng ý thoả mãn ý muốn của họ. Anh đã chọn lựa một ngày, để thuật lại cho họ, không phải về cuộc phiêu lưu của đời anh, bởi vì, diễn tiến đó không có gì đáng kể, nhưng mà là những tình tiết bí ẩn ở bên trong đáy tầng linh hồn của anh.

Vào ngày 21 trong tháng, ngày mà giống dân man dã gọi là tuần trăng của mùa hoa. René đã tới căn lều của Chactas, anh đưa tay ra mời vị kỳ lão, và dẫn ông tới gốc cây gie vàng, mọc ở bên bờ sông Meschacebé. Linh mục Souel cũng không quá chậm trễ trong dịp hẹn ước này. Bình minh đã dâng lên: Người ta nhận thấy ngôi làng của bộ tộc Natchez, với những vườn dâu, và những căn lều giống y như tổ ong mật, tại một khoảng cách xa xa ở trong vùng bình nguyên. Phạm vi thuộc địa của Pháp quốc và đồn binh Rosalie trời cao lên ở phía tay phải, bên bờ giòng trường giang.

Những căn lều vải, những ngôi nhà xây cất bán phần, những mảnh thành quách, những khu vực khẩn hoang tràn ngập sắc dân da màu, những toán lính da trắng và bản xứ, đã hiển hiện lên trong một phạm vi nhỏ hẹp ấy, nói lên sự khác biệt giữa phong tục của một đời sống xã hội, so với phong tục của một đời sống man dã. Xa xa ở tận cùng phương đông mặt trời đã khởi sự ló dạng, ở giữa những khu vực đỉnh cao sút mẻ của dãy núi Apalaches đang nổi bật lên với ánh sắc xanh ngấn ngắt, ở giữa nền trời vàng ối. Về hướng Tây, giòng sông Meschacebé cuộn cuộn tuông chảy giữa cảnh trí hùng tráng tịch mịch, tạo thành một mép viền vĩ đại kỳ diệu cho toàn thể bức họa.

«Chàng trai trẻ và nhà truyền giáo đã bỏ ra đôi ba phút, để chiêm ngưỡng vẻ đẹp mỹ miều của phong cảnh và để than tiếc cho vị kỳ lão đã không thể cùng chung hưởng với họ. Tiếp đó, cha Souel và Chactas đã ngồi xuống mặt thảm cỏ, bên dưới gốc cây, René giữ một vị trí ở giữa hai người, sau vài phút giây im lặng, anh ta khởi sự trình bày với hai người bạn già:

«Con không thể khai mở câu truyện, mà không phải chống cự với mỗi cảm xúc hổ ngươi ở trong tâm khảm con. Tình tự an bình ở nơi tâm hồn quý vị, những bậc lão giả đáng kính và tình trạng tĩnh lặng của thiên nhiên ở quanh con, đã làm cho con phải xấu hổ, vì những bối rối và những rung cảm ở nơi tâm linh của con.

« Quý vị sẽ thương hại con đến mức độ nào! Không biết rằng, những mối ưu tư miên viễn của con, có làm cho quý vị phải khinh khi, hay không! Quý vị là những con người đã khô cạn hầu hết mọi sâu đau nhân thế, quý vị sẽ nghĩ thế nào về một thanh niên trai trẻ thiếu nghị lực và thiếu đạo hạnh, đã tìm biết được nỗi băn khoăn, ray rứt của hẳn, nhưng lại không thể phiến trách được là, vì sao những thương đau ấy lại chỉ nhằm vào hẳn? Hỡi ơi, khỏi cần phải lên án nữa, vì hẳn là kẻ đáng bị trừng trị rồi!

« Con đã bước vào đời bằng giá trị sinh mạng của mẹ con. Con đã bị những chiếc kẹp sắt lôi ra khỏi bụng mẹ. Con có một người anh được cha con rất nuông chiều, vì người đã coi anh là con trưởng của gia đình. Riêng về phần con, thì, ngay khi vừa mở mắt chào đời đã được giao phó cho những người xa lạ, và được dưỡng nuôi ở bên ngoài mái ấm của cha mẹ.

« Bản chất của con rất cuồng nhiệt, tính tình của con rất bất thường. Lúc thì ồn ào vui vẻ, lúc thì lặng lẽ sầu não. Nhiều khi, con đã mời một số đồng bạn bè son trẻ tới hội họp, thế rồi, bất thần, con đã bỏ rơi họ, tìm tới một chỗ ở cách xa họ, để ngồi ngắm nhìn lớp lớp mây trôi, hoặc để ngồi lắng nghe tiếng mưa rơi trên lá.

« Mỗi mùa thu tới, con lại được quay trở về nơi lâu đài của cha con, ở giữa những khu rừng cây, kế cận bên hồ nước, nằm trong một thị trấn hẻo lánh.

« Vì nhút nhát và ngượng ngập ở trước mặt cha, cho nên, con đã cảm thấy dễ chịu và thoải mái lúc sống gần bên chị Amélie. Chị hơn con một vài tuổi, nhưng vì có cùng một bản chất nhu hòa, thuận thảo, và có cùng những ý thích tương tự, do đó, hai chị em con rất hợp nhau. Hai đứa thích thú được cùng nhau trèo lên những đỉnh đồi cao, bơi thuyền trên mặt hồ gợn sóng, chạy lãng xăng trong những khu rừng cây đầy lá đỏ:- Những buổi rong chơi mà giờ đây hãy còn tràn ngập đầy lạc thú ở trong trí tưởng của con. Ôi, những ảo giác của thời thơ ấu và của tổ quốc năm xưa chẳng bao giờ mất đi tình tự ngọt ngào êm ái!

« Có lúc chúng con cầm nín lặng lẽ cất bước bên nhau, để cùng lắng nghe tiếng gào thét âm ỉ của trời thu, hoặc tiếng sào sạc phát ra từ đám lá vàng khô, ở dưới bước chân phiến thảo của chúng con. Có lúc, trong những trò chơi thơ dại, chúng con đã đuổi bắt một con chim én ở nơi đồng bãi, hay dõi theo chiếc cầu vồng ở trên những ngọn đồi phủ kín mưa bay, thỉnh thoảng, chúng con đã thăm thì ngẫm nga những vần thơ, do chính chúng con cảm tác về cảnh trí của thiên nhiên. Tuổi trẻ, con đã được học hỏi khá nhiều thơ phú, nhưng con cảm thấy không có gì thi vị cho bằng, tình tự tươi mát của con tim đắm đuối thuộc lớp tuổi mười sáu. Tuổi thanh xuân giống y hệt như buổi ban mai, lúc mà, khắp đây đó, còn tràn ngập vẻ tinh khiết, các hình tượng, và sự hòa hợp.

« Những ngày chủ nhật và những ngày lễ trọng, con thường nghe thấy lớp lớp tiếng chuông từ mãi phía xa xa, xuyên qua các tầng cây lá, ở trong rừng sâu, vang vọng tới như để kêu mời nhả gọi những người sinh sống tại miền đồng ruộng, hãy mau mau tụ hội về nơi điện đài thờ phụng. Tựa mình vào thân cây tiểu xích dương, con im lặng đón nghe những tiếng thăm thì sùng mộ. Mỗi một tiếng ngân nga của chuông đồng, đã reo rắc vào tâm hồn thơ dại mộc mạc của con, biết bao nhiêu phong tục của miền đồng quê, sự tĩnh lặng của vùng hoang tịch, sức quyến rũ của đạo giáo, và tình tự sâu muôn khoan khoái của những kỷ niệm trong lớp tuổi đầu đời! Có con tim yếu đuối bệnh hoạn nào lại không bị rung động bởi tiếng chuông ở nơi quê mẹ, tiếng chuông đã từng rền rĩ vui vẻ ở ngay bên cạnh chiếc nôi của họ, để báo hiệu ngày họ mới bước chân vào đời, để đánh dấu lần đập đầu tiên của con tim, để loan truyền ra quanh vùng niềm vui thoả thánh thiện của cha họ, và nỗi niềm đau đớn và sung sướng khôn nguôi của mẹ họ! Nếu như chúng ta trầm mình vào với tiếng chuông của nơi quê mẹ, chúng ta sẽ thấy tất cả những gì mà chúng ta đã thấy ở trong một giấc mộng đẹp: Tôn giáo, gia đình, tổ quốc, cả đến chiếc nôi, cả đến năm mộ, cả đến dĩ vãng và cả đến tương lai nữa,

« Thật vậy, Amélie và con đã thụ hưởng được hơn nhiều người khác, những ý tưởng trầm trọng và dịu dàng, lý do, cả hai người chúng con đã tự có sẵn một đôi chút u sầu ở nơi đáy từng tâm khảm, có thể rằng: Chúng con đã tiếp nhận được tình trạng đó tự nơi Trời, hay là từ nơi Mẹ của chúng con.

« Giữa thời gian ấy, cha con mắc phải một căn bệnh, căn bệnh này đã đưa dẫn ông vào nơi mộ địa vài ngày sau. Ông đã tắt thở ở trong vòng tay của con. Nhờ đó con đã tìm biết được cái

chết ở trên đôi môi của người đã sinh thành ra con. Ấn tượng này quá lớn, đến nỗi hiện nay nó vẫn còn tồn tại phảng phất ở trong con. Đây cũng là lần đầu tiên mà tình tự bất diệt của linh hồn đã thể hiện rõ ràng ở trước mắt con. Con tin rằng, cái thân xác vô tri vô giác ấy, đã là tác giả của suy tư ở nơi con. Con đã cảm nhận thấy rằng, thân xác đó đã đem lại cho con một nguồn suy tư mới. Và, trong tình tự đau đớn thiêng liêng, một tình tự đau đớn nằm sát với tình tự vui thoả, con tin là, con sẽ giao tiếp được với linh hồn của cha con vào một ngày nào đó.

« Một hiện tượng khác, đã khiến cho con xác định được siêu tưởng đó. Đây là, những hình dạng của cha con khi đặt vào bên trong quan tài, đã hiện lên một vài đường nét siêu tuyệt. Tại sao tình trạng bí ẩn kỳ diệu ấy lại không phải là bằng chứng của sự bất diệt ở nơi chúng ta được nhỉ? Tại sao cái chết là hết, lại không in khắc những bí mật của thế giới bên kia lên trên vàng trán còn mờ của thần chết được nhỉ? Tại sao, ở trong phần mộ lại không có một vài ảo ảnh vĩ đại của sự bất diệt được nhỉ?

« Rã rời, ủ rũ vì đau khổ, chị Amélie đã lui vào ẩn trú tại một khu chòi tháp, dưới những vòm vọng của loại lâu đài xây dựng theo kiểu Gothic. Tại đây, chị đã nghe thấy tiếng vang vọng của các vị linh mục tháp tùng theo đám táng và âm thanh của tiếng chuông nhà thờ vào dịp tang lễ.

« Con đã đưa cha con tới nơi an nghỉ cuối cùng. Đất đã vùi lấp lên di hài của người. Vĩnh cửu và quên lãng đã chèn ép sức nặng của chúng trên thân xác của người. Ngay buổi chiều hôm đó, tình tự lạnh nhạt thờ ơ đã lướt qua vùng phần mộ của người, ngoại trừ, con gái và con trai của người, thì dường như, người đã là một nhân vật chưa hề bao giờ sinh tồn ở trên cõi đời này.

« Chúng con phải rời xa ngôi nhà của cha mẹ, vì giờ đây, nó đã thuộc phần di sản của anh con, con và chị Amélie trở về sinh sống lại nhà các vị thân nhân tuổi tác.

« Dừng chân trước những ngã đường đầy lạc lừa của cuộc đời, con đã cân nhắc hết lối này sang lối khác, và không dám đặt chân vào một lối nào cả. Chị Amélie thường giảng giải cho con nghe về tình trạng hạnh phúc của đời sống tôn giáo. Chị bảo con rằng, con chính là mối gây ràng buộc duy nhất, đã giữ chị ở lại nơi trần thế và chị đã chăm chú nhìn con với vẻ mặt buồn thảm.

« Tim óc con bị xúc động bởi những lần đối thoại đầy sùng mộ ấy, cho nên, con thường thả bước chân qua một ngôi tu viện ở kế cận nơi con mới đến tá túc. Dường như, có một khoảng khắc, con đã toan tính vào đó, để trốn lánh cuộc đời. May mắn thay cho những kẻ đã chấm dứt chuyển lữ hành mà vẫn không hề rời khỏi bến và những kẻ không phải kéo dài những ngày tháng nhàm chán vô tích sự ở trên thế gian này, giống như con!

« Người Âu châu nào hoạt không ngừng, nhưng chính họ lại áp đặt cho họ những giây phút cô đơn tịch mịch. Trái tim của chúng ta càng náo nhiệt và âm ỉ bao nhiêu, thì, tình tự bình ổn và tĩnh lặng càng lôi cuốn chúng ta mạnh mẽ bấy nhiêu. Những cứu tế viện dành cho người nghèo khổn và yêu đuối tại xứ sở con thường thường ẩn mình ở giữa những khu thung lũng, mang theo từng lượn sóng tình cảm của nghịch cảnh và từng lượn sóng hi vọng của vùng ẩn trú. Đôi phen, người ta đã phát giác thấy những cơ sở đó ở trên một số cảnh trí cao vời vợi, nơi mà, tâm hồn đạo hạnh giống y hệt như một ngọn cây của lớp lớp núi non đã và đang vươn mình lên phía nền trời cao để cung dưỡng và tỏa lan đợt đợt hương thơm ngào ngạt.

« Con cũng đã từng thấy sự hòa hợp uy nghi của sóng nước và rừng cây tại ngôi tu viện cổ kính, nơi mà, con đã nghĩ tới việc xóa bỏ cuộc đời con để thay đổi phần số. Vào lúc chiều tàn, con cũng đã từng đi lang thang qua những nhà tu kín âm vang và tịch mịch. Khi ánh trăng đã rọi xuyên ngang lớp cột của những chiếc cửa tò vò, in hằn hình bóng cột lên phía bức tường đối diện, con đã dừng chân đứng lại để chiêm ngưỡng cây thập tự giá dùng làm dấu hiệu tại nghĩa trang, và những lớp cỏ dại mọc ở giữa những viên đá táng của phần mộ. Người ơi, người đã đang sống ở một nơi cách xa khu vực trần tục, người đã từng kinh qua tình tự cam nín của đời sống, cùng sự lạnh tanh của cái chết, nhưng, vì nỗi u sầu nào ở trên nhân thế, mà mộ phần của người đã không đông đầy nỗi con tim của tôi!

« Hoặc là do tính tình bất định bẩm sinh, hoặc là do thành kiến đối với đời sống tại tu viện, con đã thay đổi chủ định của con. Con nhất quyết lên đường du lịch. Con chào giã biệt chị con. Chị ôm chặt con vào trong vòng tay với một cử chỉ vui thoả, dường như là chị rất sung sướng vì

được thoát ly khỏi con. Chính vì thế con đã không thể chống đỡ nổi với ý nghi chua chát về sự bất nhứt của tình thân hữu nhân loại.

« Trong lúc, lòng ngập tràn hăng say, con đã lao mình vào biển sóng của cuộc đời, không hề biết đâu là bờ bến, đâu là những chướng ngại. Trước hết, con tới thăm viếng những dân tộc không còn tồn sinh, con đã ngồi ở trên đồng tàn tích của La Mã, của Hy Lạp, những quốc gia lớn lao và tinh xảo, những nơi mà các điện đài đã bị vùi lấp trong cát bụi, và những lăng tẩm của các đấng quân vương đã phải nép mình giữa những bờ bụi gai góc. Nói lên sức mạnh của tạo vật và sự yếu đuối của con người. Vì chỉ cần một nhánh cỏ mỏng manh cũng đã dư sức đục khoét nổi một tảng đá hoa cương cứng rắn nhất của ngôi cổ mộ, trong khi đó, tất cả các thầy ma, dù là, đã có thể lực tới đâu, cũng không bao giờ nâng lên nổi!

«Thỉnh thoảng, có một chiếc cột cao lớn đứng sừng sững một mình ở giữa vùng hoang tịch chẳng khác chi một tư tượng vĩ đại, lâu lâu, đã hiện lên ở trong một tâm hồn, từng bị thời gian và sự bất hạnh tàn phá tan hoang.

« Con đã trầm ngâm suy nghĩ tới mọi cảnh huống diễn biến, ở giữa những công trình vĩ đại đó, với tất cả thời gian của ngày dài. Trên vùng tàn tích, trước mặt con, khi thì mặt trời đã rơi chiếu xuống vùng nền móng của khu vực thị trấn, để rồi, chìm lặn một cách uy nghi về phía trời Tây. Khi thì, mặt trăng mọc lên trên khoảng nền trời trong vắt và nằm lọt vào giữa hai chiếc hũ đựng tàn cốt, đã bị bể vỡ tới phân nửa, để chỉ cho con thấy những nắm mộ nhợt nhạt. Thường thường ánh sáng của vì tinh tú này đã bồi dưỡng cho các cơn mộng tưởng, trong đó, con ngỡ rằng đã trông thấy vị thần linh của các kỷ vật đang ngồi ở bên cạnh con.

« Tuy nhiên, con đã bỏ qua không buồn lục tìm ở bên trong các chiếc quan tài, nơi mà con thường thường đã không quá động lòng đối với một nắm cát sạn đầy tội lỗi.

« Con từng ước mong được thấy những thế hệ hiện sinh sẽ cung dưỡng cho con nhiều điều nhân đức, hay ít ra, cũng làm giảm thiểu bớt những nỗi bất hạnh của các thế hệ đã bị tàn lụi. Một hôm, con đang thả bước trong một thị trấn lớn, băng qua phía sau tòa lâu đài, nơi có chiếc sân hẻo lánh và hoang vắng, con đã nhìn thấy một bức tượng đưa ngón tay chỉ thẳng vào một khu vực nổi tiếng, bởi một cuộc hiến sinh[36] Con đã bị xúc động do sự tĩnh lặng của địa điểm này, nơi mà, chỉ còn có những trận gió gầm rít ở quanh lớp đá cẩm thạch thô lương. Những người thợ phụ nằm ngổn ngang ở dưới chân bức tượng, hoặc vừa huýt sáo vừa gọt đẽo những viên đá. Con hỏi thăm họ về ý nghĩa công trình này: Người thì nói cho con biết được đôi chút, kẻ thì chẳng rõ một chút gì về tai biến do chính họ đang ghi khắc lại. Có thể bảo rằng, không một ai có thể cung dưỡng cho con biết một cách chính xác, về những biến cố của cuộc sống và một đôi điều còn con nho nhỏ về tình trạng hiện hữu của chúng ta Như vậy, thì, những nhân vật cố ý làm ồn ào tai tiếng sẽ đi tới đâu? Thời gian tiến một bước, thì bộ mặt của trái đất lại đã đổi mới thêm một lần.

« Trong chuyến du hành của con, con đã đặt hết tâm trí vào việc tìm kiếm những nhân vật nghệ sĩ, những con người thần thánh đã ca ngợi Thượng Đế trên thi đàn, và đã ca ngợi cảnh toàn phúc của các dân tộc biết tuân kính luật lệ, tôn giáo và mồ mả.

« Những thi nhân này. đều thuộc giòng giới thánh linh, họ đã hoàn toàn thụ đắc được một tài năng độc nhất vô nhị, mà tạo hóa đã ban phát cho thế gian. Cuộc đời của họ mộc mạc và thanh cao. Họ tôn thờ chư thần bằng tài nhả ngọc phun châu và họ đều là những người thật là giản dị. Họ chuyện trò như là những kẻ bất tử, hay là những đứa trẻ con, họ giảng giải luật lệ của vũ trụ, nhưng lại không thông hiểu nổi những sự việc tầm thường dễ dãi của cuộc sống. Họ có những tư tưởng kỳ diệu về cái chết, và họ đã chết thật dễ dàng nhanh chóng giống như cái chết của một đứa trẻ sơ sinh.

« Trên các dãy núi tại xứ Calédonie, người thi sĩ cuối cùng chuyển sáng tác các thiên anh hùng ca, mà nhiều người ở trong khu vực hoang tịch này, từng nghe nói tới, đã ngâm cho con nghe những bài thơ của một nhân vật anh hùng thừa xửa, tự an ủi mình vào lúc tuổi già. Chúng con ngồi trên bốn tảng đá rêu phong mòn vẹt, bên dưới là một giòng thác tuôn chảy, phía trước mặt có vài con mang hoẵng la cà đi lại, ở giữa đám tàn tích của một ngọn tháp nằm cách đó không xa. Gió từ đại dương đã kéo tới và gầm rú ở trong đám cây thạch thảo trên đỉnh Cona. Ngày nay, đạo Thiên Chúa, cô trinh nữ của các vùng núi cao, đã đặt những thập tự giá lên

các điện đài của chư vị anh hùng thuộc vùng Morven^[37] và đã lay động tới cây thụ cầm của David^[38], ngay trên bờ giồng thác, nơi mà, Ossian^[39] đã than vãn cho chính bản thân. Vốn ưa bình hoà như thần tính của Selma, dù mang danh chiến sĩ, nàng (đại danh tự chỉ Thiên Chúa Giáo) vẫn canh giữ bầu chiên mà hoàng đế Fingal^[40] đã từng phen trao phó chúng cho cuộc chiến, đồng thời, nàng đã trải rắc các vị thiên thần hoà bình vào lớp lớp mây cao, nơi cư trú của bầu ác quỷ sát nhân.

« Cô gái cổ hủ vui tươi Ý Đại Lợi đã cung dưỡng cho con, cả một đồng tác phẩm. Con lang thang ở nơi điện đài bát ngát linh thiêng, đầy những nghệ phẩm về tôn giáo, với một vài tình tự hải hùng tinh khiết. Biết bao nhiêu mê cung của kèo cột! Biết bao nhiêu cửa tò vò và nhịp vòng cung nối tiếp nhau! Vang âm mà người ta nghe thấy ở chung quanh những đỉnh mái, mới thật là tuyệt diệu làm sao! Ôi chẳng khác chi với tiếng ầm ì của lớp lớp sóng đại dương, với tiếng thầm thì của đợt đợt gió rừng, hoặc là, với tiếng nói của chư vị thần linh ở trong điện đài thờ phượng! Kiến trúc sư đã tạo dựng ra, với mục đích nói lên rằng, những suy tư và những việc làm của thi nhân, đều đã xúc kích tới mọi tâm tình.

« Trong khi ấy, phải chăng, cho tới bây giờ, sau khi con đã mất khá nhiều công khó mới tìm hiểu được rằng: Không có một sự chính xác nào ở trong thời xa xưa, mà cũng không có cả sự tuyệt hảo nào ở giữa buổi hiện kim. Dĩ vãng và hiện tại là hai pho tượng bất toàn: Cái này rút tỉa tất cả các bộ phận của những tàn tích ở khắp các thời đại. Cái kia thì vẫn chưa hội đủ sự toàn thiện của tương lai.

«Nhưng, hỡi quý vị bạn già của con ơi, có thể rằng, vì các vị đã thường xuyên cư ngụ tại vùng hoang tịch, cho nên chắc hẳn quý vị đã ngạc nhiên, lý do, trong câu chuyện về chuyến du hành của con, đã không một lần nào đề cập tới những công trình của tạo hóa với quý vị?

« Một hôm, con trèo lên trên đỉnh ngọn núi Etna, ngọn núi lửa đang hùng hực thiêu đốt một vùng hải đảo. Con đã nhìn thấy mặt trời đang mọc ở phía chân trời rộng bát ngát, nằm tại một vị thế thấp hơn nơi con đang đứng, đảo Sicile thu nhỏ lại như một cái chấm, ở phía dưới bước chân của con, còn đại dương thì trải dài ra mãi khoảng xa xa. Qua lối nhìn cảnh trí theo chiều thẳng đứng, những con sông đã nom giống y hệt như các đường vạch địa lý vẽ trên một bản họa đồ. Tuy nhiên, trong khi một mặt, con dõi theo những hình ảnh đó, thì mặt khác, con đã ném tầm mắt về phía miệng núi Etna, nơi con đã phát giác ra những lớp dung nham nóng bỏng, nằm ở giữa đám khói của một làn hơi nước đen ngòm.

« Một thanh niên trai trẻ tràn đầy đam mê, ngồi ở trên miệng một núi lửa, và đang khóc cho những người đã khuất, mà trước đó một lúc, hẳn đã nhìn thấy những vùng cư trú ở phía dưới chân, phải chăng, hỡi quý vị lão trượng, chắc chắn rằng hình ảnh đó rất xứng đáng cho quý vị rủ lòng thương xót. Nhưng, nếu quý vị nghĩ tới René, thì, hình ảnh đó sẽ cung hiến cho quý vị rõ biết, về tính tình và về cuộc sống của hắn: Chính vì thế mà suốt cuộc đời của hắn, hắn đã đặt để ở trước mặt hắn, một sự sáng tạo vĩ đại, không cảm nhận được và một vực thẳm mở toác hoác ở bên cạnh hắn! »

« Nói tới những tiếng cuối cùng, René ngưng lại, và rơi ngay vào một cơn mộng ảo. Cha Souel nhìn hắn ta với vẻ ngạc nhiên, về phần vị kỳ lão mù lòa, khi không còn nghe thấy tiếng nói của chàng trai trẻ, thì, chỉ còn biết im lặng suy tư.

« René rán mắt nhìn về phía một nhóm dân bản xứ, đang vui vẻ di chuyển trong vùng bình nguyên. Bất thần, diện mạo anh ta trở nên xúc động, mắt anh ta đỏ lệ rờn rờn, và kêu lớn lên: «Sung sướng thay cho những người man dã! Hỡi ôi, vì sao tôi đã không có thể thụ hưởng được tình tự an bình luôn luôn cặp kề ở bên các bạn! Trong khi chỉ vì một đôi chút hiệu quả nhỏ bé của tình tự đó, mà tôi đã phải chạy đôn chạy đáo qua biết bao nhiêu khu vực, về phần các bạn, các bạn chỉ cần ngồi bình thản, ở dưới gốc cây sồi của các bạn, là các bạn đã có thể mặc cho tháng ngày trôi chảy chẳng cần phải lý tới nữa. Lý lẽ của các bạn chỉ là vấn đề nhu cầu thường ngày và các bạn đã đạt tới trình độ minh triết thật là mau lẹ hơn tôi, chẳng khác chi, trường hợp của bầu trẻ thơ đã chuyển đổi từ những cuộc giỡn đùa sang một cơn say ngủ. Một đôi lần, nếu như, tình tự ưu uất chông chất quá mức độ của hạnh phúc mà các bạn đã đạt được, thì các bạn đã có thể vượt thoát khỏi nỗi buồn qua đường ấy ngay lập tức, và tầm mắt của các bạn liền hướng về phía trời cao với vẻ thắm đậm kiếm tìm một vật vô hình vô sắc, mà tôi không thể

biết rõ được, nhưng chính vật đó đã nắm giữ niềm thương xót đối với đám dân man dã khôn khổ. »

« Tới đây tiếng nói của René lại ngưng đọng lại một lần nữa, đầu anh ta gục xuống phía lồng ngực. Chactas đưa tay vào khoảng không gian tối ám, nắm lấy cánh tay của người con nuôi, kêu lên, qua một giọng thật là cảm động: « Con trai của ta ơi, con trai thân mến của ta ơi! Những tiếng nhấn giọng đó, đã làm cho cậu em trai của Amélie sực tỉnh, mặt anh ta đỏ au lên vì bối rối, để rồi, cất tiếng khẩn cầu người cha nuôi tha lỗi cho anh.

Thế là ông già man dã liền nói: « Hỡi người bạn trẻ của ta ơi, những cơn biến động của con tim như loại con tim của bạn khó mà cân xứng với nhau cho được. Vậy chỉ có cách hòa hoãn bớt tính tình, đã làm cho bạn bị thống khổ lại một đôi phần. Nếu như, bạn đã khổ đau hơn người khác, thì bạn đừng có lấy làm ngạc nhiên, bởi vì một tâm hồn cao thượng đều phải chịu đựng nhiều thương đau hơn, so với một tâm hồn tị tiện. Hãy tiếp tục câu chuyện của bạn đi. Bạn đã dẫn chúng ta đi vào một phần đất của Châu Âu, bạn đã cho chúng ta biết về tổ quốc của bạn. Bạn biết rằng, ta đã từng nhìn thấy Pháp quốc, và đã có một vài mối giây liên hệ ràng buộc tại đó. Ta ưa thích được nghe nói tới vị quốc trưởng^[41] của đất nước ấy, ông không còn nữa, nhưng ta đã được tới thăm viếng ngôi lầu lộng lẫy của ông ta. Bạn ơi, giờ đây, ta chỉ còn trông nhìn bằng ký ức. Một người già nua tuổi tác chỉ còn sống với kỷ niệm của mình, giống y hệt như một cây sồi cằn cỗi ở trong rừng cây của chúng ta: Cây sồi đó không còn trang điểm bằng tầng lá nữa, nhưng thỉnh thoảng, nó đã che phủ được cho các loài cây nhỏ bé xa lạ, đâm chồi bắt rễ ở trên đám cành nhánh khẳng khiu cổ kính của nó. »

Sau những lời lẽ ấy, cậu em trai của Amélie, đã dịu lại, và kể tiếp câu chuyện lòng của cậu ta:

« Hỡi ôi, cha ơi, con không thể thuật lại cho cha biết về diễn biến của thế kỷ vĩ đại, mà con chỉ được nhìn thấy đoạn cuối trong lớp tuổi ấu thơ và nó đã tan biến vào lúc con khởi sự gia nhập theo đời sống của tổ quốc. Một biến cố quá bất ngờ, quá dị thường bao giờ cũng xé nát cả một dân tộc dung chứa biến chuyển đó. Tất cả thương tầng cơ sở về thần linh, về sự kính ngưỡng tôn giáo, về gánh nặng của phong tục tập quán, đã bất thần bị nhào lật bởi tài uốn éo của suy tư, của tình trạng vô luân, và của tinh thần đòi truy.

“Thật là, hoàn toàn vô ích khi con hy vọng tìm lại được ở trong xứ sở con, một sự kiện có thể xoa dịu những mối ưu tư lo lắng, lòng ao ước hăng say ấy, đã dõi theo con ở khắp các nơi chốn. Công trình khảo sát địa cầu không đem đến cho con một chút lợi ích nào, trong khi, con lại không có được một tâm tình hiền hòa của lớp người vô học.

“Chị con, với một thái độ dị kỳ, dường như đã chỉ thích làm gia tăng thêm nỗi sầu muộn của con. Chị đã rời khỏi Paris vài ngày trước khi con về tới. Con viết thư hẹn sẽ tìm gặp chị. Chị vội vã trả lời con, với mục đích làm cho con chuyển đổi ý định, lấy cớ rằng, chị không chắc đã lưu lại ở nơi mà chị đã được gọi tới, vì những công việc riêng tư của chị. Thật là một phản ứng buồn nản, mà con không hề nghĩ tới, về mối tình thân hữu - Gần nhau thì lạnh nhạt, xa mặt thì cách lòng. Tình thân hữu không thể chống kháng nổi với những điều bất hạnh, mà còn làm suy giảm cả sự may mắn, hanh thông!

“Thế là, ngay khi ở trong đất nước của mình, con đã cảm nhận thấy mình bị lẻ loi cô độc hơn cả lúc còn ở nơi xứ lạ quê người. Con chỉ muốn được lao mình vào một thế giới, mà ở đó, không có một ai thềm nói với con một lời nào, và không có một ai thềm nghe con nói một tiếng nào, trong một vài giây phút. Tâm hồn con, một tâm hồn chưa từng bị dục vọng làm hư hỏng; đã phải kiếm tìm một đối tượng, hầu có thể trói buộc mình vào đó. Nhưng con đã nhận thấy rằng, mình cho ra thì nhiều, và tiếp nhận lại chẳng được bao nhiêu. Không những đã chẳng có một ngôn ngữ xây dựng nào, mà còn chẳng có một tâm tình thâm trọng nào lưu ý đòi hỏi ở con. Con chỉ còn biết tiêu phí hết mọi thời giờ để thu hẹp đời sống của con lại, và cũng để đặt đời sống của mình ngang hàng với tầm mức của xã hội. Ở khắp nơi, con đã đối xử với mọi người theo một thái độ cuồng ngông nhưng chính con, con lại hổ thẹn với vai trò con đang thủ diễn, dần dần con chán ngấy mọi sự vật và mọi lớp người, con đã lui về ẩn trú tại một vùng ngoại ô, để được sống một nếp sống không ai biết tới mình.

“Thoạt đầu, con cảm thấy vui thỏa với nếp sống tối tăm và tự lập. Vì nhớ tình trạng xa lạ, con đã hòa mình vào với đám đông: khu vực cô tịch bất ngát của loài người!

“Con thường ngồi ở trong một ngôi giáo đường thừa thớt người lui tới, để kinh qua những giờ phút đắm mình suy tưởng. Con đã nhìn thấy những người đàn bà nghèo khổ, đến bái lạy ở trước bàn thờ đức chí tôn, hoặc những kẻ có tội đến quỳ gồi ở nơi phòng xưng tội. Không một ai khi ra khỏi các nơi chốn ấy mà lại không có một bộ mặt bình ổn thanh tịnh, và dường như, những tiếng ồn ào âm ỉ mà người ta đã nghe thấy, từ bên ngoài, giống như những lượn sóng của đam mê và của nghịch cảnh ở nơi trần thế đã kéo về để ngưng đọng lại ở dưới chân ngôi điện đài thờ phụng Thiên Chúa. Thương để người đã nhận thấy những giọt lệ bí ẩn của con tuôn đổ, trong lúc con ngồi ở trong khu vực ẩn trú linh thiêng này, chắc người cũng đã biết rằng, con đã từng quỳ ở dưới chân người biết bao nhiêu lần, để khẩn nài người, hãy cởi bỏ giúp con các gánh nặng tồn sinh, hoặc hãy thay đổi giúp con cái-người-xưa-cũ ở trong con! Than ôi, có ai đã không cảm thấy, một đôi lần nhu cầu được tái sinh, nhu cầu được cái lão hoàn đồng theo với những làn nước của giòng thác, nhu cầu được tôi luyện lại tâm hồn ở trong giòng đời hay không nhỉ? Và có ai, một đôi lần, đã không cảm nhận thấy gánh nặng của sự đòi truy ở bản thân và tình trạng bất khả thực hiện những công trình vĩ đại cao quý, và công minh, hay không nhỉ?

Khi chiều tới, trên đường trở về nơi ẩn lánh, con đã dừng chân đứng lại ở các cây cầu, để ngắm nhìn cảnh mặt trời lặn. Vùng dương, trong lúc nổi bật lên ở giữa đám hơi nước của thành phố, đã nhẹ nhàng lay động ở trong một làn chất lỏng vàng ối, nom chẳng khác chi một quả lắc đồng hồ của hàng bao thế kỷ. Cuối cùng, con đã lui bước về với bóng đêm, băng ngang qua một mê cung đường phố tịch mịch. Ngắm nhìn những làn ánh sáng từ nơi cư trú của loài người hát toả ra, con đã liên tưởng tới những cảnh trạng đau thương và vui thỏa, mà lớp lớp ánh đèn kia đang soi chiếu. Và, con nghĩ rằng dưới vạn ngàn mái ngói của các vùng cư trú, con đã không có lấy một người bạn nào. Giữa cơn suy tưởng của con, giờ khắc vẫn lạnh lùng đập một cách chùng mịch, ở trong những vòng tháp của ngôi nhà thờ chính tòa, xây theo kiểu Gô Tích. Nhịp đập ấy đã được nhắc đi nhắc lại ở khắp các khoảng cách từ ngôi nhà thờ này sang ngôi nhà thờ kia, bằng nhiều loại âm điệu khác biệt nhau. Hỡi ôi, mỗi giờ khắc lại có thêm một ngôi mộ được khai mở ra ở trong xã hội và mỗi giờ khắc đã làm tuôn đổ ra biết bao nhiêu giòng lệ.

“Nếp sống, thoát đầu, đã đem lại cho con tình tự mê say, thoải mái, chẳng bao lâu, đã khiến cho con không thể chịu đựng nổi nữa. Con mệt mỏi vì phải nhai đi nhai lại những cảnh trạng và những suy tư giống y hệt nhau. Con đã đặt vấn đề dò tìm con tim của con, bằng cách tự hỏi xem con muốn gì. Nhưng con không thể hiểu nổi, thỉnh linh, con bỗng tin tưởng rằng, rừng cây có thể sẽ đem lại cho con tình tự khoan khoái. Thế là, bất chợt, con có ý định phải đẩy ải mình vào một khu vực đồng nội, để khởi sự hoàn tất một công việc cực nhọc, mà con đã từng bị ngấu ngiến ở trong đó hằng bao nhiêu thế kỷ qua.

“Con hằng say ôm chặt lấy dự định đó, dự định mà con đã đặt hết chú tâm vào. Con hối hả lên đường để tự chôn vùi mình ở trong một căn lều gianh, giống y như hồi xưa lúc con đã lên đường đi vòng quanh thế giới vậy.

“Con bị thiên hạ cáo buộc là đã có những sở thích bất thường, không thể thụ hưởng lâu dài một loại ảo vọng tương tự, do đó, con đã trở thành con mồi của giòng tưởng tượng, lúc nào cũng hồi hải tiến vội tới điểm tột cùng của những niềm vui thỏa, dường như, giòng tưởng tượng đó đã bị ép nén, bởi những hạn kỳ của nó: Hỡi ôi, con đã chỉ kiếm tìm một điều tốt lành vô danh vô tướng, mà bản năng của con hằng săn đuổi. Phải chăng, đó là lỗi của con, cho nên, con đã tìm thấy các chung điểm mốc hạn ở khắp mọi nơi, cho nên, nơi ngưng nghỉ của người khác đã chẳng có một giá trị nào đối với con cả. Trong khi, con cảm thấy ưa thích loại tình cảm đồng điệu của đời sống, và nếu như, con vẫn còn tin tưởng mãnh liệt về hạnh phúc, thì có lẽ đó chỉ là, một sự kiếm tìm theo thói quen của con mà thôi!

“Tình tự cô đơn tuyệt đối, cảnh trí của thiên nhiên, đã lao ném con vào trong tình trạng, hầu như, không thể diễn tả nổi. Không cha mẹ, không bạn bè, có thể nói được rằng, con đã bị bơ vơ một mình ở trên cõi dương thế này, và đang mò mẫm tìm kiếm “tình yêu”, đồng thời, đã bị sức sống quá độ đè trĩu lên đôi vai. Thỉnh thoảng, con đã đổ mặt bất thần và cảm thấy như đã có những giòng phún thạch đặc quánh luôn chảy ở trong tim. Thỉnh thoảng, con thốt ra những tiếng kêu vô cớ, và, ngay trong lúc đêm khuya, con đã bị rối động bởi những giấc mộng mị và những cơn trần trọc. Hồ thắm sinh tồn ở nơi con đã không thể đóng đầy nổi, có lẽ là vì, con đã

thiếu thốn một vài sự vật gì đó: Con đi xuống lũng thấp, con trèo lên đỉnh non cao, và đã tận dụng lòng thèm khát, để thét gào đòi hỏi cái thể tài lý tưởng của ngọn lửa trong tương lai. Con ôm giữ thể tài đó, ở giữa những cơn gió. Con ngỡ rằng mình đã nghe thấy tiếng nói của thể tài đó ở trong những cơn rên xiết của giòng sông, nhưng, tất cả đều chỉ là bóng ma ảo tưởng, ngay cả các vì tinh tú của trời cao, ngay cả những nguyên tắc về đời sống của vũ trụ.

“Song le, tình trạng bình ổn và rồi động, thiếu thốn và đầy ắp, phải chăng chính là một vài lạc thú: Một hôm, con đã ngồi tần mẩn, bứt từng chiếc lá từ một cành dương liễu, ở bên cạnh giòng suối và đã gắn chặt suy tư theo từng chiếc lá đang bị giòng nước cuốn trôi. Có thể bảo rằng, một vì quân vương, trong thời gian đang e ngại bị mất chiếc vương miện, do một cuộc cách mạng bất thần xảy ra, cũng không có được những tình tự sâu buồn quá mãnh liệt giống như trường hợp của con vào những lúc mà những mảnh tàn tích của cành dương liễu đang gặp phải những đe dọa hiểm nghèo. Ôi, yếu đuối thay những kẻ đã quá vãng! Ôi, ấu trĩ thay cho những con tim chẳng bao giờ già dặn nổi! Vậy thì, tình tự ngây thơ phải ở vào mức độ nào, lý lẽ đồ sộ lớn lao mới có thể hạ giảm xuống được! Và, thêm nữa, phải chăng, đã có một số người thích ràng buộc phần số của họ vào những sự vật còn kém giá trị, hơn cả những chiếc lá dương liễu của con?

“Nhưng làm sao để biểu lộ được, những chuỗi cảm xúc thoáng qua, mà con đã nghiệm thấy ở trong những chuyến du hành của con? Các âm thanh tạo nên tình tự say đắm trong khoảng trống vắng của con tim đơn độc, giống như tiếng thầm thì của gió và của nước, mà người ta đã nghe thấy, ở trong một tình trạng tĩnh lặng tại các vùng hoang tịch: Người ta có thể thụ hưởng tình trạng đó, nhưng người ta không thể phác họa lại nổi.

“Mùa thu, đã đến với con vào giữa tình trạng tiến thoái lưỡng nan ấy: Con mê say bước vô lớp thàng ngày của bão tố. Có lúc, con đã muốn trở thành một chiến sĩ lang bạc kỳ hồ ở trong những cơn gió, những đám mây, và những bóng ma. Có lúc, con đã thèm khát được sống đời sống của lớp mục tử mà con đã nhìn thấy họ hơ tay trên đồng lửa đơn giản của đám cây gai, tại một góc rừng. Con lắng nghe tiếng hát u sầu của họ, tiếng hát khiến cho con gợi nhớ được rằng, ở khắp các xứ sở, tiếng hát tự nhiên của con người luôn luôn buồn bã, ngay cả khi họ muốn biểu dương nỗi niềm hạnh phúc của họ. Con tim của chúng ta là một khí cụ bất toàn, một chiếc đàn thụ cầm thiếu dây, và một chiếc đàn thụ cầm mà chúng ta đã gắng sức tạo ra các âm thanh vui thỏa trên những cung bậc chỉ dành cho những tiếng kêu than.

“Ban ngày, con lạc lõng giữa đám thạch thảo bát ngát, ở tận cùng của các khu rừng cây. Nơi không thiếu những sự kiện để con mơ mộng! Một chiếc lá khô đang bị cơn gió đẩy đưa ở trước mặt con, một mái tranh nghèo vơi làn khói lam vượn mình khỏi đám cây lá, lớp rêu trên thân cây sồi run rẩy bởi cơn gió bắc, một viên đá tảng đơn chiếc, hẻo lánh, một hồ nước tịch mịch, thâm u, nơi cỏ lác héo úa, tàn tạ đang thắm thì! Tiếng chuông cô quạnh nổi lên ở mãi phía lũng xa, đã thường lôi cuốn tầm nhìn của con, con thường dõi mắt trông theo những bầy chim di hành, băng ngay qua đỉnh đầu con. Con mừng tượng tới các bờ bên mới lạ, những vùng khí hậu ở chốn xa xăm, nơi bầy chim trời sẽ bay tới. Một bản năng thầm kín đã làm cho con quay cuồng, sầu khổ. Con cảm thấy mình chỉ là một lữ khách, không hơn không kém, nhưng, một giọng nói từ phía trời cao, dường như, đã bảo với con rằng: “Này người kia, cuộc di hành của đời người đâu đã tới, người hãy đón đợi cơn gió tử thần nổi dậy, để mà mở cánh tung bay về nơi phương trời xa lạ, nơi con tim của người đang ngóng đợi, trông chờ”.

“Hỡi trận giông bão đang được đợi mong kia ơi, mi hãy mau mau cuốn thổi để mang theo tên René này tới miền sống mới! Phải nói rằng, ta đang rảo bước, với bộ mặt đỏ lửa, với tiếng gió hú gào trên mái tóc, không màng tới mưa đổ, sương rơi, sấu bi, vui sướng và đã đang đắm đuối bởi tình tự tinh quái của con tim.

“Đêm về, khi những đợt gió bắc kéo tới, lay chuyển căn lều của con, khi những cơn mưa như thác lũ rót đổ ào ào trên mái nhà của con đang cư ngụ, lúc mà, qua song cửa sổ, con đã nhìn thấy vầng trăng đang xé nát lớp lớp mây trời, nhìn chẳng khác chỉ một con tàu nhọt nhọt đang cày sới những làn sóng cả, sức sống đã dâng tràn rào rat, bồi tăng lên ở trong người con, dường như, con đã dư thừa năng lực để tạo tác hằng hà thế giới. Ôi, giả như con có thể san sẻ với một người khác sức chuyên chở mà con đã cảm nhận được! Ôi Thượng đế! Nếu như Ngài đã cung

dưỡng cho con một người đàn bà theo đúng với sở ước của con: Nếu với địa vị của một người cha đầu tiên của chúng con, Ngài đã đem đến cho con một nàng Eve rút tia ra từ thân xác con... Hỡi Thượng đế tuyệt mỹ ơi! Con sẽ quỳ gối ở trước mặt Ngài, để Ngài ôm ấp con trong vòng tay Ngài, và con sẽ khẩn nài mãi mãi, để được dâng lên Ngài những ngày cuối cùng của đời con.

“Hỡi ơi! Con là một kẻ cô độc, cô độc ở trên thế gian này! Một tình tự uế oải thầm kín đang xâm chiếm khắp thể xác con. Tình tự nhòe mờ đời sống mà con đã thụ nhận được từ thuở ấu thời, đang kéo tới với một nguồn lực đạo mới mẻ. Giờ đây, trái tim của con đã không còn đủ sức cung dưỡng các món ăn cho suy tư của con nữa, và con chỉ còn nhận thấy được một tình cảm chán chường buồn nản; ngập tràn ở trong cuộc sinh tồn của con.

“Hỡi thầy tư tế của miền thượng giới cao cả, Ngài hãy lắng nghe lời van cầu của con, hãy tha thứ cho một kẻ khốn khổ, kẻ mà trời cao, hầu như, đã dành cho hẳn những lý lẽ riêng tư. Con là một kẻ sùng mộ, nhưng con đã lý luận như một tên bội nghịch phản đạo, lòng con luôn kính yêu Thượng đế, nhưng tâm não con lại phủ nhận Ngài. Hạnh kiểm của con, lời diễn từ của con, xúc cảm của con, suy tư của con, chỉ là những mâu thuẫn, những ngu xuẩn, những dối trá. Nhưng, nếu như con người đã thông hiểu rõ điều mình ước muốn, thì họ có luôn luôn tin tưởng chắc nịch được những điều gì họ đã nghĩ ra, hay không?

“Cùng một lúc, tất cả đã vượt thoát khỏi tầm tay của con, tình thân hữu, cõi thế gian, nơi ẩn trú. Con đã từng xét nghiệm về mọi sự kiện, nhưng tất cả chỉ là sự tàn hại, ác độc. Bị xã hội đẩy đi, bị Avuene bỏ rơi, không những thế con còn bị thiếu vắng cả đến sự cô độc, thì, con còn có gì nữa đây? Sự cô độc chính là mảnh ván cuối cùng, mà con hy vọng vào để cứu rỗi cuộc đời của con, thế mà, giờ đây, con có cảm tưởng rằng, nó cũng đang bị chìm lún xuống vùng vực thẳm nốt!

“Nhận thấy rằng, mình phải gạt bỏ hết mọi gánh nặng của cuộc sống, con cương quyết đặt tất cả các lý lẽ vào những hành động thật phi lý. Không có gì thúc bách, nên con không định rõ ngày mình sẽ lên đường, hầu có thể say sưa tận hưởng những giây phút tận cùng của cuộc sống, và có thể gom góp được tất cả mọi nguồn sức mạnh, bắt chước theo một nhân vật cổ xưa^[42], nhằm tìm hiểu về trạng thái thoát xác của con.

“Đúng lúc ấy, con ngỡ rằng mình cần phải thu xếp những vấn đề liên hệ về tài sản của con, bởi vậy, con đã bắt buộc phải viết thư cho chị Amélie. Mọi phiền hà về việc chị lãng quên con, hình như, đã vượt ra khỏi vùng suy tư của con, và chắc chắn là, con đã phó mặc cả những nỗi đau thương đang dần dần xuyên thẳng vào tim óc của con. Song le, con tin rằng, mình đã trộn lẫn một vài tư tưởng thầm kín vào lá thư, cho nên, chị con; người từng quen thuộc với nếp suy tư của con đã đoán ngay được không mấy khó. Chị hoảng sợ vì những giọng điệu đối nghịch ở trong bức thư của con, và những câu tra tấn về các công việc, mà xưa nay con chưa hề bao giờ lý đến. Vì thế, đáng lẽ trả lời con, chị đã bất thần đến tận nơi gặp lại con.

“Phải chăng vì cảm nhận thấy mình đang chìm ngập ở trong một trạng thái đau thương, chua xót. Phải chăng vì những chuyên chở ở trong con, cho nên vừa gặp chị Amélie, một người độc nhất mà con ưa thích ở trên cõi trần hoàn này, một người mà con đã hội tụ tất cả cảm tình, kèm với những kỷ niệm của thời thơ ấu vào đó. Con đã tiếp đón chị trong một trạng thái cực kỳ hân hoan. Hay có lẽ, đã từ lâu con không tìm thấy được một người nào biết lắng nghe con nói, một người mà ở trước mặt họ, con có thể bộc lộ hết tâm hồn của con ra!

“Chị Amélie lao mình vào trong vòng tay của con, và bảo con rằng: “Câu bạc ác lắm, câu định chết, bỏ mặc chị sống một mình! Cậu nghi ngờ cả tấm lòng của chị; Cậu đừng vội giải thích, cậu cũng đừng xin lỗi, chị hiểu hết, chị biết hết, biết như chị đã sống ở kề bên cậu bấy lâu này vậy. Phải chăng chị, người đã bị cậu dối gạt, chính là người đã nhìn thấy những xúc kích đầu tiên của đời cậu? Đây cũng là những đặc tính khốn khổ của cậu, những khinh khi, nhằm tởm của cậu, những nỗi bất công của cậu. Hãy thề đi, trong khi chị đang ôm cậu sát vào con tim của chị, hãy thề đi, thề rằng, đây là lần cuối cùng mà cậu đã trao phó cậu cho ý nghĩ cuồng điên của cậu, hãy tuyên thệ là đừng bao giờ xâm phạm tới chuỗi ngày sống của cậu, hãy thề đi”.

“Nói một thôi một hồi xong, Amélie ngừng lại nhìn con với vẻ âu yếm, từ ái, rồi hôn tới tấp lên trán con, chị hầu như đã là một bà mẹ, chị chính là một sự vật thật êm ái, nhu hòa. Hỡi ơi! Con tim của con đã rộng mở, với tất cả niềm vui thỏa giống như một đứa trẻ, con chỉ cầu mong

được an ủi, dỗ dành, thế là con đã nhường bước vì tấm lòng bao la của chị Amélie. Chị đòi con một lời thề nguyện trang nghiêm, trịnh trọng. Con đã thi hành lệnh đó ngay lập tức, không một chút ngập ngừng, và cũng không nghi ngờ gì rằng, kể từ đó về sau, con sẽ có thể bị khốn khổ.

Trải qua hơn một tháng trường, chúng con đã tập thành được thói quen chung sống bên nhau. Mỗi buổi sáng, thay vì, chỉ thấy có một mình con, con đã nghe thấy tiếng nói của chị con, con đã cảm nhận được những cơn rung mình vì vui sướng và hạnh phúc. Chị Amélie thì thụ cảm được một vài hiện tượng thánh linh của thiên nhiên, tinh thần của chị cũng tràn ngập đường nét ngây thơ như thể xác của chị, tính tình của chị thật nhu hòa, hiền dịu, dường như, chị chính là chất vị ngọt ngào pha thêm một đôi chút mộng mơ. Người ta cho rằng, tấm lòng của chị, suy tư của chị và tiếng nói của chị giống như một khúc hòa tấu nhịp nhàng, chị đã giữ được tính tình e thẹn, rụt rè của nữ tính, cộng thêm với tình tự yêu thương, cùng sự tinh khiết và êm ái của chừ vị thiên thần.

“Thời gian mà con phải đền tội bất nhất của con đã tới. Giữa cơn cuồng nhiệt của con, con đã mơ ước chuốc vào mình một sự bất hạnh, để ít ra cũng có một sự kiện đích thật có thể tạo nên được mối đau thương cho con: Con hoảng sợ khẩn ước rằng, trong cơn thịnh nộ, Thượng đế đã chuẩn nhận sự kiện đó một cách quá tả!

“Hỡi các người bạn thân mến của con ơi, con phải trình bày thế nào với các người đây! Các người hãy nhìn những giòng lệ đang tuôn đổ ra từ đôi mắt của con. Giá như, con có thể... không để cho một ai moi móc được những điều thầm kín của con, như mấy ngày trước đây... Nhưng hiện tại, thì đã chấm dứt rồi!

“Các vị lão giả ơi, tuy thế, câu truyện này cũng sẽ không bao giờ bị chôn vùi ở trong vùng hoang tịch này đâu: Mặc dù, quý vị đã biết là, câu truyện chỉ được kể lại ở dưới gốc cây thuộc vùng hoang dã!

“Mùa đông đã hết, đúng vào lúc ấy, con nhận thấy chị Amélie đã không còn ở vào tình trạng ngơi nghỉ, sức khỏe của chị khởi sự sút giảm lần lần vì con. Thân xác chị gầy guộc, mắt chị trũng sâu, dáng đi của chị uể oải, tiếng nói của chị rối động, bất bình thường. Một hôm, con ngạc nhiên thấy chị vừa khóc vừa quỳ ở trước một cây thập tự giá. Thế gian, tình tự cô đơn, những lúc vắng bóng con, những khi có mặt con, đêm tối, ngày dài, tất cả đều làm cho chị hoảng hốt. Những tiếng thở dài vô duyên cớ đã được thốt ra từ đôi môi của chị. Có lúc chị chịu đựng nổi những chuyến du hành khá xa, không hề biết mệt mỏi. Có lúc, chị cảm thấy khó khăn trong mọi vấn đề, chị bày công việc ra làm, để rồi bỏ dở lưng chừng, chị mở một cuốn sách ra đọc, để rồi chẳng buồn đọc, chị khởi đi được mấy câu đầu để rồi bỏ rơi những câu cuối, bất thần mắt chị đổ lệ chan chứa, và, chị đã rút vào một nơi ẩn trú kín đáo để khẩn nguyện.

“Con đã luống công vô ích trong việc kiếm tìm sự bí ẩn của chị. Khi con ôm chị vào vòng tay, và han hỏi chị về sự bí ẩn đó, chị chỉ biết mỉm cười, vì cũng như con, chị đâu có hiểu nổi điều mà chị đã bị ám ảnh.

“Ba tháng trôi qua, với thực trạng mỗi ngày một tệ hại hơn. Có lẽ, do sự liên lạc thư từ thầm kín của chị, đã khiến cho chị phải đổ lệ, chị đã tỏ ra rất bình thản, hoặc, thật là xúc động, tùy theo những lá thư mà chị nhận được. Thế rồi, một buổi sáng, con đã nhận thấy sự vắng mặt của chị, khi giờ ăn sáng đã trôi qua khá lâu. Con vội vã trèo lên căn phòng của chị, con gõ cửa, nhưng không nghe thấy một tiếng hồi đáp, con mở tung cửa ra, bên trong không có một bóng người. Con chỉ còn nhận thấy một bó giấy ở trên mặt lò sưởi. Con chộp lấy, mở phanh ra, và đọc ngấu ngiến bức thư này, bức thư mà con đã gìn giữ cho tới nay, để có thể tước bỏ những cử chỉ vui vẻ, trong suốt nếp sống ở tương lai.

René,

“Em thân mến của chị, có trời chứng giám cho chị, là chị đã sẵn sàng cung ứng cho em cả ngàn cuộc đời của chị, để tránh cho em khỏi bị sa đọa vào những phút giây khổ đau, chốc lát. Nhưng, bất hạnh thay chị đã không thể dành đời chị cho hạnh phúc của riêng em. Em hãy tha thứ hành động bỏ đi khỏi nhà em, một cách lén lút, như một tên tội phạm, của chị, chỉ vì chị biết rằng, không thể trì kháng nổi với những lời khẩn nài của em, trong khi, chị phải đi... Thượng đế hãy thương xót dùm cho con!

“René ơi, em biết rõ là, chị đã hướng về một cuộc đời sùng mộ. Trong lúc này, giờ đã điểm, chị phải tuân theo lệnh gọi của trời cao. Tại sao, chị đã chậm trễ như vậy! Thượng đế đã trừng trị chị... Em hãy tha thứ cho chị, trong lúc chị đang bị dày vò những nỗi đau thương, khi phải xa rời em.

“Em thân mến của chị, giờ đây, chị cảm nhận thấy cần phải được nương náu vào những nơi dưỡng viện ấy, ngược lại, chị đã nhìn thấy em cao trọng hơn. Có những kẻ bất hạnh đã phân cách chúng ta khỏi cuộc sống của nhân loại: nếu không như vậy, thì, hỏi rằng, lớp người khốn khổ ấy sẽ ra sao?... Chị đã bị phân tán, bối rối bởi chính em, em ạ, lý do, em đã không tìm thấy được nơi ngai nghỉ ở trong phạm vi ẩn trú của tôn giáo: Thế gian này không dâng hiến bất cứ một vật gì cho ta cả, nếu như ta không xứng đáng.

“Chị không đề cập tới lời thề của em: Chị biết là, em luôn trung thành với những lời em nói. Em đã tuyên thệ rằng, em sẽ sống vì chị. Thật không còn gì khốn khổ cho bằng tình trạng suy tư liên tục về vấn đề xa lánh cuộc đời? Em hãy tin rằng, chị mới là một người rất khó sống được ở trên đời này.

“Em thân mến của chị ơi, em hãy mau ra thoát khỏi tình trạng đơn côi, một tình trạng không đem lại cho em một điều gì tốt đẹp cả, hãy kiếm tìm một việc làm để sốc vác, gánh gồng. Chị biết rằng, em sẽ mỉm cười chua chát về những điều cần thiết, mà những con dân của nước Pháp đang ôm vác. Nhưng em chớ có khinh thường những kinh nghiệm và những khôn ngoan của cha chúng ta. Thà rằng, hãy giống với những con người bình thường, một đôi chút, để giúp ta bớt khổ, vất hơn, em thân mến của chị ạ!

“Có thể rằng em sẽ tìm thấy được nguồn an ủi nổi chán chường, buồn nản của em trong hôn nhân. Một người vợ, một đám con thơ, sẽ làm cho em bận bịu suốt ngày. Tại sao, một người đàn bà lại sẽ không đem cho em tình tự sung sướng, hạnh phúc được nhỉ? Với tâm hồn nồng nhiệt của em, với thiên tài tuyệt mỹ của em, với vẻ dạng quý phái và mê đắm của em, với cái nhìn kiêu kỳ và hiền dịu của em, tất cả mọi sự kiện ấy sẽ tạo cho em một niềm tin về tình yêu và sự trung thành của người phối ngẫu. À, với tình trạng ngọt ngào, vui vẻ của em, mà lại không lôi kéo được nàng vào trong vòng tay của em, và ép sát được nàng vào con tim của em sao! Nhất định, tất cả những ánh mắt của nàng, tất cả những suy tư của nàng, sẽ ràng buộc lấy em, giúp em tránh khỏi được những cơn đau thương khổ ải! Nàng sẽ dâng cho em tất cả tình yêu, tất cả mọi hỗn nhiên, ngây dại và tin rằng em đã tìm thấy được một cô em gái vừa ý.

“Chị sẽ tới tu viện... Tu viện này được xây dựng ở trên bờ biển, rất thích hợp với hoàn cảnh của tâm hồn chị. Đêm đêm, nằm ở trong căn phòng của chị, chị đã nghe thấy những tiếng thầm thì của sóng, vỗ đập lên các bờ tường của tu viện. Chị sẽ mơ tưởng tới những cuộc du hành với em, ở giữa rừng cây, khi mà, chúng ta đã ngỡ rằng, chúng ta đang nghe thấy những tiếng động của biển cả, ở trên các đỉnh ngọn thông cao. Hỡi người bạn đường thân quý, trong thời thơ ấu của ta ơi, phải chăng ta sẽ không còn gặp lại bạn nữa? Hơn bạn một vài tuổi, ta đã từng đồng đưa chiếc nôi của bạn, chúng ta cũng thường chung ngủ bên nhau. À, giá như, chúng ta sẽ cùng được nằm chung với nhau trong một nấm mộ, vào một ngày nào đó nhỉ! Nhưng không đâu: Ta sẽ phải nằm một mình, ở dưới tấm đá hoa cương lạnh lẽo tại nơi thánh đường này, nơi ngai nghỉ của các thiếu nữ không hề được yêu thương.

“Chị không hiểu rằng em có đọc nổi những giòng chữ hoen ố bởi những giọt nước mắt của chị hay không. Sau cùng, hỡi người bạn của ta ơi, sớm muộn gì, chúng ta cũng phải chia biệt nhau? Vậy bạn có cần ta cung dưỡng cho bạn, về những bất định của cuộc đời và một đôi chút trị giá về đời sống, hay không? Bạn hãy nhớ tới trường hợp của người trai trẻ tên M... Người đã bị đắm tàu tại Isle-de-France. Khi mà bạn nhận được lá thư cuối cùng của anh ta, một vài tháng sau khi anh ta chết, lúc mà di hài của anh ta không còn tồn tại ở trên thế gian này nữa, thì chúng ta mới bắt đầu để tang ở Âu châu, trong khi anh ta đã được chôn cất ở mãi tận Phi châu. Phải chăng, con người đã vui lấp kỷ niệm một cách thật nhanh chóng. Một phần lớn bạn bè của anh ta đã không thể biết được cái chết của anh ta, một vài kẻ khác lại đến an ủi, chia buồn với họ. Như vậy, thì thế nào là thân thiết, thế nào là không thân thiết, hỡi René, kỷ niệm về chị có thể bị vui dập nhanh chóng ở trong tâm hồn em hay không, nhỉ! Ôi em thân mến của chị, nếu như chị có tách rời em trong thời gian này, cũng chỉ là vì chị không muốn cách biệt với em ở

trong miền vĩnh cửu vậy.

Amélie,

T.B. “Chị đính kèm theo đây bản kế ước chuyển nhượng tài sản của chị cho em, mong rằng vì dấu tích của tình bằng hữu, em chớ có từ chối”.

“Sét đánh ở ngay dưới chân con, cũng không gây được niềm hãi hùng so với lá thư đó. Không biết chị Amélie đã giấu diếm con một bí ẩn gì? Không biết ai đã vừa ép buộc chị phải chấp nhận gia nhập vào đời sống tôn giáo? Vì đâu chị đã không ràng buộc với cuộc sinh tồn của con, mà đã bất thần bỏ rơi con? Ôi, tại sao chị đã tới để lật ngược mọi dự tính của con? Hành vi thương xót đã nhắc nhở chị trở về với con, nhưng lập tức sự mệt mỏi vì phần vụ nặng nề, đã khiến cho chị phải hấp tấp rời bỏ một kẻ khốn khổ, bất hạnh, kẻ chỉ còn tin cậy vào có mỗi một mình chị, ở trên thế gian này. Người ta thường nghĩ rằng, phải làm tất cả những gì có thể làm được, khi mà người ta muốn ngăn giữ một kẻ tìm chết! Đó cũng chính là những bức bối của con. Trở về với bản thân lúc đó, con đã lẩm bẩm nói:

“Bạc bẽ thay, chị Amélie, nếu chị ở vào hoàn cảnh của em, nếu, cũng như em, chị đã từng bị mất hút trong sự trống vắng của những ngày dài, thì chị sẽ không buông bỏ được em của chị đâu.

“Trong khi đọc lại bức thư, con cảm thấy ở trong đó đã không chứa chất một sự kiện gì quá buồn thương và quá dịu nhẹ, nhưng mà nó đã làm cho trái tim con rã rời, tan nát. Bất thần, một ý kiến thoáng hiện đến với con đã làm cho con có được một chút hy vọng: Con ngỡ là chị Amélie đã mê say một người đàn ông nào đó, nhưng mà chị không dám thú nhận. Tình trạng khả nghi ấy đã được con giải thích, bằng vào, nỗi niềm ưu uất của chị, những thư từ liên lạc bí mật của chị, và giọng điệu say sưa đã thoát ra từ trong bức thư. Con lập tức viết cho chị, yêu cầu chị hãy cởi mở con tim của chị ra cho con thấy.

“Chị đã hồi đáp ngay tức khắc, nhưng chị đã không dả động gì tới những bí mật của chị: Chị chỉ cho con hay rằng, chị đã bắt buộc phải giữ gìn những cấm đoán của thời kỳ sơ tu, rằng chị đã bày tỏ xong những lời ước nguyện của chị rồi.

“Con đã phần nộ về sự lì lợm của chị Amélie, về sự bí mật qua những lời lẽ của chị, và về tình tự kém tin tưởng của chị đối với tình thân hữu của con.

“Sau một thời gian ngập ngừng vì định kiến mà con đã vương mang, con quyết định tới B... để hành sử nốt khả năng cuối cùng của con đối với chị con. Mảnh đất mà con đã được dưỡng nuôi trong lớp tuổi thơ ấu, nằm ngay ở trên đường con đi qua. Khi con nhận thấy những khu rừng, nơi con từng rong ruổi, trong thời kỳ sung sướng nhất của cuộc đời con, con đã không cầm giữ nổi những giọt nước mắt, và cũng không cất lên được một tiếng giã biệt cuối cùng với chúng.

“Anh trưởng của con đã bán phần gia sản do cha mẹ con di nhượng cho anh, nhưng người chủ mới không cư ngụ tại nơi này. Con đã tới lâu đài, sau khi vượt qua một thông lộ dài đầy từng bách. Con đã đi bộ bằng ngang qua những chiếc sân hoang vắng, con đã dừng lại, để ngắm nghía những cánh cửa sổ nửa khép nửa hở, hoặc, nửa tàn tạ đổ vỡ, đám cỏ gai bắt rễ ở chân tường, những chiếc lá chất đầy trên ngưỡng cửa ra vào, bức thềm hoang vắng, nơi mà con thường thấy cha con xuất hiện với mấy người nô bộc trung tín. Giờ đây các bậc tam cấp đã phủ kín bởi rêu xanh. Những cây đinh hương vàng hoe vươn lên ở giữa những khe đá tảng rã rời, lũng lểng. Một người gác đàn bất thần mở cửa, xuất hiện ở trước mặt con. Con ngập ngừng tại ngưỡng cửa, người ấy liền la lớn lên: “Ê!... chắc cậu cũng tới thăm viếng, giống như cô thiếu nữ xa lạ đã đến đây, vài ngày trước, phải không? Cô ta đã bị chết giấc, lúc bước vô bên trong, khiến tôi đã phải vác cô ra xe”. Lời nói của ông đã làm cho con nhận được ra ngay, cái cô thiếu nữ xa lạ ấy, thì ra, chị, cũng như con, đã đặt chân tới nơi chốn chứa chất đầy nước mắt và đầy kỷ niệm này!

“Con đã phải che kín đôi mắt của con bằng chiếc khăn tay, một lát, rồi mới bước chân vào dưới mái ấm của tổ tiên con. Con đã đi khắp các gian phòng đầy âm hưởng, nơi mà người ta chỉ có nghe thấy một mình tiếng bước chân của con. Tất cả các căn phòng chỉ được rọi chiếu bởi những làn ánh sáng lơ mơ, xuyên ngang qua những chiếc chấn song cửa đóng kín mít: con đã

viếng thăm căn phòng của mẹ con, nơi mẹ đã chết ngay khi con mới được sinh ra đời; căn phòng của cha con thường lui vào ẩn trú; căn phòng mà con đã từng nằm ngủ ở trong nôi; cuối cùng, là căn phòng nơi mà tình thân hữu đã nhận chịu những ước nguyện tiên khởi của con, trong lúc, con nằm trong lòng chị con. Tất cả các căn phòng đều bỏ trống, mành nhện chẳng phủ đầy những chiếc giường nằm không được dùng tới nữa. Con vội vã kéo dài bước chân trốn chạy khỏi nơi chôn này, không dám quay đầu nhìn lại. Ôi, những giờ phút mà anh em, chị em nhỏ bé thơ dại sống quây quần ở dưới đôi cánh của cha mẹ già yếu, mới thật quả là êm đềm, nhưng cũng thật quả là nhanh chóng, biết bao! Cuộc sống gia đình của loài người chỉ đáng có một ngày, để rồi những làn hơi thở của Thượng đế sẽ làm tan biến đi giống như một làn khói. Thật là khó khăn để cho người con tìm biết được người cha, người cha tìm biết được người con, em tìm hiểu được chị, chị tìm hiểu được anh! Cây sồi đã gây mầm mống ở quanh mình nó: Con cái của loài người đã không làm như vậy!

“Ngay khi tới B...[43], con đã đi thẳng đến tu viện. Con yêu cầu được nói chuyện với chị con. Người ta cho biết là chị không tiếp kiến một ai cả. Con liền viết cho chị: Chị trả lời rằng, vì sắp đến giờ dâng hiến lên Thượng đế, cho nên chị không được phép phát biểu ý kiến với bất cứ người nào. Và, nếu như, con yêu thương chị, thì, con nên tránh đừng làm cho chị phải gánh chịu về nỗi thương đau của con. Chị tiếp: “Trường hợp nếu em tới đây với mục đích hiện diện trước bàn thờ trong ngày chị xưng tội, thì, hãy thay thế cho địa vị của cha, một phần vụ độc nhất sẽ làm cho em xứng đáng với tấm lòng can đảm của em, một phần vụ duy nhất thích hợp với tình thân hữu của em và với sự ngại ngùng của chị”.

“Tình tự lạnh lùng khép kín ấy, đối nghịch với sự nồng nhiệt của tình thân hữu ở nơi con, nó đã lao ném con vào một cơn giận dữ sôi nổi. Có lúc, con đã gần như có ý định quay trở về, có lúc, con lại muốn ở lại, với mục đích duy nhất là phá đám buổi lễ. Quỷ dữ đã súi dục con nghĩ cả tới việc tự tử bằng dao găm ở ngay trong nhà thờ, hầu dùng hơi thở cuối cùng của con, với cầu ước lỗi lạc kéo chị ra khỏi buổi lễ. Vị nữ tu viện trưởng đã báo cho con biết trước rằng, người ta đã sửa soạn sẵn một chiếc ghế dài dành cho con, ở trong chính điện và bà đã mời con tới tham dự buổi lễ, sẽ được tổ chức vào ngày hôm sau.

“Mặt trời vừa ló dạng, con đã nghe thấy những tiếng chuông đầu tiên... Khoảng mười giờ, con đi về phía tu viện, trong tình trạng một kẻ hấp hối. Thật không còn gì có thể bi thảm hơn trường hợp phải chứng kiến một cảnh trạng giống như vậy. Thật không còn gì đau khổ cho bằng trường hợp phải tiếp tục sống, sau khi đã chứng kiến cảnh trạng đó.

“Một đám đông đã kéo tới, đứng đầy nghẹt ở bên trong nhà thờ. Người ta dẫn con tới chiếc ghế dài, đặt tại chính điện. Con vội vàng quỳ xuống; hầu như, đã không hiểu rằng mình hiện đang ở đâu, mà cũng không hiểu vì sao con đã quyết định như vậy. Vị linh mục chủ lễ đã chờ sẵn ở trước bàn thờ, bất thành linh, chiếc cửa sắt bí mật được mở ra, Amélie tiến tới, chị được trang điểm theo đường lối phù hoa tục lụy. Chị thật đẹp, vẻ mặt chị có vài đường nét vô cùng tinh khiết, chị phát họa ra một cử chỉ ngạc nhiên và ngưỡng mộ. Thất bại trước thắng lợi đau thương của người thiếu nữ thánh thiện, bị quật ngã bởi sự vĩ đại của một tôn giáo, tất cả dự tính mạnh bạo của con đã bị tắt ngấm, sức lực của con đã từ bỏ thân xác con, con có cảm tưởng rằng mình bị gắn chặt vào một bàn tay của Thượng đế chí tôn, nên thay vì phạm thượng và hăm dọa, con cảm thấy lòng con dâng lên một niềm kính ngưỡng sùng mộ và những tiếng rên rỉ khiêm nhường tự hạ.

“Chị Amélie đứng ở bên dưới một chiếc tán. Buổi lễ bắt đầu trong ánh sáng của những ngọn nến ở giữa những bông hoa và những làn hương thơm, nhằm giúp cho người chịu lễ dễ chịu, thoải mái. Trong lúc đọc kinh tiến lễ, vị linh mục đã cởi mở bỏ bớt trang phục ra, chỉ còn giữ lại một chiếc áo dài bằng loại vải gai. Đứng ở trên giảng đàn, tuyên đọc một diễn từ đơn giản và xúc cảm, phác họa về hạnh phúc của người trinh nữ, đã tự hiến dâng mình cho Chúa, khi ông đọc tới câu: “Nàng đã hiện ra như trầm hương tiêu mòn trong lửa đỏ”, thì một bầu không khí tĩnh lặng và những làn hương thơm từ phía trời cao, đã tỏa lan tới đám thánh giả. Người ta có cảm tưởng như đang được ẩn trú dưới đôi cánh của một con chim câu thần bí, và người ta đã ngỡ rằng họ đã nhìn thấy chư vị thiên thần giáng hạ xuống khu bàn thờ, rồi lại bay về phía trời cao với những làn hương và những chiếc vương niệm.

“Vị linh mục chấm dứt bài diễn từ, ông bận trang phục lại như cũ, tiếp tục cuộc lễ. Amélie, được hai nữ tín đồ nâng đỡ, đã quỳ xuống chiếc bệ tam cấp cuối cùng của bàn thờ. Người ta lập tức, tìm tới chỗ con để mời con hành sử phần vụ của người thân quyến. Dõi theo tiếng bước chân lão đạo của con tại nơi chính điện, chị Amélie như sắp ngất xỉu. Người ta đưa con tới, đứng ở bên cạnh vị linh mục, để trình những chiếc kéo lên cho người thấy. Giữa thời gian này, con cảm thấy những chuyển vận nổi lên ở trong con, cơn hung bạo của con đã nổ bùng ra, đúng vào lúc chị Amélie đang nhắc nhở tới sự can đảm của con và ném cho con những cái nhìn đầy vẻ trách móc, đầy vẻ đau khổ, khiến cho con đã phải gục ngã. Tôn giáo đã thắng cuộc. Chị con lợi dụng cơn bối rối của con, hăng hái đưa chiếc đầu tới. Bộ tóc lỏng lẻo của chị rơi lả tả từng mảnh xuống, theo mỗi đợt sắt linh thiêng. Một chiếc áo dài bằng lụa đã thay thế cho loại trang phục của thời đại, nhưng vẫn không làm cho chị kém phần thu hút. Nổi buồn chán của chị đã được mảnh vải băng trên trán che khuất, chiếc khăn voan mỏng mảnh kỳ bí, kèm với chiếc mái đầu trần trụi, là những biểu hiệu làm bội tăng thêm tấm lòng trinh khiết và sùng mộ của chị. Chưa bao giờ chị đẹp hơn thế. Cặp mắt ăn năn sám hối như còn lưu luyến đôi chút bụi trần, nhưng linh hồn của chị thì đã bay bổng lên mãi tận trời cao.

“Trong giờ phút này, chị Amélie vẫn chưa có quyền trình bày những điều nguyện ước của chị, và để dứt khoát được tục lụy hồng trần, tục lệ đã buộc chị phải kinh qua cuộc sống tại vùng phần mộ. Chị nằm trên một tấm đá hoa cương, và người ta đã phủ kín lên người chị một tấm vải liệm. Bốn ngọn nến làm dầu ở bốn góc. Vị linh mục, với chiếc khăn choàng ở cổ, với cuốn thánh kinh ở tay, khởi sự làm lễ tang chế, các trinh nữ nối tiếp theo tiếng của linh mục. Ôi hoan hỉ thay là tôn giáo! Vĩ đại thay là tôn giáo! Nhưng, cũng dữ dội thay là tôn giáo! Người ta đã bắt con phải quỳ gối xuống ở bên cạnh vị trí sâu thẳm và trang trọng đó. Bất thành linh, một tiếng thảm thì mơ hồ phát ra từ phía dưới tấm vải tang chế. Con cúi gục xuống và những lời lẽ khủng khiếp (chỉ có một mình con nghe thấy) đập thẳng vào tay con: “Thượng đế hãy thương xót chúng con, xin Ngài hãy giúp con đừng bao giờ trỗi dậy khỏi chiếc giường tang tóc này, xin Ngài hãy đông đầy những điều tốt đẹp cho em trai con, đứa em trai đã không chịu chia sẻ tình trạng mê say đắm đuối của con!”

“Từ trong quan tài đã vượt thoát ra những lời lẽ đó, những lời lẽ khủng khiếp đích thực, đã khiến cho con tỉnh hẳn lại, lý trí của con điên cuồng lên, con gieo mình xuống phía tấm vải liệm, ôm chặt lấy chị con vào trong vòng tay, kêu lớn lên: “Hỡi người phối ngẫu trinh trắng của đức Chúa Jêsus Christ, xin người hãy nhận ở nơi đây, những ôm ấp cuối cùng của một đứa em, trước cái chết âm thầm, và trước chiều sâu của vĩnh cửu, đã chia cách hai chị em ta!”

“Cử chỉ đó, tiếng kêu đó, những giọng lệ đó, đã làm buổi lễ bị rối loạn: Vị linh mục đã ngưng lời cầu nguyện, các nữ tín đồ đóng ngay cửa sắt lại, đám đông vội vã di động về phía bàn thờ, người ta mang con đi, trong tình trạng bất tỉnh. Mặc dù, con không thuận ý với người đã nhắc nhở con tiếp nối những ngày dài! Nhưng, ngay khi con mở mắt tỉnh lại, thì con đã được biết rằng, buổi lễ đã hoàn tất, và chị con đã bị rơi vào một cơn sốt mãnh liệt. Chị khẩn nài con đừng tìm gặp chị nữa. Hỡi ôi, đời sống của con mới nghèo nàn lắm sao! Một người chị đã e ngại phải nói chuyện với một đứa em, và em đã hãi sợ khi phải nghe tiếng nói, của hẳn với chị hẳn! Con đã rời khỏi tu viện, giống như đã rời khỏi một khu vực hành tội, nơi mà những ngọn lửa đỏ đã chuẩn bị cho chúng con bước vào một đời sống thiên đàng, nơi mà người ta mất hết tất cả, chẳng khác chi, ở những miền địa ngục, ngoại trừ, hy vọng.

“Người ta có thể tìm thấy những sức mạnh ở trong một linh hồn đang phải chống kháng với nỗi bất hạnh cá nhân, nhưng, khi đã trở thành duyên cớ vô tình của nỗi bất hạnh, do người khác đưa tới, điều đó hoàn toàn không thể chịu đựng nổi. Đã sáng tỏ về những cơn buồn bực của chị con, con hình dung ngay được những nỗi khổ đau của chị. Thế là, chị đã giải tỏa cho con tất cả những điều thắc mắc cần thiết để con có thể hiểu nổi: sự hòa trộn giữa niềm vui và nỗi buồn, mà chị Amélie đã thể hiện ra vào thời gian con lên đường du hành, những chuẩn bị mà chị đã cố tình tránh né vào lúc con mới quay về, đó cũng chính là thời gian mà tình tự yếu đuối đã ngăn cản chị bước vào đời sống tu viện, chắc hẳn chị đã tự cho rằng, rồi chị sẽ vượt thoát được tình trạng đó! Những dự định ẩn trú, sự miễn trừ của người sơ tu, sự xếp đặt về của cải của chị dành cho con; chỉ là sản phẩm hiện thực của những lá thư liên lạc bí mật, đã từng làm cho con bị lầm lẫn.

“Hồi những người bạn thân thiết của con ơi, con chỉ còn biết khóc than cho những việc đã xảy ra, khóc than cho tình trạng xấu số không hề tưởng tượng nổi! Những đam mê của con từ lâu chưa xác định được, đột nhiên, hồi hải kéo tới bằng một tốc độ hung hãn của con mồi tiên khởi. Con đã tìm ra được một thỏa mãn bất ngờ, trong tình tự sung mãn của nỗi buồn khổ, và, qua một chuyển vận vui thỏa bí ẩn, con đã nhận thấy rằng, sự đau khổ không phải là một căn bệnh đã làm cho người ta kiệt quệ như là tình tự vui thỏa.

“Con muốn từ giã trần thế trước khi có lệnh triệu của đấng toàn năng, đó là một trọng tội vĩ đại: Thượng đế đã gọi chị Amélie tới, để vừa cứu rồi con, vừa trừng trị con. Cũng như, tất cả những ý niệm phạm tội và tất cả những hành động đăm đuổi, sau đó, đã dẫn dắt chị con tới những lộn xộn và những bất hạnh. Amélie đã van cầu con phải sống, còn con thì lại khuyên lơn chị đừng làm trầm trọng thêm những nỗi thương đau của chị. Có điều (thật là lạ) con đã không muốn chết kể từ lúc con bị tình tự thống khổ dày vò thực sự. Tình tự sâu não của con đã trở thành một mối bận tâm, đầy ăm ắp trong suốt những giờ phút sinh tồn của con: Gia dĩ, trái tim con vốn đã bị nhào nặn bởi nỗi chán chường và khốn khổ bẩm sinh rồi!

“Con đã bất thần quyết định sẽ rời bỏ Âu Châu để sang Mỹ Châu.

“Vào thời gian này, tại hải cảng B... người ta lại đang trang bị một chuyến hải hành sang Louisiane, con liền sắp xếp với một trong số những vị thuyền trưởng, rồi vừa báo tin cho chị Amélie biết, vừa chuẩn bị lên đường.

“Chị con giờ đây đã đặt chân tới ngưỡng cửa tử vong. Nhưng, Thượng đế, người đã an bài cho chị huy hiệu đầu tiên của những người trinh nữ, lại chưa muốn gọi chị về với Ngài một cách mau lẹ, sự thử thách của Ngài ở thế gian thường được kéo dài. Đặt chân vào một nghề nghiệp nặng nhọc, lần thứ hai, người nữ anh thư, đã còng lưng dưới cây thập tự giá, can đảm tiến bước về hướng những khổ đau, luôn nhìn thẳng vào giây phút chiến thắng của cuộc đấu, vào những nỗi thống khổ vượt mực, và vào những phút vinh quang tuyệt mức.

“Vì bận bịu với việc bán bớt một số ít tài vật, sau khi, con đã nhượng lại một phần lớn gia sản của con cho anh con, vì cuộc chuẩn bị của đoàn tàu phải kéo dài khá lâu, vì những trận gió bất thuận lợi, con đã bị giữ lại trong vùng hải cảng một thời gian dài. Mỗi buổi sáng, con đã tới báo tin cho chị Amélie biết, và lần nào cũng vậy, con đã ra về với những tình ý kính ngưỡng và đầy mắt lệ.

“Con đã lang thang cất bước ở quanh khu vực tu viện, xây cất ở ven biển. Qua một khung cửa sổ có chấn song sắt, nhỏ bé, mở về hướng một bờ cát hoang vắng, con thường nhìn thấy một nữ tu sĩ, ngồi im lìm, trong dáng điệu suy tư. Nàng mơ màng ngắm nhìn cảnh trí của đại dương, nơi ẩn hiện một vài chiếc hải thuyền, trực chỉ về phía địa cầu. Nhiều lần, dưới ánh trăng khuya, cũng qua khung cửa đó, con đã nhìn thấy chính người nữ tu ấy, đang chiêm ngưỡng biển cả, lấp lánh dưới ánh sáng của vùng nguyệt, nàng còn lắng tai nghe ngóng những tiếng động của đợt sóng cả đang rầu rĩ bề vỡ trên những bờ cát tịch liêu.

“Con còn ngỡ rằng mình đã nghe thấy những tiếng chuông, trong đêm, đang réo gọi các vị nữ tu sĩ thức giấc và cầu nguyện. Trong lúc tiếng chuông chậm rãi giống lên thánh thốt, và, trong lúc đó các nữ tu sĩ lặng lẽ tiến bước về phía bàn thờ đấng toàn năng, con đã chạy tới tu viện: nơi, chân tường mà thôi, để lắng nghe những tiếng cuối cùng của thánh ca, trong trạng thái xuất thần nhập hóa, những tiếng ca đang hòa trộn vào với những tiếng sóng ở dưới những vòm vọng của điện thờ.

“Con không hiểu vì sao tất cả những sự kiện ấy, đã nuôi dưỡng những nỗi khổ nhọc của con, và ngược lại, còn làm cùn nhụt được những kích thích nữa. Những giòng lệ của con đã bớt phần chua chát, khi con trải rắc chúng xuống những vùng đá tảng và ở giữa những trận gió. Nỗi sầu muộn của con cũng vậy, nó đã nhờ vào một trạng thái dị thường, đem lại cho nó một vài loại phương dược: Người ta đã thụ hưởng những gì không phải là của chung, ngay cả khi đó chính là sự vật bất hạnh. Con đã gần như hy vọng rằng, về phần chị con, chị cũng sẽ trở nên bớt khổ.

“Qua bức thư của chị con, mà con nhận được trước khi con lên đường, đã xác nhận ý niệm đó. Chị Amélie dịu dàng phàn nàn về nỗi khổ đau của con, và chị đoán chắc với con rằng, thời gian sẽ làm giảm nhẹ nỗi khổ đau của chị. “Chị không thất vọng về tình tự hạnh phúc của chị”,

chị viết cho con như vậy. Ngay cả sự quá lạm của buổi lễ giờ đây buổi lễ đã hoàn tất, cũng đã đem lại cho chị một vài sự bình ổn. Tình tự đơn giản của các bạn đồng tu, những ước nguyện trong trắng của họ, sự điều hòa về đời sống của họ, tất cả đã xông hương cho ngày tháng hiện hữu của chị. Khi chị nghe thấy tiếng bão gầm thét và tiếng vỗ đập của những cánh chim biển ở bên ngoài khung cửa sổ, thì chị, một con bồ câu đáng thương của trời cao, chị chỉ nghĩ tới hạnh phúc mà chị đã tìm thấy ở trong vùng trú ẩn đang kinh chống với cơn giông gió. Chính tại nơi đây, thần núi, có đỉnh ngọn vươn cao, nơi mà người ta đã nghe thấy những tiếng cuối cùng của trái đất và những tiếng hòa âm tiên khởi của trời xanh, chính tại nơi đây, tôn giáo đã làm cho một tâm hồn dễ xúc kích dần dần nguôi lại: Với những tình tự thương yêu mãnh liệt, tôn giáo đã thay thế một loại trinh khiết nóng bỏng, loại trinh khiết pha trộn được cả tình tự ham thích và tấm lòng trinh liệt. Nó có thể làm khô cạn mọi tiếng than van, nó có thể chuyển hóa một ngọn lửa tàn thành một ngọn lửa bắt khá hủy diệt, nó đã hòa hợp một cách thật tinh khiết tình tự bình ổn, mộc mạc với những biến động, những nhục cảm của một con tim đang tìm chốn nơi nghỉ và một cuộc sống đang tìm nơi ẩn trú”.

“Con không hiểu vì sao Thượng đế đã dành giữ con lại, và dường như Ngài đã muốn loan báo cho con rằng, những trận bão sẽ luôn luôn theo sát bước chân con. Lệnh lên đường của đoàn hải thuyền đã được thông báo, tải cả các hải thuyền đã sẵn sàng nhổ neo vào lúc mặt trời lặn. Con đã sắp xếp để có thể lưu lại một đêm cuối cùng ở trên mặt đất liền, hầu viết thư từ biệt chị Atnélie. Khoảng nửa đêm, trong lúc con đang chuẩn bị những vật liệu cần thiết và đang thẩm uớt những tờ thư bằng giòng lệ đổ thì tiếng giông bão kéo tới, đập mạnh vào tai con. Con lắng nghe. Giữa tiếng bão tố, con đã phân biệt được những tiếng sấm đại bác báo nguy, hòa trộn với tiếng chuông gọi hồn tại nơi tu viện. Con chạy như bay về phía bờ biển, vắng lặng, nơi mà người ta chỉ còn nghe thấy những tiếng sóng thét gào. Con ngồi xuống một viên đá tảng, một bên là những làn sóng lóng lánh trắng ngời, một bên là bức tường đen sạm của tu viện, mập mờ ẩn hiện lên nền trời. Một ánh lửa nhỏ bé hiển hiện qua lớp chấn song cửa sổ. Ôi, phải chăng chính là chị, chị Amélie của em, chị đang quỳ ở trước cây thập tự giá, để khẩn nguyện Thượng đế cứu vớt cho đứa em bất hạnh của chị vượt thoát khỏi trận bão! Cơn giông bão ở trên mặt sóng, tình tự bình ổn ở nơi vùng ẩn trú, những xác người dầm bập trên những tảng đá ngầm, đã không làm nao núng được chị. Sự vô tận ở bên ngoài bức tường của căn phòng, những chiếc đèn hiệu lay động trên các hải thuyền, chiếc đèn pha bất động tại nơi tu viện, những phần số bắp bệnh của giới thủy thủ, sự nhận biết của người trinh nữ trong một ngày duy nhất, của tất cả những ngày tháng sinh tồn ở tương lai. Về khía cạnh khác, một linh hồn như linh hồn của chị. Ôi chị Amélie hỡi, lòng chị đã nổi lên một cơn giông tố, chẳng khác chị, cơn giông tố ở nơi đại dương, chị đã rơi vào một tình trạng đắm đuối hiểm nghèo hơn cả cảnh trạng mà những người thủy thủ đã phải chịu đựng trong một vụ đắm tàu. Tất cả các cảnh trí đó vẫn còn ghi khắc sâu đậm ở trong vùng trí tưởng của con. Hỡi vầng thái dương tại nơi khung trời mới mẻ này, hãy làm chứng cho cơn đổ lệ của con, hỡi những tiếng vang vọng của các vùng bờ biển tại Mỹ châu này, hãy nhắc nhở lại những cơn nức nở của tên René. Buổi sáng, sau cái đêm kinh khủng ấy, con đã đứng tì tay trên lan can thuyền, để ngắm nhìn, một lần chót, mảnh đất quê hương! Con đã chiêm ngưỡng thật lâu những trận lay động cuối cùng của những hàng cây nằm trên bờ biển của tổ quốc, và những đỉnh nóc của tu viện dần dần khuất lấp xuống phía dưới chân mây”.

Khi René chấm dứt câu chuyện về cuộc đời của anh, anh liền rút một bức thơ, từ nơi lồng ngực ra, trao cho cha Souel, rồi ném mình vào trong vòng tay của Chactas, nện ngào nức nở, để nhường thời gian cho nhà truyền giáo đọc hết bức thơ, do anh đã đưa cho ông.

Đó là bức thơ của nữ tu viện... Bà nhắc nhở tới những giờ phút cuối cùng của dì Amélie, bị chết do lòng nhiệt thành và từ ái của dì, trong thời gian chăm sóc các đồng bào mắc bệnh thời khí. Tất cả cộng đồng đã không thể khuyên ngăn được dì và họ chỉ đành coi dì Amélie như một vị thiên thần. Nữ tu viện trưởng viết thêm rằng, kể từ ba mươi năm đứng đầu cai quản tu viện, bà chưa từng thấy một nữ tu sĩ nào trầm tư và hiền dịu như dì Amélie, và cũng không có một ai lại sẵn lòng từ bỏ những nỗi ưu phiền của trần thế giống như dì cả.

Chactas ôm chặt René vào trong vòng tay, ông vừa khóc, vừa nói với người con nuôi: “Con của ta ơi, ta ước mong có được cha Aubry ở nơi đây, ta không rõ là nhờ vào tình tự bình hòa

nào mà ông ta đã không xa lạ gì với những cơn giông bão, ông sẽ rút tia từ đáy lòng của ông ra, để giúp cho con bình ổn lại. Đó chính là vầng trăng giữa đêm giông tố: Những đám mây lang bạt đã không thể lôi cuốn trăng theo cuộc trốn chạy của chúng, trong sáng bất biến, trăng vẫn lặng lẽ tiến bước ở bên trên những đám mây. Hỡi ời, riêng ta, thì ta đã dẫn dắt những cơn biến động theo ta rồi!”

Cho tới giờ phút này, cha Souel vẫn giữ y nguyên vẻ trang nghiêm, chăm chú lắng nghe câu chuyện của René, không nói một lời, ông kìm giữ lòng từ ái ở trong tâm khảm, bên ngoài thì tỏ vẻ lạnh lùng cứng cõi. Thế rồi, sự xúc kích của vị kỳ lão đã lôi cuốn ông ra khỏi tình trạng lặng thinh:

“Không, trong câu chuyện thương tâm mà anh vừa kể, không có gì xứng đáng cả. Ông nói với người em trai của Amélie. Ta chỉ nhận thấy ở trong đó, một chàng trai trẻ bướng bỉnh bởi ảo vọng hảo huyền, với hẳn tất cả đều không vừa lòng xứng ý, và hẳn đã loại trừ tất cả những gánh nặng xã hội, để giao hòa vào những cơn mộng mị vô tích sự. Nhưng thưa ngài, làm gì có được một người cao cả, bởi chưng, ta đã nhìn thế gian qua một ngày ghê tởm, khả ố. Ta chỉ ghét loài người, ghét cuộc sống, bởi cái nhìn xa vời lắm lỗi của ta. Hãy rán nói tâm nhìn của anh ra một chút, là lập tức anh sẽ minh chứng được ngay rằng, tất cả những mối thương đau mà anh đã từng đắm đuối vào, đều chỉ là hư ảo. Thật là mắc cỡ nếu như đã không thể nghĩ tới nỗi bất hạnh đích thật ở trong đời sống của anh, mà không bị đỏ mặt lên! Tất cả sự trong sạch, tất cả nền tảng đạo hạnh, tất cả mọi tôn giáo, tất cả những vòng hào quang của một đáng thánh, đều không thể dung thứ nổi ý kiến độc nhất về những nỗi chán chường của anh. Chị anh đã đền tội của chị ta. Nhưng theo tôi, tôi e rằng, với nền tảng công chính đáng sợ, thì một lời thú tội phát xuất từ đáy mộ phần, tuy không làm rối loạn được anh, nhưng sẽ vùn vào chị ta. Anh đã làm gì một mình, tại xó rừng cây, nơi mà anh định chấm dứt cuộc đời của anh, trong tình trạng lơ lửng với bốn phận của anh? Những nhân vật thánh thiện mà anh đã nói với tôi, đều đã chôn vùi ở trong vùng hoang tịch? Họ đã tới nơi đây, với những giòng lệ của họ, và họ đã sử dụng những chuỗi ngày tại nơi này, để dập tắt những dục vọng của họ, nhưng với anh thì thời gian mà anh đã phí phạm đi, có thể sẽ chỉ nhóm lại những cơn dục vọng ở trong anh. Hỡi người trai trẻ tự cao tự đại, người đã tưởng là loài người có thể đủ sức chịu đựng nổi với bản thân của mình! Tình tự đơn côi rất tai hại cho những kẻ không nhìn nhận Thượng đế, tình trạng đó sẽ gia tăng thêm sức mạnh cho tinh thần, nhưng cùng lúc, nó sẽ tước đoạt tất cả mọi chủ đích để hành sự. Ai đã nhận lãnh sức mạnh đều phải hiến mình cho công việc của đồng loại. Nếu bỏ phí sức mạnh đó một cách vô ích, thì trước hết, họ sẽ bị trừng phạt bởi một nỗi khốn khó bí ẩn, và sớm muộn gì trời cao cũng sẽ gửi tới cho họ một hình phạt khủng khiếp”.

Bị rối động bởi những lời lẽ đó, René rời khỏi lồng ngực của Chactas với vẻ bẽn lễn xấu hổ. Vị kỳ lão mỉm cười, cái cười từ cửa miệng, không dính dấp tới đôi mắt, đã hiện lên một vài nét dị kỳ, và thánh thiện, “Con của ta ời, vị kỳ lão, người yêu của Atala nói, ông ấy sỉ vả chúng ta hơi nặng, ông ấy đã sửa chữa lỗi lầm cho cả hai người một già, một trẻ, ông ấy đã có lý. Đúng vậy, con cần phải từ bỏ cuộc sống dị thường đó đi, vì hạnh phúc chỉ có được trong những đường hướng cộng đồng, chung đụng. Ngày nào mà giòng trường giang Meschacebé, hãy còn ở gần nơi nguồn cội, thì nó chỉ là một giòng suối trong lành. Nó cần đòi hỏi tuyết ở trên đỉnh núi cao, nước ở trong những giòng thác lũ, mưa ở giữa cơn giông bão, và nó vượt qua đôi bờ duyên dáng của nó. Thế rồi, thoát đầu, giòng nước kiêu hãnh vang reo trước sức mạnh của nó, nhưng khi nó nhìn thấy những vùng hoang dã, mà nó băng ngang, mà nó bị mất hút trong sự cô đơn tịch mịch, mà những giòng nước của nó luôn rối động, thì nó mới thảm tiếc giòng nước khiêm nhường mà thiên nhiên đã đào sỏi cho nó, những bầy chim, những đóa hoa, những cây cối, và những giòng suối, lớp bạn đồng hành bình dị xa xưa, đã nằm bên giòng nước êm ả của nó”.

Chactas ngừng nói, và người ta đã nghe thấy tiếng của bầy hồng hạc, nắp mình ở trong bụi lau sậy, bên bờ giòng sông Meschacebé, báo hiệu một trận bão sẽ kéo tới vào lúc giữa trưa. Ba người bạn lên đường trở về vùng lều trại của họ: René lặng lẽ đi ở giữa, vị linh mục đang nguyện cầu Thượng đế, và vị kỳ lão mù lòa lúi dúi từng bước đương. Người ta nói rằng, do sự nài ép của hai vị lão giả, René đã quay về sinh sống với vợ anh, nhưng anh vẫn không tìm thấy hạnh phúc. Anh đã chết trong một cuộc tàn sát bộ tộc Natches, thuộc vùng Louisiane, do người Pháp chủ động, sau cái chết của Chactas và của cha Souel, một thời gian. Người ta vẫn thường

chỉ vào một tảng đá nơi mà anh tới ngồi vào những lúc chiều tà.
HẾT

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Chú thích :

- [1] Meschacebé là tên thật của giòng sông, hiện mang danh hiệu là Mississippi, hay Meschassipi.
- [2] P. Jacques Marquette (1637-1675) là một nhân vật thuộc đoàn thám hiểm của Jesus, người đầu tiên đã đặt chân tới vùng Mississippi (1673) Robert Cavelier de la Salle (1640-1687) đã tới vùng Mississippi và đi xuống tận vịnh Mễ Tây Cơ, đã bị giết chết trong một cuộc thám hiểm tại Louisiane
- [3] Vịnh Biloxi ở phía đông giòng Mississippi.
- [4] Một bộ tộc bản xứ.
- [5] Chactas danh tự của dân da đỏ, có nghĩa là tiếng nói hòa dịu.
- [6] Oedipe sau khi giết cha lấy mẹ, đã tự hủy hoại cặp mắt và được con gái là Antigone dẫn dắt. Ossian một nhân vật ở trong những bài thi ca, do James Macpherson mạo dựng lên.
- [7] Tác giả đã viết theo lời nói của người da đỏ, để chỉ tháng 5 dương lịch.
- [8] Mỗi lần có cơn mưa tuyết là một năm, vậy bảy lần mười với ba lần nửa, vị chi là 73 năm.
- [9] Bộ tộc Muscogulges sinh sống ở phía đông khu vực của bộ tộc Natchez.
- [10] Maubile (hay Mobile) là một giòng sông ở ven biển nằm ở giữa khu vực sông Mississippi và vịnh Pensacola.
- [11] Areskouï, thần chiến tranh của dân da đỏ.
- [12] Tức là vùng âm ty, địa ngục.
- [13] Một tỉnh nằm về hướng đông khu vực Florides.
- [14] Siminoles là một bộ tộc ở vùng Georgie và Florides.
- [15] Cuscowilla, là một tỉnh ở kế cận vịnh Mễ Tây Cơ
- [16] Dịch từ danh từ Colombe, cũng có nghĩa là người trinh nữ.
- [17] Mila là một tên phụ nữ, sẽ được nhắc lại, khi nói tới bộ tộc Natchez nàng là vợ của Outougaimz, người đàn bà đã yêu René.
- [18] Apalachucla, là một ngôi làng của sắc tộc Muscogulges...
- [19] Chata-Uche một con sông chảy vào vịnh Mễ Tây Cơ.
- [20] Một loại nhạc khí của dân da đỏ.
- [21] Chiếc ống điều của Viên tù trưởng hút phân nửa chí ý định hòa giải, liên minh, còn phân nửa có màu sắc chỉ ý định chiến tranh.
- [22] Tại miền Apalaches, tức là tại phương Đông.
- [23] Nhằm chỉ hướng Bắc.
- [24] Agar, là một nhân vật ở trong thánh kinh, vốn là một người Ai Cập, nữ nô của Abraham, mẹ của Ismael, sau đó, nàng và con trai được Sara, vợ Abraham thả về, khi Sara sinh ra Isaac.
- [25] Một vùng núi ở miền Nam Caroline.
- [26] Chỉ tháng bảy dương lịch.
- [27] Cảnh rừng cây rạp ngã, nom giống như rừng cây đã chiến đấu chống lại sức gió, và đã bị gió đón được, nên phải chạy trốn về phía lòng đất.
- [28] Một loại sáo có chín lỗ, làm bằng gỗ bọc đồng, có hình thù giống như con rắn.
- [29] Dây chì là một hiện tượng Áo Nhật.

- [30] SEM là con cả của Ông Noé. Theo thánh kinh, SEM là thủy tổ của giống dân Sémite.
- [31] Béthanie là thị trấn của Judéa, gần dãy núi Oliviers và Jerusalem (nay gọi là El-Azariyeh).
- [32] Giáo khu Québec, thành lập năm 1674, bao gồm nhiều vụ truyền giáo ở Gia Nã Đại, và Louisiane.
- [33] «Ông Phúc» dành chỉ những người đàn ông có con đàn cháu đống.
- [34] Câu này tác giả có ý nói tới bầy côn trùng lúc này khởi sự chui rúc xuống phía di hài của Atala để tranh giạt lấy phần mồi của chúng. Cũng vì thế, cho nên đồng đất mộ phần đã chuyển động theo sự xê dịch của chúng.
- [35] Céluta là tên người bản xứ của René.
- [36] Cuộc hiến sinh do tác giả đề cập tại nơi đây, nhằm chỉ việc xử tử hoàng đế Charles đệ nhất, còn bức tượng là tượng của hoàng đế Jacques đệ nhị.
- [37] Tên một quốc gia trong Thiên anh hùng ca mang tên Ossian, một tác phẩm của Macpherson phổ biến năm 1760, tại xứ Tô Cách Lan:
- [38] David vua xứ Tô cách Lan.
- [39] Con trai của hoàng đế Fingal vua xứ Morven.
- [40] Hoàng đế xứ Morven trong thiên anh hùng ca Ossian.
- [41] Chỉ vua Louis XIV
- [42] Tác giả muốn đề cập tới nhân vật Canus Julius, theo bài khảo luận của triết gia Sénèque, nhan đề là “De tranquillitate Amini”
- [43] Theo lời ghi chú B... có thể là BREST.